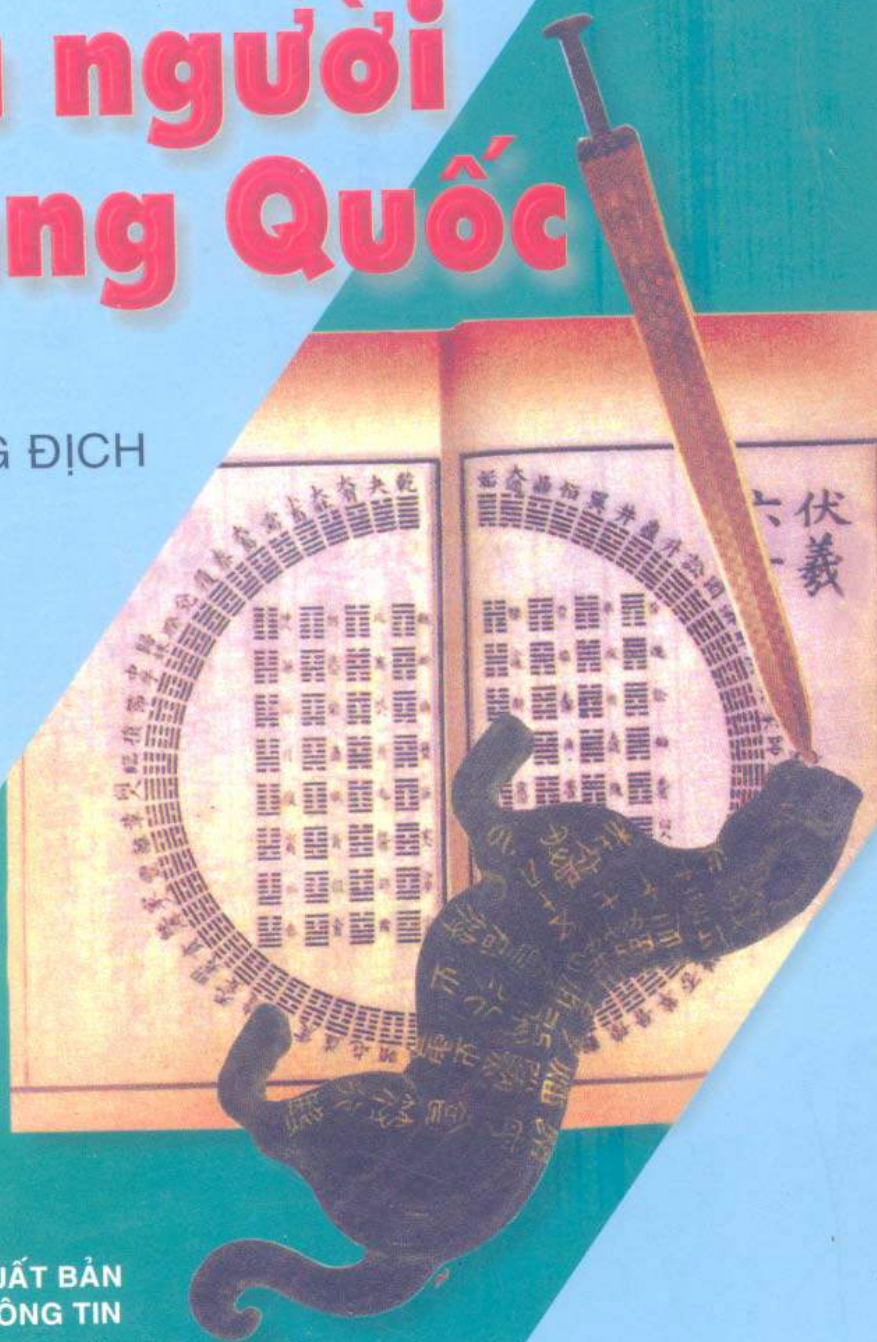


Mưu lược của người Trung Quốc

VƯƠNG DỊCH



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

*Mưu lược
của người
Trung Quốc*

Mưu lược của người Trung Quốc

Biên soạn :
VƯƠNG ĐỊCH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN • 1999

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc : **ĐẶNG BÌNH**
Nhà xuất bản Hải Nam - 1996

1.

Từ cảm tình lay chuyển đối phương

Đang lúc cùng đối phương ở vào tình thế đối lập gay gắt, phải nghĩ cách tìm ra điểm chung về mặt cảm tình giữa mình và đối phương, làm như vậy mới có thể hòa hoãn bầu không khí, trừ bỏ mâu thuẫn, tiến tới thuyết phục đối phương.

Câu chuyện Xúc Long thuyết phục Triệu thái hậu, đã được tuyển chọn vào sách giáo khoa ngữ văn trung học hiện đại, là câu chuyện được nhiều người biết đến. Nhưng về phương pháp giải thích đối với câu chuyện này có thể còn có những điểm khác nhau.

Giáo viên ngữ văn chú trọng tính tư tưởng và phương pháp viết văn, tuy cũng nói đến thuật tung hoành, nhưng không phải là điểm chính.

Ở đây chúng tôi thuật lại câu chuyện này, chỉ là sự phân tích chuyên về góc độ thuật tung hoành.

Năm 265 trước Công nguyên, chính là thời kỳ Chiến quốc bảy nước tranh hùng trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Khá nhiều đặc điểm của thời kỳ này, sẽ dần dần được giới thiệu ở phần sau cuốn sách.

Có một năm, Huệ Văn Vương nước Triệu băng hà, do Hiếu Thành Vương kế vị. Nhưng Hiếu Thành Vương tuổi còn trẻ, không thể chủ trì việc chính trị, do mẹ đẻ là Uy

hậu cũng chính là Triệu thái hậu nhiếp chính. Nước Tần mạnh ở phía Tây, chính lúc đang tìm kiếm cơ hội thực hiện kế hoạch thống nhất Trung nguyên, thấy cơ hội này tất nhiên không thể bỏ qua, thế là xuất quân tấn công nước Triệu. Các mưu sĩ của nước Tần trong các tung hoành gia lúc đó thuộc phái liên hoành, giải thích đơn giản chính là phá hoại sự liên hợp giữa 6 nước, "viễn giao cận công", từng bước thực hiện thôn tính lãnh thổ các nước lân cận.

Trong tình hình đại quân Tần xâm phạm biên giới, nước Triệu lại vừa đổi chúa nhỏ, quân lực cũng không địch lại được Tần, cách giải cứu duy nhất là cầu viện nước Tề, một nước lớn lân cận ở phía Đông.

Nước Tề không muốn ngồi nhìn Triệu bị Tần chinh phục, nhưng đồng thời cũng ra điều kiện : Cần Trường An Quân của nước Triệu làm con tin.

Điều kiện nghiêm khắc như vậy không phải là cao, trong thời kỳ Chiến quốc đó chỉ là một yêu cầu mang tính thông thường để đạt được một hiệp thương nào đó. Nhưng Trường An Quân lại là em ruột của Triệu Vương, là đứa con trai nhỏ nhất và được Triệu thái hậu yêu quý nhất, do đó lão Thái hậu nhiếp chính đã không đồng ý.

Các vị đại thần nước Triệu rất nóng ruột vì điều đó, nhiều lần tiến ra khuyên can nhưng không đạt kết quả, nói khá nhiều ý nghĩa lớn lao của việc làm này, Triệu thái hậu trái lại đã nổi nóng :

- Ai còn dám nói đưa Trường An Quân đến nước Tề làm con tin, ta sẽ nhổ nước bọt vào người ấy !

Đó là vì lão Thái hậu đã bị một tâm lý quá yêu con làm mê muội lý trí, bà lại đang nắm thực quyền, không người nào còn biện pháp nào khác. Mắt thấy tai nạn lớn sắp giáng xuống đầu, lão Thái hậu lại cố chấp khóa miệng mọi người, các đại thần nóng lòng giống như đàn kiến ở trên chảo nóng.

Lúc đó có một vị Nguyên lão trong triều tên gọi Xúc Long cầu kiến Triệu thái hậu. Triệu thái hậu nể mặt ông là Nguyên lão, không thể không cho gặp. Xúc Long đã già lắm rồi, sau khi thi lễ tấn kiến Triệu thái hậu, từ từ đi đến bên mình Thái hậu :

- Bệnh chân của thần lại tái phát, cho nên đi lại khó khăn, nhưng vì đã lâu không được thấy Thái hậu, hôm nay đặc biệt đến để thỉnh an.

Lời nói của người già khi gặp mặt có khá nhiều điểm chung, Triệu thái hậu cũng nói tiếp :

- Chân của tôi dạo này cũng rất tồi, cho nên đành phải ngồi xe. Than ôi, chúng ta đều già rồi.

- Vâng. Thái hậu ăn uống thế nào ?

- Tôi ngày nào cũng ăn cháo.

- Thần ăn uống cũng rất kém, nên thường đi dạo trong sân, vận động nhiều một chút, tình trạng thân thể đã khá hơn , ăn uống cũng tốt hơn một chút.

- Vậy tôi phải học tập ông, mỗi ngày cũng phải đi dạo nhiều.

Hai người già nói nhiều về những chuyện bình thường trong gia đình, không biết từ lúc nào cảm tình tiếp cận gần nhau. Đặc biệt là Triệu Thái hậu, vốn có lòng đề phòng Xúc Long, cho rằng ông lại đến để làm thuyết khách, đã chuẩn bị để ông phải bối rối ra về. Lúc này, tâm lý đề phòng đã dần dần được giảm bớt. Thực tế mục đích của Xúc Long trong lần đến này hết sức rõ ràng, là vì việc nước mà tới. Nhưng ông không nói thẳng ra. Sau khi nói loanh quanh một hồi, vẫn đi "cửa sau", tiếp tục nói về tình cảm đối với con cái :

- Đứa con trai nhỏ của thần không chịu tiến bộ, chẳng chịu làm nghề chính. Cứ tiếp tục sống như vậy sẽ hủy hoại tương lai của nó. Xin Thái hậu nể mặt lão thần, để cho nó vào cung làm một vệ sĩ, không biết Thái hậu có đồng ý hay không ?

- Tất nhiên là được. Nó bao nhiêu tuổi ?

- Năm nay 15 tuổi, còn trẻ con lắm. Thần già rồi, nhưng mong trong những năm còn sống có thể nhìn thấy nó được Thái hậu nâng đỡ thành người.

- A, thì ra người làm cha cũng yêu đứa con trai nhỏ nhất hơn tất cả !

- Còn hơn cả người mẹ yêu con trai.

- Không đúng, người mẹ yêu con trai hơn.

Xúc Long liên tục nói vòng vo, nói đến phần này, nhắc đến đứa con trai nhỏ, nói cha mẹ ai là người yêu quý đứa con trai út hơn, Xúc Long thấy thời cơ đã chín, quyết tâm đi vào vấn đề chính.

- Theo con mắt của thần, hình như Thái hậu có vẻ yêu quý người con gái là Tỷ Cơ đã được gả cho nước Yên hơn cả.

- Không phải, tôi yêu nhất là Trường An Quân.

Xúc Long hơi rung động trong lòng, tiếp tục thông thả nói :

- Thần còn nhớ khi Tỷ Cơ đi lấy chồng, Thái hậu đã khóc lớn khi con gái sắp rời xa mình. Sau khi công chúa lấy chồng, mỗi khi tới ngày tế lễ, Thái hậu đều cầu khẩn trời, cầu mong cho vợ chồng con gái được bách đầu giai lão (sống lâu). Cho nên thần nói Thái hậu yêu con gái hơn con trai. Thực ra con cháu tự có phúc của con cháu, chúng ta không nhất định phải lo lắng cho tiền đồ của chúng.

- Ông nói có lý lắm.

- Xin Thái hậu nghĩ xem, từ xưa đến nay, các vương thân quốc thích được phong làm chư hầu, phần lớn đều rất ít có thể duy trì đến đời thứ 3.

- Ừ. - Triệu Thái hậu nóng lòng yêu con tiếp tục đồng ý.

- Thực tế, tai họa lúc nào cũng có thể giáng xuống, hoặc giáng xuống đời chúng ta, hoặc có thể kéo dài đến đời sau. Không phải là con cháu Vương hầu tài năng chẳng ra gì, nguyên nhân chính của vấn đề đó là : không có cống hiến gì đối với quốc gia mà lại được phong những chức vị cao, không có công lao lại được hưởng rất nhiều bổng lộc, kết quả ngược lại đã làm hỏng tiền đồ của họ. Ví dụ như

Trường An Quân hiện nay, còn rất ít tuổi đã được phong Hầu, có được một lãnh thổ rộng lớn và tài vật dùng cả đời không hết, nhưng anh ta chưa làm được một việc gì cho triều đình, nếu như quốc gia đột nhiên có sự bất trắc, anh ta có thể duy trì sự phú quý của bản thân được hay sao ? Cho nên thân nói Thái hậu yêu con gái hơn mà không yêu con trai.

Triệu Thái hậu vốn là một nhà chính trị giàu kinh nghiệm, nói đến phần này, làm sao lại không hiểu ẩn ý trong những lời nói đó, về mặt tâm lý bắt đầu giao động. Trầm tư hồi lâu, Triệu Thái hậu quyết định đồng ý đưa Trường An Quân sang nước Tề làm con tin, không lâu, viện binh của nước Tề đến, Triệu tránh được nạn mất nước.

Đó chính là câu chuyện nổi tiếng Xúc Long thuyết phục Triệu Thái hậu. Chúng ta nhìn lại để phân tích cặn kẽ một chút, nếu như Xúc Long không chú ý tới phương pháp thuyết phục, vừa vào cửa đã nói những đạo lý lớn vì quốc gia, vì xã tắc, Triệu Thái hậu sẽ như thế nào, thế nào... dẫn đến kết quả ra sao ? Sợ rằng sẽ chỉ đổi lấy một bãi nước bọt, còn có kết quả gì khác ? Điều trọng yếu của ông thuyết phục Triệu Thái hậu, chính là nắm chặt động cơ của Triệu Thái hậu "Quá yêu con trai". Xúc Long thuận theo loại tâm lý này của Triệu Thái hậu, nhẹ nhàng từng bước tiến vào, bề ngoài vẫn là tranh luận xem ai yêu con trai hơn, thực tế là nói phải yêu con như thế nào để lo cho tương lai của con, cuối cùng đã khiến Triệu Thái hậu nhận rõ sự nuông chiều con quá mức trước đây về mặt căn bản

không tạo thành lợi ích lâu dài đối với con, từ đó mà tự mình phủ định bản thân mình.

Xúc Long và các đại thần không thể thuyết phục được Triệu Thái hậu đều có một điểm xuất phát chung, nhưng hiệu quả lại hoàn toàn trái ngược nhau, hiệu quả này được quyết định do kỹ xảo, và phương pháp thuyết phục.

2.

Từ từ bước vào then chốt của vấn đề

Đề xuất yêu cầu đối với đối phương, có khi phải giương Đông kích Tây, nói năng mập mờ, chẳng rõ khi nào đã khiến đối phương đồng ý.

Bất cứ đối thủ nào cũng đều có nhược điểm, then chốt là bạn có thể tóm được hay không, nhìn chuẩn xác hay không. Một khi tìm được nhược điểm chính xác của đối phương, liền có thể chỉ tấn công một lần là phá được.

Thời kỳ Chiến quốc có một nhân vật lừng danh – Mạnh Thường Quân. Nhắc đến Mạnh Thường Quân mọi người đều nghĩ ngay ông ta hào hiệp trượng nghĩa, thực khách ba ngàn người. Mạnh Thường Quân là danh môn quý tộc nước Tề, mấy lần đảm nhiệm chức vị Tể tướng, là người theo phái thực lực trong giới chính trị.

Có một lần ông và Tề Mẫn Vương ý kiến bất hòa, trong cơn bực tức liền bỏ chức Tể tướng, trở về lãnh địa riêng của mình là đất Tiết. Đến đất Tiết không lâu lại phát sinh một sự việc lớn, khiến Mạnh Thường Quân khó ứng phó.

Thời kỳ Chiến quốc giữa các nước có sự công phạt lẫn nhau, tựa như trẻ con đùa nghịch, cực kỳ rắc rối, quan hệ giữa các nước lằng giằng thường ở vào trạng thái không ổn định.

Lúc này tiếp liền với đất Tiết ở phía Nam là nước Sở hùng mạnh, chính đang xuất quân tấn công đất Tiết. So sánh với nước Sở, đất Tiết chẳng qua chỉ nhỏ như một hạt đậu (nguyên văn : viên đậu), binh lực, lương thảo,... đều không thể sánh được, một khi quân Sở đến, hậu quả đất Tiết thế nào chắc khỏi phải nghĩ. Trong lúc nguy cấp như vậy, chỉ còn cần cứu nước Tề. Nhưng Mạnh Thường Quân lại vừa bất đồng ý kiến với Mẫn Vương, chẳng còn mặt mũi nào để đi, mà có đi cũng sợ Mẫn Vương không đồng ý. Vì thế ông ta rất đau đầu, hầu như không nghĩ ra được một biện pháp nào.

Trong bước đường cùng ông trời đã đem tới cho ông ta một tia hy vọng, quan Đại phu nước Tề là Thuần Vu Khôn đến thăm đất Tiết. Thuần phụng mệnh Mẫn Vương đến Sở giao thiệp việc nước, trên đường về nhân tiện tới thăm vị danh môn vọng tộc Mạnh Thường Quân. Mạnh Thường Quân vui mừng, có thể nói là trời đã giúp ta. Ông sớm đã nghĩ ra chủ ý, tự ra ngoài thành tiếp đón, và bày yến tiệc thịnh soạn để khoản đãi.

Vậy Thuần Vu Khôn là người như thế nào ? "Sử ký - hoạt kê liệt truyện" ghi lại : Thuần Vu Khôn, mình cao 5 thước (5 thước Trung Quốc ngày xưa là người thấp), diện mạo bình thường, nhưng giỏi tùy cơ ứng biến, thường được làm hiệu lực đối với các chư hầu, nhiều lần không làm nhục sứ mạng trở về. Lại được ghi chép trong "Mạnh Tử - Tuấn Khanh liệt truyện" : Thuần Vu Khôn, người nước Tề, học rộng nhớ dai, giỏi thuận theo ý người, là một người giỏi trong việc quan sát sắc mặt của đối phương mà ứng phó rất tự nhiên.

Thuần Vu Khôn không chỉ là người có tư chất tốt, mà còn có quan hệ mật thiết với triều đình. Ba đời Tề vương là Uy, Tuyên, Mẫn, đều rất coi trọng ông. Thời kỳ Uy Vương, ông được ủy nhiệm toàn quyền tiếp đãi các chư hầu. Thời kỳ Tuyên Vương, ông phụ trách nghiên cứu học vấn, là nhân vật trung tâm của "Xã tắc học". Thời kỳ Mẫn Vương, ông trở thành cố vấn chính trị của triều đình, hơn nữa lại có quan hệ riêng với Mạnh Thường Quân.

"Đúng, chỉ có nhờ cậy ông ta " Mạnh Thường Quân đã quyết tâm, mở miệng nói thẳng yêu cầu giúp đỡ :

- Tôi sắp bị nước Sở tấn công, nguy hiểm đến nơi, mong ông giúp tôi.

Thuần Vu Khôn cũng rất dứt khoát :

- Ngài đã có lời, tôi xin tuân lệnh.

Người đời sau đoán rằng, lần đi này của Thuần Vu Khôn là có mục đích để giải nguy cho bạn, song có điều là phải đích thân Mạnh Thường Quân cầu cứu thì ông mới giúp. Trong giao thiệp bạn bè, có khá nhiều chuyện không cần nói cũng biết, xưa nay đều như vậy.

Lại nói Thuần Vu Khôn về đến nước Tề, vào Cung tấn kiến Mẫn Vương. Chủ đề chính của câu chuyện tất nhiên là phải báo cáo kết quả thi hành công vụ trong chuyến ra nước ngoài lần này, việc ông muốn làm cũng đã sớm được tính kỹ trong lòng. Mẫn Vương hỏi rằng :

- Tình hình nước Sở như thế nào ?

Câu hỏi của Mẫn Vương đúng vào điều Thuần Vu Khôn đã chuẩn bị kỹ, thuận theo câu hỏi này, Thuần Vu Khôn

bắt đầu triển khai thuật "công tâm", thực hành lời hứa đối với bạn.

- Sự tình rất xấu. Nước Sở quá ngoan cố, tự thị nước lớn, trong đầu chỉ muốn ý mạnh hiếp yếu. Còn đất Tiết, cũng không biết tự lượng sức mình.

Tính ý thức trong câu trả lời đó khá linh hoạt, nói đến đất Tiết, nhưng không để lộ dấu vết Mẫn Vương vừa nghe, vội hỏi ngay :

- Đất Tiết như thế nào ?

Thuần Vu Khôn mắt thấy Mẫn Vương đã mắc bẫy, liền nhân cơ hội nói :

- Đất Tiết đối với lực lượng của mình, thiếu sự phân tích, không có tầm nhìn xa. Xây dựng một tòa miếu thờ để tế lễ tổ tiên, qui mô rất lớn, nhưng lại không nghĩ rằng mình có đủ năng lực để bảo vệ nó được hay không. Hiện nay vua Sở đang xuất quân tiến đánh tòa miếu thờ này. Hừ, thật không biết hậu quả sẽ ra sao ! Cho nên thần nói Tiết không biết lượng sức mình, Sở cũng quá ngoan cố.

Tề Vương sắc mặt biến đổi dữ dội :

- Hừ, thì ra đất Tiết có tòa miếu thờ to như vậy ?

Liền lập tức hạ lệnh phái quân cứu đất Tiết. Bảo vệ miếu thờ của tổ tiên, là một trong những nghĩa vụ lớn nhất của nhà Vua. Vì muốn bảo vệ miếu thờ của tổ tiên tất phải xuất quân cứu đất Tiết, nguy cơ của đất Tiết chính là nguy cơ của nước Tề. Đứng trước loại nguy cơ này, Mẫn Vương hoàn toàn không tính đến ân oán cá nhân giữa mình và Mạnh Thường Quân. Trong suốt quá trình, Thuần Vu Khôn

không nói một câu xin Mẫn Vương xuất quân cứu Mạnh Thường Quân, mà là nắm chắc vấn đề Mẫn Vương quan tâm nhất - cũng chính là điểm yếu lớn nhất, giương Đông kích Tây, điểm vào chỗ đau, khiến Mẫn Vương phải tự mình chủ động xuất quân cứu đất Tiết, thực tế là cứu Mạnh Thường Quân. Thuật tung hoành của Thuần Vu Khôn quả là đã đạt tới tài nghệ tuyệt vời.

Ở trên là một đoạn câu chuyện trong "*Chiến Quốc sách*", nhân tiện đưa một đoạn lời bình về nó vào đây, cung cấp cho người đọc tự mình thưởng thức :

Nếu nói thẳng yêu cầu xuất quân cứu viện, thì kết quả của nó rất khó dự đoán. Người giao thiệp tài giỏi, chỉ điểm ra xu thế phát triển của sự việc, mặc dù chỉ là phương pháp điểm đến đó là dừng, nhưng quan trọng là điểm được vào nơi nguy hiểm, khiến đối phương phải phản ứng ngay. Phàm bất cứ việc gì cũng không nên quá nóng vội, mới là người thuyết phục tài giỏi.

3.

Tóm được chỗ nguy hiểm thì tấn công tới cùng

Phải nhiều lần làm rõ ý đồ đích thực của đối phương. Một khi đánh trúng nơi nguy hiểm của họ, liền có thể nhanh chóng chinh phục được họ.

Ví dụ ở trên, nói là điểm đến đó thì dừng. Bài viết này, lại nói khi tóm được chỗ nguy hiểm, phải tấn công tới cùng. Kỳ thực hai vấn đề đó không trái ngược nhau, vấn đề này ở lúc này, vấn đề kia ở lúc khác, giống như đánh trận, tình huống chiến sự thiên biến vạn hóa không thể dựa vào thuộc lòng binh pháp để áp dụng. Dùng câu nói mà người Trung Quốc hiện đại đều quen thuộc, tức là "Tất cả xuất phát từ thực tế".

Hiện tại muốn nói đến Thương Ưởng, một nhân vật cải cách xã hội mạnh mẽ, thực hiện rộng rãi "Biến pháp Thương Ưởng" trong thời Chiến quốc. Ông là người cùng thời với tổ tiên của Tần Thủy Hoàng, ông Vua đầu tiên thống nhất Trung Quốc, bước vào giới chính trị, đã có một quan hệ qua lại khác thường với vị Vua đang cầm quyền hồi đó là Tần Hiếu Công.

Sử ghi lại, Thương Ưởng có thể tấn kiến được Tần Hiếu Công là do được một quan đại thần là Cảnh Giám tiến cử. Lần đầu tấn kiến, hiệu quả rất tồi.

Thương Ưởng thì thao thao bất tuyệt, Hiếu Công trái lại có vẻ mỗi mệ, nửa thức nửa ngủ nghe Thương Ưởng nói tràng giang đại hải. Sau việc đó Hiếu Công gọi Cảnh Giám tới, mắng té tát một trận :

- Người khách của người chẳng ra làm sao, thật ngu xuẩn, nói với ta những sai lầm như trưng thu thuế bằng tiền mặt, v.v...

Cảnh Giám bị mắng, trong lòng buồn bã, tìm đến Thương Ưởng chỉ trích :

- Ông nói cái gì đấy, để tôi bị mắng.

Thương Ưởng trả lời :

- Tôi nói chuyện với Hiếu Công, là về cái đạo của Đế chế, có thể ông ta không cảm thấy hứng thú.

Mấy ngày sau, Thương Ưởng lại có cơ hội tấn kiến Hiếu Công. Thương Ưởng lại thuật cận kê về một đường lối lý luận khác cho Hiếu Công nghe, nhưng vẫn không gây được sự hứng thú đối với Hiếu Công. Thương Ưởng lại cầu xin Cảnh Giám :

- Lần này, tôi lấy Vương đạo làm đề tài nói với Hiếu Công, hình như ông ta cũng không chịu nghe. Như thế đấy, xin anh nỗ lực bạn giữa chúng ta, lại sắp xếp cho tôi cơ hội tấn kiến một lần nữa.

Qua sự xoay xở của Cảnh Giám, Thương Ưởng lần thứ 3 được tấn kiến Hiếu Công. Nói chuyện hồi lâu, Hiếu Công gần như có điểm động lòng. Đợi Thương Ưởng lui ra, Hiếu Công nói với Cảnh Giám :

- Người quả là có cặp mắt tinh tường, vị khách này rất biết nói chuyện, ta rất yêu thích tài năng của ông ta.

Cảnh Giám trở ra hỏi duyên cớ Thương Ưởng, Thương Ưởng nói :

- Lần này tôi thuyết giải với nhà vua là về cái lý của Bá đạo, ông ta rất hứng thú. Ông bạn cũ ơi, phiền ông sắp xếp cho một lần cuối cùng.

Lần thứ 4 tấn kiến thực hiện xong, Hiếu Công rất vui vẻ, bàn bạc liên tục liên trong mấy ngày.

Cảnh Giám tự nhiên cũng rất phấn khởi, hỏi đồn Thương Ưởng :

- Chúa công mấy ngày nay rất vui, cuối cùng ông đã nói cái gì thế ?

Thương Ưởng thành thật trả lời :

- Đầu tiên tôi lấy các Thánh vương thời cổ làm ví dụ dẫn dắt, lại nói đến cái đạo của Đế vương, tiếp theo nói về các đạo của Vương đạo, Hiếu Công đều không động lòng, hơn nữa lại không nhịn được nữa nói : "Những đạo lý lớn của ông dài dòng quá, tôi nghe chẳng thú vị gì. Trong một đời biểu hiện tài năng rõ ràng là minh quân, Đế nào, Vương nào cũng được, mấy chục năm, mấy trăm năm nào có ý nghĩa gì ?". Trải qua mấy phen thất bại, tôi nói với ông ta về phương lược để làm mạnh đất nước, trái với trạng thái ban đầu Hiếu Công nghe tôi nói liên mấy ngày.

Phân tích từ đoạn ghi chép trên, Thương Ưởng đã phải trải qua từng lần từng lần một thử thăm dò mới sờ đúng được chỗ nguy hiểm của Hiếu Công, từ đạo của Đế chế, đạo

của Vương đạo, lý của Bá đạo, cuối cùng là đến phương lược làm mạnh nước, mới được Hiếu Công chấp nhận.

Một loại phân tích khác cho rằng kế hoạch của Thương Ưởng rất tỉ mỉ chu đáo, trước khi dựa vào nước Tần đã biết rõ Tần Hiếu Công là người thế nào, nói vòng vo dài dòng là để từng bước biểu lộ tài hoa của bản thân mình, tấn kiện được Hiếu Công là cơ hội ngàn năm có một, do tràn đầy niềm tự tin, cái gọi là thất bại ở mấy lần trước tuyệt đối không làm cho Hiếu Công khinh miệt được Thương Ưởng, ông ta mới dám vòng vèo tác chiến. Tuần tự từng bước, tóm được chỗ nguy hiểm, nói liền một mạch trong suốt mấy ngày đêm, cuối cùng đã buộc Tần Hiếu Công phải nghe theo ý kiến của mình.

Thương Ưởng quyết không phải là gặp vận may, mà là sau khi tìm ra điểm yếu của đối thủ liền tấn công tới cùng, tất cả đều trong sự tính toán trước. Về sau ông ta đã lưu lại ấn tượng sâu sắc trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, tuyệt đối không phải chuyện ngẫu nhiên.

4.

Lợi dụng điểm yếu của bản tính con người

Trong bản tính của con người có rất nhiều điểm yếu. Giỏi việc lợi dụng điểm yếu của đối phương, tạo cơ hội cho bản thân mình, đó cũng là một trong những tuyệt chiêu có lực nhất trong mưu kế của người xưa.

Ở vào cảnh tuyệt vọng, lại có thể sống được, bề ngoài xem ra là công lao của miệng lưỡi. Xét về thực chất của nó, đó là sự kết hợp giữa trí tuệ và nghị lực, luận về phương pháp, chính là sự tấn công vào điểm yếu của địch thủ. Nay thử đưa ra một ví dụ.

Nước Tề có một vị trọng thần tên gọi Trương Sửu, bị đưa đến nước Yên làm con tin. Không lâu sau đó quan hệ giữa hai nước xấu đi, Trương Sửu lúc nào cũng có nguy cơ bị sát hại. Trương Sửu không muốn ngồi im đợi chết, quyết tâm trốn đi. Chạy đến biên giới không mấy ông bị lính Yên bắt được, đúng là nạn lớn sắp giáng xuống đầu.

Trương Sửu ở trong cảnh tuyệt vọng, quyết tâm dốc toàn lực sống mái một trận, ông nói dối lũ quan binh nước Yên bắt được ông :

– Sở dĩ Yên Vương muốn đuổi giết ta, là vì có người vu cáo ta với nhà vua, nói ta có khá nhiều vật báu. Nhưng số vật báu này đã sớm bị người khác lấy trộm rồi. Trái lại

Yên Vương cứ ép ta phải đưa ra, ta vì không có mà đưa ta mới phải trốn đi. Các người mà bắt ta về ra mắt Yên Vương, Yên Vương nhất định bắt ta phải trao vật báu. Trước đây vật báu đã bị người khác lấy đi, ta không biết họ tên. Lần này các người bắt ta về, ta biết trả lời làm sao với Yên Vương, ta rất có thể sẽ nói vật báu bị các người cướp đi, và đã nuốt vào trong bụng. Bằng vào cơn nóng giận của Yên Vương, ông ta sẽ lập tức bắt các người phải đưa vật báu ra, thậm chí có thể mổ bụng các người để xem lời nói của ta có thật hay không. Như thế, ta sẽ bị giết, nhưng các người sẽ chết trước ta.

Quan binh nước Yên vốn tham sống sợ chết, nghe lời phân tích của Trương Sữu, cảm thấy có lý, so với việc trước mặt chủ phải biện hộ cho mình, chẳng thà thả quách Trương Sữu còn có tình người hơn.

Đó là một ví dụ điển hình nhất về vấn đề "Tấn công vào điểm yếu của đối phương".

Trương Sữu có thể trong hoàn cảnh ngàn cân treo sợi tóc giữa cái sống và cái chết, tùy cơ ứng biến, cuối cùng thoát thân, chính là đã tấn công được vào điểm yếu của đối thủ. Vì các đối thủ đều biết rất rõ Yên Vương chuyên quyền ngang ngược, tham lam, làm không khéo bản thân bị bắt, có khi còn mất cả mạng, tội gì mang vạ ?

Cái gọi là tấn công vào điểm yếu của đối phương, chính là phải tấn công vào phần yếu nhất. Có người cho rằng như vậy không phải đạo lý công bằng, có người sẽ áy náy về việc đó. Hành động này còn phải xem tình thế, xem đối thủ, xét lợi hại. Giống hoàn cảnh nguy hiểm như Trương

Sử ở trên, chúng ta ngoài việc bị khuất phục thì không còn bất cứ điểm nào trách ông ta được. Thực tế, hiện tại lưu hành giữa các cơ quan, các loại đàm phán, hiệp thương, ký điều ước, v.v... không ở đâu là không có sự so đo về trí lực, hai bên đều gắng sức tìm kiếm điểm yếu của đối phương, tính toán để thêm sức nặng vào bên mình, giành được điều kiện hoặc kết quả có lợi nhất. Những điều luận thuật ở bài viết này, thuần túy chỉ là vấn đề kỹ xảo, nó không liên quan đến đạo đức. Ví như trường dạy bắn súng người ta dạy anh bắn súng, nhưng họ không bảo anh giết người.

5.

Thu thập tin tức tình báo

Thu thập các loại tin tức tình báo liên quan tới đối phương, sẽ giúp cho việc phân đoán chuẩn xác bối cảnh, quan hệ với người khác và thực lực của đối phương, tìm ra chỗ nguy hiểm của họ.

Muốn thuật kỹ điểm này, tốt nhất là kể lại một câu chuyện để chúng ta cùng suy ngẫm.

Thời kỳ Chiến quốc có một nhân vật từ địa vị một nhà buôn một bước nhẩy lên trở thành Tể tướng và nắm đại quyền ở nước Tần, đó chính là Lã Bất Vi.

Có rất nhiều truyện về Lã Bất Vi, những sách lịch sử thời xưa ghi chép phần lớn bình luận về ông ta theo nghĩa xấu, nói ông ta nham hiểm, gian trá, điêu ngoa, chuyên quyền, nhưng cũng đồng thời phải công nhận sự thông minh, mưu lược của ông ta. Làm được nhiều như vậy ? những việc lớn như vậy mà vẫn đánh giá thấp trí tuệ của thương nhân, sợ rằng không ai tin được. Cuốn sách này thuật lại là bước đầu phát tích của ông ta, một "chiêu" quan trọng nhất trước khi ông ta bước vào diễn đàn chính trị nước Tần.

Lã Bất Vi buôn bán ở Hàm Đan, thủ đô nước Triệu, quen biết một người là Tử Sở bị nước Tần đưa đến nước Triệu làm con tin. Tử Sở mặc dù mang danh là con cháu

Tần Vương, nhưng ở nước Triệu cuộc sống rất khốn cùng, chán nản. Lã Bất Vi trái lại bằng cấp mất của một nhà buôn nhận định chính xác Tử Sở là một "hàng hóa kỳ lạ", quyết định "mua" anh ta.

Cái gọi là "hàng hiếm có thể đầu cơ", mua vào để bán ra, đặt giá cao để bán cho người nào cần loại "hàng hóa" này. Sự tính toán sâu xa của Lã Bất Vi hãy xem kỹ dưới đây.

Lã Bất Vi vào cửa báỉ phóng Tử Sở, và nói chuyện rất lâu. Khi ra ngoài cửa đã đặt quyết tâm, đem tất cả hàng hóa tài vật, tiền bạc, đổi thành vàng. Lã Bất Vi đưa cho Tử Sở 500 lạng vàng là một nửa số tài sản đó, còn một nửa mang theo bên mình đi thẳng sang nước Tần, bắt đầu chuẩn bị "bán" Tử Sở, gõ cửa lớn nhà Tần.

Thời đó, vua nước Tần là Chiêu Vương (từ năm 306 đến năm 251 trước Công nguyên), Tử Sở là cháu nhà Vua, cha của anh ta là An Quốc Quân được lập làm Thái tử. Nhưng vị Thái tử này lúc đó đã có hơn 20 người con trai. Tử Sở là con của một trong khá nhiều người thiếp của An Quốc Quân sinh ra, mẹ đã không có địa vị cao, con tất cũng khó lòng hiển đạt. Tử Sở chính vì mẹ của mình là Hạ Cơ do đã mất đi sự sủng ái của An Quốc Quân mới bị đưa sang nước Triệu làm con tin.

Phân tích từ điều kiện của Tử Sở, thì rõ ràng là tương đối kém. Muốn cạnh tranh để thắng hai mươi mấy vị Vương tử kia, đợi cha được làm vua để mình làm Thái tử, thì tiền đồ rất mờ mịt, thậm chí là không thể làm được. Nhưng Lã Bất Vi lại cứ nhằm vào chàng Tử Sở cùng khốn

này, không thể không làm một cuộc mua bán lớn về chính trị.

Mục tiêu nhằm vào của Lã Bất Vi là Hoa Dương phu nhân.

Hoa Dương phu nhân là vợ chính của An Quốc Quân, là nguyên phối phu nhân mà ông ta sùng ái nhất, quyền thế của phu nhân không một thế thiếp nào khác có thể sánh bằng. Còn điều sấu muộn duy nhất của Hoa Dương phu nhân là không có con trai.

An Quốc Quân sớm muộn sẽ kế thừa Vương vị, Hoa Dương phu nhân tất nhiên sẽ là Hoàng hậu sau này. Nhưng tâm lý bà ta có một nỗi buồn khổ không thể tháo gỡ nổi : nếu như một ngày kia mất đi sự sùng ái của An Quốc Quân thì làm thế nào ? Người đàn bà trong hậu cung không có con trai do mình sinh ra, kết quả thế nào, không phải chỉ là sự lạnh lẽo cô đơn, thâm thương không biết đến mức nào. Quan hệ giữa các cung nữ trong hậu cung thường chen ép nhau rất tàn khốc, chắc rằng Hoa Dương phu nhân hiểu rõ hơn bất cứ người bình thường nào khác. Lã Bất Vi nhắm đúng vào điểm này.

Ông ta muốn "bán" Tử Sở cho Hoa Dương phu nhân.

Sau khi Bất Vi đến nước Tần, người trực tiếp ông ta tìm đến không phải là Hoa Dương phu nhân, mà là chị gái của bà ta. Bất Vi hiểu rõ, bằng vào thân phận của một nhà buôn không có địa vị gì lại vẫn không quen biết Hoa Dương phu nhân, tấn kiến phu nhân và triển khai thuyết phục, thì không bằng mượn sức của người khác -

để chị gái của Hoa Dương phu nhân đến thuyết phục bà ta. Điều này có thể thấy tầm tính toán sâu xa hơn người của Lã Bất Vi. Lã Bất Vi dùng phương thức gì để hối lộ và thuyết phục Hoa Dương phu nhân, "Sử ký" không ghi chép, nhưng chắc chắn đó không phải là một đoạn hay trong bài viết này. Nhưng ông ta quả thực đã thuận lợi để vượt qua "quan ải" này, và do chính miệng của chị gái Hoa Dương phu nhân thuyết phục bà ta bằng những lời sau đây :

- Làm người đàn bà như chúng ta, nhan sắc chỉ hơi kém đi một chút là có thể mất đi sự sủng ái của chồng. Hiện tại tuy em mặc dù chiếm độc quyền sự sủng ái của An Quốc Quân, nhưng có một điều đáng tiếc là em không có con trai do mình sinh ra, còn con trai của An Quốc Quân lại có đến trên hai mươi người. Do đó em cần phải chọn một đứa con trai vừa thông minh vừa hiếu thuận nhận làm con nuôi, dùng nó để kế thừa An Quốc Quân, và phải được sự xác nhận của An Quốc Quân khi ông ta còn sống. Vạn nhất An Quốc Quân băng hà, con trai nuôi của em kế thừa Vương vị, có thể bảo đảm cho em trọn đời phú quý. Em gái à, nhân lúc em còn trẻ, việc này nên làm ngay, để đứng chân cho vững, chớ để đến khi em già đi và bị thất sủng mới để ý đến vấn đề này, lúc đó có hối hận thì đã muộn rồi đó !

Những lời nói này từng câu từng câu đều đánh trúng điểm yếu của Hoa Dương phu nhân, bà ta nhiều lần gật đầu, mong chị gái tiếp tục vạch mưu tính kế.

- Dưa theo sự quan sát từ lâu của chị, Tử Sở bị đưa sang nước Triệu làm con tin là đứa khá. Vừa thông minh

vừa hiếu thuận, nghe nói anh ta thường nhắc đến em và An Quốc Quân, chỉ hận là bản thân anh ta phải ở nước ngoài, không có cách nào ở cạnh hai em để tỏ hết lòng hiếu thuận của anh ta. Bằng vào thứ tự lớn nhỏ và địa vị của mẹ anh ta, anh ta rất khó có tư cách để được kế thừa Vương vị. Dựa vào quyền thế của em giúp đỡ, anh ta có thể thực hiện được nguyện vọng đó, đứa trẻ này thế chết sẽ trung thành với em. Làm được điều này, suốt đời em có thể gối cao ngũ yên khỏi phải lo lắng.

Cuộc nói chuyện này được Hoa Dương phu nhân hoàn toàn đồng ý. Hoa Dương phu nhân đã lập quyết tâm. Đợi khi An Quốc Quân tâm tính vui vẻ nhất, đang muốn chiêu chuộng nàng, bằng mọi cách quyến rũ, Hoa Dương nũng nịu khóc nói :

– Đời này thiếp được chàng sủng ái, quả thực không biết có người đàn bà nào hạnh phúc được hơn thiếp ! Điều ân hận duy nhất của thiếp là không thể sinh cho chàng một đứa con trai. Nếu như phu quân quả thực cũng đau với nỗi buồn của thiếp, xin thỏa mãn một nguyện vọng của thiếp, đưa Tử Sở để thiếp nuôi dưỡng, và lập nó làm người kế vị, thiếp về già có chỗ nương tựa, thì đời này đã mãn nguyện lắm rồi !

An Quốc Quân cực kỳ sủng ái Hoa Dương phu nhân, lại không nỡ từ chối lần thỉnh cầu này của bà ta, không lâu, quả thật đã triệu hồi Tử Sở từ nước Triệu và lập làm người kế vị.

Tử Sở về sau chính là người kế thừa Vương vị Trang Tương Vương. Con trai của Tương Vương chính là vị Hoàng

đế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc là Tần Thủy Hoàng. Lã Bất Vi trở thành Tể tướng trong hai đời Trang Tương Vương và Tần Thủy Hoàng, quyền nghiêng thiên hạ, hô gió gọi mưa, đó là chuyện về sau.

Từ một nhà buôn bình thường trở thành Tể tướng hai đời, xét đến cùng về nguồn gốc, phải thừa nhận Lã Bất Vi có tầm nhìn độc đáo. Ông ta coi Tử Sở như một hàng hóa kỳ lạ, và sử dụng thứ hàng hóa kỳ lạ này tấn công và thỏa mãn điểm yếu của Hoa Dương phu nhân, hai điểm này chính là chỗ thành công của ông ta.

Thuật lại bài viết này muốn nhấn mạnh đến vấn đề tấn công vào điểm yếu của đối thủ. Câu chuyện về Lã Bất Vi so với bài viết trước thuật việc Trương Sữu tùy cơ ứng biến càng biểu lộ mưu kế cao thâm hơn hẳn. Một điều đáng được nhấn mạnh là, tiền đề dẫn đến thành công trong mưu kế này của Lã Bất Vi chính là sự tìm hiểu sâu sắc đối với nội tình Vương thất nhà Tần, dùng một ý trong thuật ngữ hiện đại, gọi là nắm được tin tức tình báo chính xác. Không có một số tin tức tình báo chính xác làm cơ sở, thì sẽ không có hàng loạt hành động gan dạ quyết đoán về sau. Xã hội hiện đại so sánh với thời kỳ Lã Bất Vi thì đã xuất hiện sự biến hóa về chất. Hiện nay là thời kỳ quá thừa tin tức tình báo, muốn lay chuyển được đối thủ, đầu tiên cần phải từ trong rất nhiều các tư liệu tìm ra và tuyển chọn được những tư liệu liên quan đến điểm yếu của đối thủ một cách chính xác nhất. Đây phải là một công việc đầu tiên, có tính tiền đề để bảo đảm thành công trong việc thực hiện ý đồ của mình.

6.

Lòng dạ đàn bà

Ở một khía cạnh nào đó, vào lúc một người đàn bà già đối nhất cũng chính là lúc chân thực nhất, bởi vì đàn bà vốn thường bị bản năng chi phối.

Nhược điểm chung của đàn bà khắp thiên hạ là gì ? Câu chuyện về Lã Bất Vi đã tiếp cận rất gần với chủ đề này, nhưng ở bài viết trước sự tập trung chú ý của chúng ta là ở vấn đề nắm bắt những tin tức tình báo có giá trị. Một đoạn trong câu chuyện về Trương Nghi trước khi thúc đẩy thi hành chính sách "Liên hoành", tất là một ví dụ tuyệt diệu về việc làm thế nào để tấn công lòng dạ đàn bà.

Trương Nghi trước khi trở thành Tể tướng của nước Tần, với thân phận là một "Thuyết khách" đi chu du các nước, trong đó có mấy lần phải trải qua những tháng ngày vất vả lao đao.

Các thuyết khách trong thời kỳ Chiến quốc, chính là đến các nước du thuyết hiến sách lược, tự tiến cử bản thân, để mưu đồ sự phát đạt trên đường sĩ hoạn. Đó là một thời kỳ có một tư tưởng rất linh hoạt, gọi là "Bách gia chư tử", là một thời kỳ trong lịch sử cổ đại Trung Quốc đáng được người đời sau nghiên cứu sâu xa.

Nói về lúc Trương Nghi chưa được hiển đạt. Do mới ra khỏi lều tranh, còn chưa hiểu sâu sắc thế giới chung quanh,

Quân vương các nước cũng còn chưa biết về chàng trai trẻ Trương Nghi này. Trong thời gian chạy Đông chạy Tây, không những không giành được sự tín nhiệm của các Quân vương, ngay cả đến tiền ăn ngủ trên đường cũng đều đã hết. Những thực khách theo anh ta, một ngày ăn ba bữa cơm cũng không có gì đảm bảo, phần nhiều đều có ý rời bỏ anh ta.

Trong lòng Trương Nghi cũng rất buồn bực không có kế gì để làm, nhưng vẫn cứ răn nói :

– Các vị cố nhẫn nhịn trong mấy ngày nữa, để tôi đến gặp Sở Vương.

Lúc đó Hoài Vương đang làm Vua nước Sở, phong khí xã hội ngày càng hư bại, những gián quan trung thành như Khuất Nguyên, bị bài xích không dùng, Sở Hoài Vương nghe và tin lời gièm pha của bọn tiểu nhân, tham lam hiếu sắc, mất nước không biết lúc nào, rất là nguy cấp.

Trương Nghi suy nghĩ hồi lâu, quyết tâm “gõ” vị hôn quân này một khoản tiền. Phái mất nhiều tinh lực, cuối cùng Trương Nghi đã tấn kiến được Sở Hoài Vương. Dưới đây là đoạn đối thoại giữa hai người :

– Đại lâu như vậy, không được sự quyết định của Đại vương, tôi muốn đi sang nước Tấn.

– Tốt thôi, xin mời !

– Đại Vương có cần tôi đem một vật gì ở nước Tấn về không ?

– Nước Sở ta là một nước lớn ở phương Nam, sản vật phong phú, ta còn cần cái gì nữa ?

- Đến cả mỹ nữ cũng không cần ư ?

- Điều này...

Sở Hoài Vương đã hơi ngắc ngứ, Trương Nghi vội nói tiếp :

- Tại các nước ở Trung Nguyên, thường nhìn thấy các thiếu nữ đẹp tựa thiên tiên, thật là khiến người ta say đắm.

- Ủ, lời này có thể có lý, nước Sở tuy lớn, nhưng hơi hẻo lánh một chút. Mỹ nữ ở Trung Nguyên như thế nào ta còn chưa nhìn thấy, nếu như có một hai cô đến đây để thay đổi hoàn cảnh, quả nhân cũng cảm thấy hay.

Cuộc hội kiến kết thúc, Sở Hoài Vương ban cho Trương Nghi một khoản tiền rất lớn làm lộ phí và cả châu báu, dụng ý của nó là hết sức rõ ràng. Trương Nghi được khoản tiền lớn này, về lý đã đáng hài lòng, có thể đi được rồi. Nhưng còn có một đục vụng mạnh mẽ hơn kích thích anh ta. Anh ta vẫn ở nước Sở không đi, và dặn dò các thủ hạ cứ như vậy như vậy...

Không lâu, tin tức về việc Trương Nghi sẽ từ Trung Nguyên đưa mỹ nữ về tặng cho Sở Hoài Vương được lan tràn rộng rãi, và cuối cùng đã truyền tới hậu cung, đến tai Nam Hậu, Trịnh Tự. Nam Hậu, Trịnh Tự là hai cung phi được Sở Hoài Vương sủng ái, cũng là hai giai nhân đẹp nhất nước Sở. Tin lan truyền tới tai, các cung phi rất sợ hãi, mà người sợ hãi nhất lại chính là Nam Hậu, Trịnh Tự. Sự uy hiếp này khiến hai người suốt ngày lo lắng không yên.

Không lâu, sứ giả của Nam Hậu tìm đến cửa nhà Trương Nghi :

- Nghe nói tiên sinh một ngày gần đây sẽ đi Trung Nguyên, trên đường nhất định vất vả, Nam Hậu vì muốn biểu lộ lòng ủy lạo, tặng một ngàn cân vàng để tỏ lòng thành...

Tiếp theo, sứ giả của Trịnh Tự cũng đến, tặng năm trăm cân vàng, và cũng nói những lời khách sáo.

Trương Nghi ở lại không đi, chính là đã tính trước được để đợi hai khoản thu nhập lớn này. Cộng thêm với khoản tiền do Sở Hoài Vương tặng, anh ta đã khá giàu có. Trước khi lên đường, Trương Nghi lại làm một trò bịp bợm cuối cùng, một sự kết thúc tuyệt diệu.

Trương Nghi vào cung tấn kiến Hoài Vương, nói lời từ biệt :

- Thừa ơn Đại Vương ban tặng lễ hậu, tại hạ hôm nay sẽ khởi hành, không biết khi nào mới có thể gặp lại tôn nhan, do đó kính mời một chén rượu để tỏ tình cáo biệt.

- Ủ, ta và ngươi uống một chén.

- Hai người uống rượu, không tránh được sự buồn tẻ, nếu như có người mà Đại Vương ưa thích tiếp rượu, há chẳng tăng nhả thú hơn ư ?

- Nói có lý lắm.

Sở Hoài Vương không những hồ đồ ngu xuẩn, mà còn là một phường tửu sắc, mỗi ngày ở hậu cung uống rượu hành lạc, đều là tay phải có Nam Hậu, tay trái có Trịnh

Tụ, phóng dăng vô cùng. Qua lời nói khích của Trương Nghi, lập tức ra lệnh cho người hầu đưa Nam Hậu, Trịnh Tụ đến tiếp rượu. Người đẹp lá lướt đi đến, Trương Nghi chăm chú nhìn hồi lâu, cố ý tỏ vẻ ngạc nhiên.

– Đại Vương, tại hạ lại làm nhầm một việc rồi.

– Việc gì, nói đi đừng ngại ?

– Tại hạ đã chu du thiên hạ, có thể nói là thấy nhiều biết rộng, nhưng từ trước đến nay chưa bao giờ thấy được hai người đẹp tựa thiên tiên như hai vị phi Nam Hậu và Trịnh Tụ. Tại hạ từng nói sẽ từ Trung Nguyên đưa về cho Đại Vương mấy người đẹp. Có hai vị ở đây, xem ra việc này không còn phải làm nữa. Thành thật xin lỗi.

– Được rồi, được rồi, người cũng bất tất phải tự trách mình. Kỳ thực ta cũng biết, thiên hạ hầu như không có người đẹp nào có thể sánh được với Nam Hậu, Trịnh Tụ của ta.

Sở Hoài Vương hài lòng, còn có phần tự kiêu. Nam Hậu, Trịnh Tụ cũng hài lòng, còn có điều cảm kích. Người vui vẻ trong lòng nhất, phải kể là Trương Nghi.

Chỉ một lần múa mép, đã thu được ba khoản lớn tiền "tình người" !

7.

Khéo tàng bốc đối phương

Mọi người đều biết Đại tướng Hàn Tín là thủ hạ của Lưu Bang thời Hán Sở tranh hùng.

Hàn Tín là một thiên cổ kỳ tài lắm mưu nhiều kế, Lưu Bang lập được nghiệp bá thống nhất đất nước, công lao đầu tiên phải kể đến Hàn Tín. Có rất nhiều câu chuyện về Hàn Tín, được lưu truyền rộng nhất là thời kỳ ông cùng khốn điều linh, từng bị một người mổ thịt lợn bức bách, cam chịu cái nhục phải chui qua háng, không muốn tranh hơn kém với một kẻ côn đồ, mà về sau đạt được công lao hiển hách. Điều đó chứng tỏ tầm nhìn và khí độ của Hàn Tín. Ở đây lại nói một câu chuyện về thời kỳ cuối trong sự nghiệp của Hàn Tín. Sau khi ông giúp Lưu Bang giành được thiên hạ, đã phạm phải điều đại kỵ thời xưa là "Công lao lấn át cả Chúa" trong lòng thường có nỗi lo "Chim hết giấu cung tốt" và "Con chó xảo quyệt chết, con chó săn". Hán Cao Tổ Lưu Bang cũng hết sức nghi kỵ Sở Vương Hàn Tín lúc đó thế lực đã rất lớn, mặc dù không thể dễ dàng xử tử ông ta, lại cũng không thể không duyên không có bất bớ để bề gây nhục khí của ông ta, tỏ rõ sự tôn quý của bậc Đế vương.

Cũng chính trong thời kỳ đó, Hán Cao Tổ, lại tìm mọi cơ hội nói chuyện với Hàn Tín, và dùng những lời nói xảo trá bỡn cợt ông ta. Một ngày hai người bàn đến vấn đề khí chất của tướng quân cần phải biểu hiện như thế nào, liền xuất hiện ý kiến khác nhau. Lưu Bang nói :

- Ông cho rằng ta có khả năng chỉ huy được mấy vạn quân ?

Hàn Tín :

- Bệ hạ có khả năng chỉ huy mười vạn quân.

Lưu Bang hỏi ngược lại :

- Vậy còn ông ?

Hàn Tín nói :

Thần là Hàn Tín điểm quân, càng nhiều càng tốt.

Lời nói này rõ ràng đã đánh giá thấp Lưu Bang, Lưu Bang trái lại cười lớn, rồi lại hỏi :

- Mặc dù như thế, người làm sao lại bị ta bắt được ?

Hàn Tín tỉnh táo đối lại :

- Ảnh hưởng của bệ hạ đối với binh sĩ không bằng Hàn Tín, nhưng ảnh hưởng đối với các tướng lại ở trên Hàn Tín. Bệ hạ là tướng của các tướng, thần là tướng của binh sĩ, làm sao có thể so sánh với nhau ?

Lần nói này là lời nói tăng bốc của Hàn Tín đối với Lưu Bang mà ông ta phải vắt óc suy nghĩ để đối phó với tình thế nguy hiểm, hơn nữa lại nói rất hợp lý, tăng bốc đúng lúc.

Đoạn sau Lưu Bang biểu thị như thế nào thì "Sử ký" không ghi chép, nhưng về lý mà suy xét ông ta tất không thể nóng giận được.

8.

Can gián cấp trên cần phải đúng mức

"Những nhân vật lãnh đạo của các tầng lớp trong xã hội hiện đại, phần lớn đều trọng dụng bọn tiểu nhân lá mặt lá trái". Một vị biên tập viên của một tạp chí nước ngoài đã phần nộ bình luận như vậy.

Bỏ qua một số dụng ý thiên lệch của ông ta, trong lời nói này cũng có một số lẽ phải của nó. Có rất nhiều ví dụ về loại tình huống này trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Những người có lòng trung thành, dám nói thẳng, phần lớn là phí công mà không được kết quả tốt đẹp gì, vì cũng có khá nhiều người vì dám nói thẳng ý nghĩ trong lòng đã sớm phải rơi đầu.

Những người có thể làm được việc "theo cái tốt" đã ít lại càng ít. Phân tích từ mặt tâm lý, mọi người đều có lòng tự tôn, địa vị càng cao thì loại khuynh hướng này càng lớn, bị người khác chỉ ra khuyết điểm hoặc những điều sơ sót thường thường cảm thấy không ưa. Cho nên những lời can gián cần phải có điểm chủ yếu, không nên nói thẳng, ít làm những hành động can gián. Không thể không can gián, nhưng nên nói bóng gió xa xôi, khuyên can bằng những lời nói ôn hòa, mới là thượng sách.

Đường Thái Tông là một ông Vua hiền tài trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, hơn nữa lại nổi tiếng trong việc rất hay tiếp thu những lời can gián của chúng thần. "Trình quan chính yếu" có ghi chép như sau :

- "Buổi ban đầu Đường Thái Tông chấp chính thường giữ một thái độ nghiêm khắc đối với quần thần, dẫn đến quần thần bị khí thế uy nghiêm này uy hiếp, có khi dẫn đến thái độ mất hẳn tự nhiên. Thái Tông sau khi phát hiện ra điều này đã tự mình sửa chữa, đổi thành thái độ ôn hòa, mặt hơi mỉm cười đối đãi với triều thần, lắng nghe những lời can gián, từ đó mà có thể nắm được thần thể, nắm được xu thế phát triển về mặt chính trị".

Đường Thái Tông có thể nói là một vị Vua nổi tiếng trong 3000 năm lịch sử. Ông được gọi là vị Vua nổi tiếng nhất trong các vị Vua nổi tiếng, chính là vì ông đã vui vẻ thu nạp những lời can gián của quần thần và mọi người, tiếng tăm hay đẹp của ông đã vượt qua bất kể một vị Đế vương nào trong lịch sử Trung Quốc.

Mặc dù là một vị Vua hiền tài như vậy, nhưng các quan can gián của ông cũng không thể một ngày thao thao bất tuyệt vào tai ông, có khi cũng phải thuận theo lòng tự tôn của Đường Thái Tông, nói vòng vo một hồi rồi mới nhẹ nhàng nói thẳng mấy câu mà thôi.

Đưa ra ví dụ về Ngụy Trưng là có sức thuyết phục nhất.

Ngụy Trưng có thể được coi là mưu thần số một bên mình Đường Thái Tông, cũng là gián thần số một. Ông đã mất nhiều lần can gián sửa chữa những suy nghĩ và cách làm không được chính xác của Đường Thái Tông. Sự tín nhiệm và tôn trọng của Đường Thái Tông đối với lão thần Ngụy Trưng không một người nào khác có thể sánh bằng. Mặc dù như vậy, Ngụy Trưng vẫn rất tự trọng, quan hệ vua

tôi rất đúng mực, những việc can gián không phải lúc nào cũng làm, lúc nào cũng trọn vẹn tròn trịa.

Ví dụ như có một lần, Ngụy Trưng đứng hầu bên mình Thái Tông, cúi đầu nói như sau :

- Lão thần từ khi theo Bệ hạ, có thể nói là đã làm được việc lấy thân báo quốc. Từ nay về sau càng phải tuân thủ chính đạo, mới không phụ thánh ân của Bệ hạ. Nhưng mong Bệ hạ không nên coi bề tôi này là kẻ trung thần, mà với thân phận là một lương thần để thần làm tròn nghĩa vụ vì nước.

Đường Thái Tông cảm thấy kinh ngạc :

- Mong người bảo ta, trung thần và lương thần khác nhau như thế nào ?

Ngụy Trưng :

- Gọi là lương thần chính là không những bản thân được trăm họ khen ngợi, càng phải làm sao để Bệ hạ cũng được trăm họ coi là minh quân của một nước, và làm sao để cho vinh dự và tài đức của Bệ hạ truyền lại được cho con cháu sau này. Còn làm trung thần lúc nào cũng có cái va sát thân, Quân vương cũng do đó mà bị rơi vào việc bất nghĩa, thậm chí mất nước mất nhà, mà về sau lịch sử ghi lại bất quá chỉ là một câu "đã từng là một vị trung thần" mà thôi. Cho nên nói lương thần và trung thần, thực sự là có sự khác biệt rất lớn.

Ngụy Trưng là một kẻ sĩ nổi tiếng về dám nói thẳng, nhưng không phải là một người không suy nghĩ về hậu quả của nó, có khi ông cũng dùng phương thức vòng vèo, uyển

chuyển đánh vào lòng tự tôn của Đường Thái Tông, tất nhiên là chỉ nói lấp lửng rồi ngừng, tất cả là để Quân vương suy tính. Trong lần này cũng có thể nói là khéo tăng bốc, cực kỳ tuyệt diệu.

Đường Thái Tông vốn tài trí hơn người, chỉ một điểm này cũng đã hiểu ra, trầm ngâm chốc lát, rõ ràng nói :

- Quả nhân hiểu hết rồi. Ta sẽ nhớ kỹ lần nói chuyện này. Hy vọng chúng ta sẽ không có quyết định sai lầm về vấn đề đó.

9.

Thỉnh tướng không bằng kích tướng

Có ý kích thích lòng tự tôn của đối phương, khiến ý chí quyết sách của y phát triển theo chiều hướng mà mình mong đợi.

Năm 208 sau Công nguyên, thời Tam Quốc, Lưu Bị bị Tào Tháo đánh cho tơi tả, chạy đến Phàn Khẩu, thế lực kém cỏi, muốn tiếp tục chống đối với quân Tào thực sự hoàn toàn không còn hy vọng, ngoài việc liên kết với Tôn Quyền đang bàn cứ ở Giang Đông thì đã không còn cách gì khác.

Sứ mạng nặng nề này nếu như giao cho một sứ giả bình thường, nhất định sẽ theo lệ trình bày, bên địch thế lực mạnh mẽ, bên ta nguy cấp đến nơi, mong Chúa công xuất quân cứu viện, rất là cảm kích v.v... Bên mình Lưu Bị, người có thể làm được nhiệm vụ này duy nhất chỉ có Gia Cát - Khổng Minh, ông tự tiến cử qua sông thuyết Đông Ngô, trong lòng đã sớm có sự tự tin rất lớn. Về sau có thể thuyết phục được Tôn Quyền, phương pháp sử dụng của ông là đánh vào lòng tự tôn của Tôn Quyền, hoàn thành thành công sứ mạng liên kết với Ngô chống lại Tào Tháo, dẫn đến tạo thành thế chân vạc giữa ba nước sau này.

Bạn xem, thuật tung hoành có thể sáng tạo lịch sử được không ?

Trở lại câu chuyện trên, Gia Cát - Khổng Minh khi gặp Tôn Quyền lần này đã nói :

- Hiện nay thiên hạ đại loạn, Tướng quân dấy binh ở Giang Đông, Lưu Bị tập kết ở Giang Nam, mục đích là muốn tranh đoạt thiên hạ với Tào Tháo. Gần đây quân Tào thế mạnh như chẻ tre, uy chấn thiên hạ, không có một vị anh hùng khí khái nào có thể chống đối lại được ông ta. Hơn nữa quân của Lưu Bị dần dần thất bại phải rút lui, Tướng quân cũng nên sớm nghĩ cách tính toán chống đối là vừa. Nếu như quân lực của quý quốc có thể chống đối được, thì lập tức cắt đứt quan hệ với ông ta. Nếu như không chống đối được, thì nên dứt khoát nhanh chóng, buông vũ khí, cúi đầu hàng thôi. Theo cách nhìn của tôi, Tướng quân tựa như bẻ ngoài muốn phục thù Tào Tháo, nhưng trong lòng lại do dự không quyết định. Tình thế trước mắt đã rất cấp bách, không còn bao nhiêu thời gian để ngài do dự, hy vọng ngài quyết định ngay, nếu không hậu quả thế nào chắc khỏi phải nghĩ.

Tôn Quyền sững sờ một lát, hỏi ngược lại :

- Tình thế nghiêm trọng như vậy theo lời nói của ông, Lưu Bị làm sao lại không nhanh chóng đầu hàng Tào Tháo ?

Khổng Minh trả lời :

- Ngài sai rồi. Chắc ngài đã biết tráng sĩ nước Tề là Điền Hoành, ông ta về mặt đạo nghĩa không thể đầu hàng Hán Cao Tổ, thà rằng tự kết thúc sinh mạng của mình. Còn Lưu Bị là con cháu nhà Hán, lại có tư chất anh hùng, hiện nay mặc dù khốn đốn, nhưng vẫn có tráng sĩ bốn

phương mộ tiếng anh hùng của ông ta, tới tập theo về. Khởi binh chống lại Tào Tháo, đó là mệnh của trời. Còn việc thành công hay không chỉ có dựa vào mệnh trời quyết định. Há có thể đầu hàng Tào Tháo được ư ?

Tôn Quyền nghe xong nói lớn :

- Ta có mười vạn đại quân nước Ngô, thừa hưởng sự nghiệp của cha anh, há có thể dễ dàng đầu hàng ?

Lúc đó Tôn Quyền là một Tướng quân trẻ mới có 26 tuổi, khí huyết đang hăng, lòng tự tôn rất mạnh. Khổng Minh chính là lợi dụng đặc điểm đó của Tôn Quyền, hoặc có thể gọi là điểm yếu, dùng lời nói kích thích lòng tự tôn của Tôn Quyền, khiến ý chí của anh ta chuyển biến theo chiều hướng mà mình mong đợi.

Tôn Quyền mặc dù nói lớn không hàng, kỳ thực trong lòng cũng chưa lấy làm chắc chắn, lại hỏi tiếp Khổng Minh :

- Trong tình hình hiện nay, ngoại trừ Lưu Bị ra cũng không tìm ra người nào còn quân đội có thể đánh nhau với Tào Tháo, nhưng Lưu Bị gần đây liên tiếp thua trận, không biết có còn quân lực hay không để tiếp tục chiến đấu ?

Đó chính là những việc Tôn Quyền đang thật sự lo lắng, anh ta cũng hiểu rõ rằng chỉ dựa vào lực lượng của một mình Đông Ngô cũng không địch nổi quân Tào.

Khổng Minh đã sớm chuẩn bị, điềm tĩnh phân tích tình thế, để làm tan sự bất an của Tôn Quyền. Khổng Minh nói :

- Lưu Bị quả thực bị thua trận, nhưng hiện tại quân lực không dưới một vạn. Còn quân Tào tuy đông, nhưng kéo quân đi xa mệt mỏi rất nhiều. Lần này vì đuổi theo chúng tôi, khinh kỵ binh của quân Tào một ngày đêm phải chạy 300 dặm, điều này giống như người xưa nói, cung tên mạnh nhất nếu như bắn ở cự ly quá xa, thì ngay một tấm vải mỏng cũng không có cách nào xuyên qua được. Lại nữa, quân Tào ở miền Bắc không quen thủy chiến, bên ta chiếm được địa lợi. Người dân Kinh Châu mặc dù ở ngoài phục tùng Tào Tháo, trong lòng trái lại lúc nào cũng chuẩn bị phản kháng. Nếu như Tướng quân tụ tập tinh binh mãnh tướng phối hợp với quân của Lưu Bị, liên kết tác chiến, nhất định sẽ đánh bại quân Tào. Thiên thời, địa lợi đều có, vấn đề còn lại chỉ còn phụ thuộc vào năng lực quyết đoán của Tướng quân.

Lần phân tích này của Khổng Minh, chỉ ra chỗ sơ đoán của kẻ địch mạnh, nhấn mạnh chỗ phục ngấm sở trường của Lưu, Ngô, cuối cùng lại đưa vấn đề then chốt của việc thành hay bại đẩy về phía Tôn Quyền, có thể nói từng bước từng bước cờ cao, chiêu chiêu tính khéo, khiến Tôn Quyền vốn chú ý không rõ ràng phải đặt rõ quyết tâm, liên quân chống Tào, dẫn đến về sau phát sinh "trận chiến Xích Bích", trận quyết chiến lớn nhất thời kỳ Tam Quốc, đó là việc về sau, người viết bài này không thuật kỹ.

10.

Thủ đoạn của Lý Hồng Chương

Trên bàn đàm phán, đối diện với đối thủ mạnh cần phải làm giảm oai phong của đối phương, làm lộ rõ những chỗ sắc bén của họ, không có gì bằng dùng trí óc tăng bốc đối phương.

Trong ý thức truyền thống của người Trung Quốc, Lý Hồng Chương là kẻ đầu sỏ làm mất quyền, nhục nước vào thời nhà Thanh. Ở đây chúng tôi không đánh giá công lao và những sai lầm của nhân vật lịch sử, mà chỉ rút ra phần kỹ xảo biểu hiện trong đàm phán của ông ta, suy nghĩ một số vấn đề có thể lấy đó để làm gương.

Lý Hồng Chương thời đó trong tay nắm quân cơ đại quyền, thân hình cũng rất khỏe mạnh, khi cùng ngồi với viên toàn quyền Nhật Bản Y Đằng Bác Văn vừa thấp vừa gầy, không biết người nào mới là đại biểu của nước chiến thắng, về mặt tâm lý đã có ưu thế ngầm.

Sau khi hội nghị bắt đầu, Lý Hồng Chương áp dụng chiến thuật tăng bốc, lại muốn cố sức kéo lại một số điều thể diện sau khi bị thất bại trong chiến tranh, ông ta nói :

- Trong cuộc chiến tranh lần này, vấn đề ân hận nhất là số người bị thương vong của hai nước là tương đối nhiều. Nhưng cũng đem lại hai điều giáo huấn, đó là sự may mắn rất lớn trong sự không may giữa hai nước chúng ta.

Lý Hồng Chương nói năng lấp lửng, khiến Y Đằng Bác Văn vội hỏi :

- Xin hỏi ngài, hai điều giáo huấn là chỉ cái gì ?

- Rất nhiều người nói người châu Á khi so sánh với người châu Âu, thì người châu Âu ưu tú hơn, nhưng nhìn từ cuộc chiến tranh này, người châu Á quả thực không thua kém người châu Âu. Do đó người châu Á chúng ta nếu như nỗ lực tiến thêm một bước nữa, về các mặt tuyệt đối không thua kém người châu Âu, đó là điều giáo huấn thứ nhất.

- Ủ, có lý, xin tiếp tục nói.

- Điểm thứ hai là, đế quốc đại Thanh chúng tôi nếu như có thể nhân lần thất bại này tăng cường sự kiểm điểm sâu sắc, tiến hành cải cách trong nước, tin tưởng chỉ sau mấy năm, chúng tôi cũng sẽ biến thành một nước mạnh khá hiện đại. Đó là điều giáo huấn thứ hai rút ra từ cuộc chiến tranh này.

- Đúng, ngài nói có lý.

Lý Hồng Chương trong cuộc đàm phán tiếp tục biểu hiện sự nhanh trí, không nói về những nỗi đau khổ của nước chiến bại, mà kéo Nhật Bản là nước chiến thắng tới cùng một chỗ, nói nhiều về sự so sánh hơn, kém giữa người châu Á và người châu Âu, vô hình trung đã đưa đối thủ vào cạm bẫy mà mình đặt ra, đầu tiên kích thích sự đồng cảm, nhấn mạnh nhiều những điểm chung, vừa không bị mất thế diện, vừa khiến phần sau cuộc đàm phán phát triển theo chiều hướng mà mình chủ động.

Sau khi điểm hai vấn đề khi mới bước đầu đàm phán với Y Đằng Bác Văn, Lý Hồng Chương tiếp tục nói :

- Vận mệnh của một nước, đều dựa vào sách lược chấp chính của người lãnh đạo có tài giỏi hay không để quyết định. Nếu như quý quốc sau khi thực hành chính sách duy tân, tiến bộ rất nhanh, chắc chắn những kết quả đó đều là do những nhân tài ưu tú như các ông đem lại. Có thể nói có các ông, mới có nước Nhật ngày hôm nay.

- Không, cũng không thể nói như thế được.

Y Đằng Bác Văn ngoài miệng trả lời như vậy, nhưng trong lòng đã rất vui thích, ông ta cũng tự cho rằng mình là một trong những người có công đầu trong chính sách duy tân, nhưng lời nói thoát ra từ miệng một chính trị gia lão thành của một nước lớn, khiến cho dục vọng tự kiểm nghiệm giá trị của chính bản thân mình được thỏa mãn, điều này đối với Y Đằng Bác Văn lúc đó còn rất trẻ, quan trọng hơn bất cứ một cái gì khác.

Lý Hồng Chương nói đến phần này, những lời nói tăng bốc là khá hay, nhưng con người lăm mưu nhiều kế này còn cảm thấy chưa đủ vị, ông ta nhận ra Y Đằng Bác Văn không giấu nổi sự đắc ý, quyết tâm gài đúng chỗ ngựa này của Bác Văn, đem lại cho ông ta một sự tự thỏa mãn hư vinh ở mức độ cuối cùng.

- Nước chúng tôi trong tình hình hiện nay, thật sự rất cần phải có một chính trị gia như ngài để lãnh đạo dân chúng, nhưng ở trong nước những nhân tài như vậy quả thực rất khó tìm được. Cho nên tôi thành tâm mời ngài

đến nước tôi, với chức phận của một Tể tướng, giúp đỡ nước chúng tôi tiến hành công việc xây dựng lại đất nước.

Những lời nói này của Lý Hồng Chương như là muốn đưa Tể tướng của nước Nhật đào chân tường sang Trung Quốc. Lý trong lòng đã rõ việc này là không thể có, ngoài miệng vẫn nói như vậy, cũng biết rõ Y Đằng Bác Văn sẽ từ chối, nhưng sự tự thảo mãn vinh dự trong lòng ông ta tất sẽ dâng tới mức cao nhất.

Mặc dù quốc lực Trung Quốc lúc đó suy thoái, nhưng vẫn được thế giới công nhận là một nước lớn, còn Nhật Bản tuy là nước thắng trận, nhưng vẫn là một nước hạng ba ở phương Đông, bằng thân phận Tể tướng của một nước hạng ba được mời đến một nước lớn làm Tể tướng đương nhiên là không thể có sự đề cử nào cao hơn.

Lý Hồng Chương đã gài đúng chỗ ngựa vào lòng tự tôn của Y Đằng Bác Văn, khi bắt đầu đàm phán đã nắm được chỗ then chốt này, cũng có thể bị phê phán là "mặt dày", "nói không biết nhục", nhưng về mặt kỹ xảo mà nói, ông ta đã đưa việc giao thiệp sau này phát triển theo chiều hướng có lợi cho mình, chỉ từ một điểm này cũng có thể xem ra ông ta đã thành công.

11.

Nói rõ lợi hại, được mất

Lợi và hại, được và mất, đó là một đề tài vĩnh cửu trong mưu kế của người xưa.

Thời kỳ Chiến quốc trong lịch sử cổ đại Trung Quốc, là một thời kỳ có những cải cách xã hội mạnh mẽ, cũng là một thời kỳ kẻ mạnh nuốt kẻ yếu. Theo sự đào thải qua nhiều năm chinh chiến, còn lại 7 nước hùng mạnh là Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tần, thay nhau tranh bá.

Cái gọi là "Thời kỳ Chiến quốc", tức là sự chém giết lẫn nhau, không ngừng có chiến tranh. Quan hệ giữa các nước láng giềng phần lớn ở trong trạng thái không xác định được, hôm nay là bạn, ngày mai đã là kẻ thù. Quy mô của chiến tranh cũng ngày càng ác liệt, những trận chiến có khoảng mười vạn quân thì không thể tính hết được, còn có những trận quyết chiến có hàng trăm vạn đại quân. Ví dụ, như "Trận chiến Trường Bình" giữa nước Tần và nước Triệu, tình hình trận chiến rất ác liệt bi thảm, nước Triệu là nước bại trận từ đó không ngóc đầu lên được, những người đàn ông từ thanh niên trở lên hầu như chết sạch.

Đó là một đặc điểm rõ ràng của thời kỳ Chiến quốc.

Về một mặt khác, chiến sự liên miên cũng kèm theo chiến tranh ngoại giao rất linh hoạt. Đã hình thành hàng loạt các "kẻ sĩ đi du thuyết". Những người này vì lợi ích của vị quân chủ của mình mà đi du thuyết bốn phương, cơ mưu

quyền biến. Họ đã biểu thị tài năng của mình trong việc thực hiện sứ mệnh, vận dụng quan điểm triết học lập mệnh và những kỹ xảo, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của học thuật, lưu lại khá nhiều di sản quý báu được người đời sau thán phục cho đến tận ngày nay.

Trong số rất nhiều kẻ sĩ đi du thuyết về chiến tranh ngoại giao, những người nổi tiếng nhất là những người đã đề ra được chính sách "hợp tung, liên hoành" mà tầm chiến lược của nó ảnh hưởng rất lớn đối với việc 7 nước tranh hùng.

Chính sách này đại biểu cho 2 đường lối ngoại giao điển hình.

Nhân vật đại biểu của nó là Tô Tần và Trương Nghi. Tần vào giữa thời Chiến quốc, dần dần đã xác lập được địa vị ưu thế của mình. Mà 6 nước còn lại đang ở trong thế kém hơn, do sự cần thiết về quân sự, chính trị, về mặt ngoại giao đã bước vào quỹ đạo "hợp tung", đó chính là việc 6 nước liên kết lại để chống Tần. Nhân vật chủ yếu thúc đẩy chính sách "hợp tung" là Tô Tần. Còn nhân vật thúc đẩy chính sách "liên hoành" là Trương Nghi. Điểm quan trọng cơ bản là viễn giao cận công, quan hệ bình thường hóa vào những nước ở xa mà nước đó không có tầm nhìn xa, không ngừng tiêu diệt những nước láng giềng, tiến tới thống nhất thiên hạ. Đó là hai loại chiến lược ngoại giao hoàn toàn khác nhau.

Tô Tần là người thúc đẩy chính sách "hợp tung", đầu tiên đã từng du thuyết tại nước Tần để cầu danh lợi, do không được trọng dụng, chuyển sang đi du thuyết 6 nước,

xúc tiến "hợp tung". Tô Tần chắc chắn là một nhà ngoại giao thiên tài với tư chất rất thông minh, ông ta bằng tầm nhìn xa đã thấy rõ nguy cơ của 6 nước, nếu như muốn tiếp tục tồn tại, duy nhất chỉ có cách là liên kết lại, ngoài ra không còn con đường nào khác. Điều này mặc dù là một sự suy tính lịch sử với tầm nhìn xa, nhưng thực tế tiến hành hết sức khó khăn. Đầu tiên là lịch sử các nước khác nhau, tập quán dân gian cũng khác, mục tiêu lợi ích trong giai đoạn hiện tại cũng không nhất trí. Hơn nữa lịch sử trước đây giữa 6 nước cũng đều đã từng xảy ra những cuộc chiến tranh tiêu diệt lẫn nhau, có những mâu thuẫn rất phức tạp. Muốn khiến cho 6 nước tìm ra chỗ giống nhau và duy trì chỗ khác biệt, bỏ qua những oán cừu cũ, liên kết chống Tần, quả thực là một công việc ngoại giao rất lớn và nhiều gian khổ.

Trái lại, nếu như chính sách "hợp tung" được thực hiện thì đối với nước Tần, không nghi ngờ gì nữa, đó là một sự uy hiếp cực kỳ nguy hiểm. Do đó người đại biểu cho lợi ích của nước Tần là Trương Nghi phải dốc toàn bộ sức lực chuyên trị vào việc phá hoại chính sách "hợp tung" liên kết giữa 6 nước, sử dụng các loại thủ đoạn, tìm mọi cơ hội bán rao chính sách "liên hoành". Tô Tần và Trương Nghi, đứng trên lập trường trái ngược nhau, đều đã làm được những việc rất hay. Lập trường khác nhau, chính sách đối lập, cơ mưu cũng khác biệt, nhưng hai người có một điểm chung, đó là khi thi hành chính sách chiến lược trái ngược nhau, đều có sự xem xét rất rõ quan hệ lợi hại giữa các nước, khi biểu hiện tài hoa hơn người của bản thân mình, đều bắt tay vào thuyết phục đối tượng từ việc phân tích quan hệ giữa lợi và hại.

Trước tiên nói về người thúc đẩy chính sách "hợp tung" là Tô Tần. Suy tính của Tô Tần đầu tiên được nước Triệu khen ngợi và ủng hộ. Tiếp theo Tô Tần nhận sự giao phó của nước Triệu đi du thuyết các nước, và cuối cùng đã "hợp tung" thành công.

Khi Tô Tần du thuyết Tuyên Huệ Vương nước Hàn, đã phải một phen lao tâm khổ tứ.

- Nước Hàn của ngài, quốc lực đầy đủ. Phía Bắc có đất Củng, Lạc, Thành Cao kiên cố, phía Tây có Nghi Dương, Thường Bần hiểm trở, phía Đông có sông Hào, phía Nam có núi Hình Sơn. Lãnh thổ rộng lớn, còn là một nước có 10 vạn tinh binh. Những cung, nỗ mạnh nhất đều do quý quốc sản xuất ra, các loại đao kiếm, binh khí khác đều do các địa phương làm ra được, không cần nhờ vả nước khác. Bằng sức lớn mạnh như vậy cộng thêm với sự lãnh đạo sáng suốt của ngài, há có thể cúi đầu trước nước Tần được ư?

Chỉ cần nói như vậy, đầu tiên đã gây được ấn tượng tốt đối với Hàn Vương, tăng mạnh lòng tự tin của ông ta, tiếp theo lời nói của Tô Tần lại chuyển sang một hướng khác, phân tích giữa lợi và hại.

- Nếu như thần phục nước Tần, Tần sẽ bắt ngài phải giao đất Nghi Dương hoặc Thành Cao, năm nay ngài giao Nghi Dương, Thành Cao, sang năm sẽ tiếp tục ép ngài phải giao nhiều đất đai hơn nữa. Cứ bị cắt đất như vậy, cuối cùng sẽ có ngày mất hết đất đai, như vậy có khác gì dẫn lửa để tự đốt mình. Lãnh thổ của Đại vương có hạn, còn dục vọng của nước Tần lại vô cùng, dùng có hạn ứng phó

với vô cùng, tất có kết quả thế nào thiết tưởng không cần nói thì đã rõ.

Những lời nói phân tích về lợi, hại này, đã làm Hàn Vương cảm động. Tô Tần vừa nói vừa quan sát sắc mặt Hàn Vương, biết đã trôi chảy, lại kích động tiếp vào lòng tự tôn của Tuyên Huệ Vương nước Hàn :

– Đại vương à , thà làm Vương của một nước nhỏ, còn hơn phụ thuộc vào nước lớn. Huống chi trong tay Đại vương còn có tinh binh, nếu như thần phục người khác mà dần dần dẫn đến mất nước, thực là không có điều gì sỉ nhục hơn.

Hàn Vương cũng không nhịn nhục được nữa, nói ngay :

– Thà chết không hàng !

Cái gậy và củ cà rốt, lời nói này là thuật ngữ ngoại giao của các nước phương Tây, xét đến cùng thực chất không ngoài chính sách kết hợp giữa việc gây áp lực và làm mê hoặc đối phương. Bất kể là gây áp lực cũng được, mê hoặc cũng được, mục tiêu nhằm vào là quan hệ giữa lợi và hại của đối thủ. Về điểm này, người cổ đại Trung Quốc cách đây hơn 2000 năm đã có hiểu biết và vận dụng thành thục.

Ở đây lại nói đến Trương Nghi. Đối thủ lớn nhất của Trương Nghi trong việc thúc đẩy thi hành chính sách "liên hoành" là Tô Tần. Tô Tần còn sống, Trương Nghi có nhiều phiền não, thành tích chính trị không được nổi bật.

Đột nhiên có một ngày được tin báo Tô Tần đã chết, Trương Nghi phấn khởi khác thường : "Thật là trời giúp

ta". Lập tức bằng thủ đoạn kinh người thuyết phục Sở Hoài Vương kết hợp đồng minh với Tần. Sau đó ngựa không ngừng vó đi vội sang nước Hàn, triển khai một trận chiến du thuyết lớn, đưa nước Hàn đang ở trong trạng thái như Tô Tần đã nói ở trên : " Thà làm Vương của một nước nhỏ, còn hơn phụ thuộc vào nước lớn", từ bỏ chính sách "hợp tung", mà chuyển sang chính sách "liên hoành", núp dưới cái ô bảo vệ của nước Tần.

Mặc dù lúc đó Tuyên Huệ Vương nước Hàn đã không còn tại vị, kế thừa ngôi báu là Tương Vương, nhưng có thể thuyết phục được một nước đang từ lập trường ngoại giao vốn có chuyển sang một lập trường ngoại giao hoàn toàn trái ngược, năng lực của người du thuyết quả thực đã khiến mọi người thán phục.

Trương Nghi thuyết phục Hàn Tương Vương, đối tượng cần thuyết phục cũng giống như của Tô Tần, vẫn là sự phân tích tình hình cơ bản của hai nước, nhưng phương pháp sử dụng, quan điểm nhìn nhận vấn đề tất lại hoàn toàn trái ngược nhau.

Đầu tiên Trương Nghi đánh giá rất thấp tình hình quốc lực của nước Hàn, và ra sức đề cao sự lớn mạnh của nước Tần :

- Lãnh thổ của nước Hàn phần lớn là đồi núi, mỗi năm những vật nông sản cũng chỉ có lúa mạch và đậu tương mà thôi. Thức ăn của dân đều là cơm đậu và canh lá đậu. Nếu như vụ năm trước không tốt, thất thu nông nghiệp, thì cả đến vỏ lúa mạch và cám cũng không đủ mà ăn. Kho lương thực tích trữ không được đến hai năm, binh sĩ, phu dịch tất

cả cộng lại không quá 30 vạn người, số quân thường trực chỉ có khoảng 20 vạn mà thôi. Cố thủ trong một vùng đất nhỏ bé chỉ có 900 dặm vuông, có thể làm gì được ?

Những lời nói này của Trương Nghi đều là sự thực, tuyệt không nói lung tung, nhưng so sánh với sự phân tích quốc lực của Tô Tần ở phần trên, đứng trên lập trường khác nhau, nhìn từ góc độ khác nhau, tất nhiên sẽ có sự khác biệt rất xa.

Trương Nghi tiếp tục nói :

- Trái ngược với những điều trên, nước Tần có hàng trăm vạn tinh binh, chiến xe nghìn cỗ, một vạn kỵ mã, thực sự đường đường là một nước lớn. Còn số binh sĩ chân trần đầu không đội mũ trụ, liều chết chiến đấu thì nhiều không kể xiết. Nhìn ra các nước khác, tướng sĩ khi lâm trận đều cần phải đầu đội mũ trụ sắt, thân khoác chiến bào mới có thể tác chiến, còn binh sĩ của nước Tần cực kỳ hung hãn mạnh mẽ, có thể đi chân trần, không cần mặc áo giáp đánh trận. Thường có thể trông thấy những binh sĩ khỏe mạnh, tay trái xách đầu giặc, tay phải kẹp một tên tù binh, xông pha giữa chốn chiến trường, có thể thấy được tướng sĩ nước Tần dũng mãnh như thế nào. Bằng vào tinh binh như vậy của nước Tần tấn công vào một nước yếu, quả thực dễ như trở bàn tay.

Trương Nghi lại chuyển sang phê phán chính sách "hợp tung" :

- Hiện nay các nước chư hầu đều không tự lượng sức mình, ra sức che giấu binh lực yếu đuối, lương thực không

được đầy đủ của mình, tự mình lừa dối mình. Mà lại còn nghe theo một số kẻ đề xướng "hợp tung", tin nhầm vào những lời lừa dối. Họ đều hăm hở nói rằng : "Nếu như nghe theo kế hoạch "hợp tung" của chúng tôi, thì sẽ từ yếu chuyển thành mạnh, tiến tới xưng bá thiên hạ". Coi nhẹ cơ nghiệp hàng trăm năm của bản thân đất nước mình, liên kết với một số kẻ mà sức không thể tự vệ được, quả thực đã tự làm làm lỡ tiền đồ. Đại vương nếu như không hòa thuận với nước Tần, Tần lập tức sẽ chiếm lĩnh Nghi Dương, khiến nước Hàn bị hăm vào cảnh cô lập. Nếu như Tần lại chiếm được Thành Cao, vậy thì bao nhiêu cung điện ở Hồng Đài, vườn thượng uyển ở Tang Ngải đều sẽ lọt vào tay nước Tần, như thế nước Hàn sẽ bị chia thành hai nửa. Đó là việc mà Tần rất dễ làm được, bước phát triển tiếp theo thế nào chắc khỏi phải nghĩ. Trái lại, Đại vương nếu như sớm hòa hảo với nước Tần, thì có thể tránh khỏi phát sinh tình hình như tôi vừa nói, giải trừ được sự lo lắng bị mất nước. "Nếu gây ra họa để cầu được báo phúc" đó chính là sự sai lầm thiên thời, xin Đại vương suy nghĩ kỹ, sớm bãi bỏ hiệp ước với nước Sở, hòa hảo với nước Tần mạnh ở bên cạnh, đó mới là một quyết định thông minh !

Trương Nghi cứ như vậy từng bước tăng mạnh áp lực ngoại giao đối với Hàn Tương Vương, cuối cùng lại tung ra một lời hứa có tính dụ dỗ :

- Hiện nay, Tần đang nỗ lực làm yếu đi phạm vi thế lực của Sở, Hàn không nên ở điểm này làm cho Tần Vương giận, Tần sẽ không tấn công Hàn. Điều này không phải vì

Hàn mạnh hơn Sở, mà là vì sự nhìn nhận từ mặt địa thế, và vì tiền đồ quan hệ hữu hảo giữa hai nước Hàn - Tần, Tần mới làm như vậy. Cho nên Đại vương mà sớm hòa hảo với Tần, và đánh nước Sở, vừa có thể kết đồng minh với Tần, tránh được mối họa mất nước, lại vừa có thể được lợi về đất đai của nước Sở, làm mạnh nước mình, quả thực là nhất cử lưỡng tiện. Đứng ở lập trường của Đại vương mà nhìn nhận vấn đề, không còn gì để lựa chọn tốt hơn. Xét về những điều đó, tôi mới nói những lời ở trên. Và tiếp nhận sự ủy thác của Tần Vương, đưa thư tay của ông ta chuyển cho ngài. Mong Đại vương quyết đoán.

Nếu như nói sự tính toán này là mỗi câu, cú cà rốt, cũng khó tránh khỏi hơi hư ảo một chút, trừu tượng một chút, và không có sự bảo đảm lợi ích của nước Hàn như thế nào. Mặc dù như vậy, Hàn Tương Vương dưới sức ép và sự dụ dỗ của hiện thực chính trị, vẫn đi theo con đường "liên hoành". Đó là sự bắt đầu tan rã của chính sách "hợp tung".

Đó cũng chính là sự mở đầu của việc Tần Vương thôn tính sáu nước hợp thành một nước, thống nhất thiên hạ.

12.

Thất bại của chủ nghĩa lý tưởng

Bản tính của mưu kế là tính hiện thực, tính công lợi. Thủ đoạn của nó, mục đích của nó tất cả đều là vì lợi.

Thời đó trong những người đi du thuyết khắp các nước, còn có một vị danh nhân lịch sử – Mạnh Tử. Mạnh Tử trong lịch sử cổ đại Trung Quốc đã lưu lại những di sản văn hóa quý báu, sán lạn. Trong sự nhìn nhận của người đời sau, sự nghiệp của ông vĩ đại hơn nhiều so với Tô Tần, Trương Nghi. Nhưng trong thời đại mà ông sống, Mạnh Tử lại là một người thất bại, là một người đi đến đâu cũng gặp trở ngại. Sự thất bại của ông không phải là vì thua kém về mặt học vấn, mà là sự thua kém vì xa rời hiện thực, thúc đẩy việc thi hành chính trị vương đạo không phù hợp với thời đại đó.

Cho nên chúng ta nói Mạnh Tử là một nhà học vấn vĩ đại, đồng thời cũng là một người thất bại theo chủ nghĩa lý tưởng.

Có một lần Mạnh Tử yết kiến Ngụy Huệ Vương. Ngụy Huệ Vương từ lâu đã ngưỡng mộ đại danh của Mạnh Tử, khi gặp mặt rất vui vẻ, sau khi hàn huyên liền hỏi thẳng :

– Tiên sinh đường xa mà đến, có những lời dạy bảo gì đối với tôi để đem lại lợi ích cho đất nước tôi ?

Mạnh Tử nói :

– Đại vương vì sao vừa mở miệng đã nói lợi ích, khép miệng cũng nói lợi ích nhỉ ? Tôi cho rằng cái đạo của bậc làm Vương, vấn đề quan trọng nhất phải là "nhân nghĩa".

Manh Tử tiếp theo nói những lời thành khẩn như sau :

"Thiên hạ chư hầu chỉ nghĩ về lợi ích của nước mình. Các quan đại thần chỉ nghĩ về việc tiến thân vinh nhục của mình. Quan địa phương và trăm họ cũng chỉ nghĩ đến những lợi ích nhỏ nhặt như ăn mặc, nhà cửa của mình. Nếu mà như vậy, từng người chỉ cố theo đuổi lợi ích của bản thân, quốc gia nhất định sẽ phải diệt vong".

"Người có thể giết chết được Quốc vương của một nước có vạn cỗ xe tất phải là đại thần của một nước có ngàn cỗ xe, người có thể giết chết được Quốc vương của một nước có ngàn cỗ xe tất phải là đại thần của một nước có trăm cỗ xe. Trong nước có vạn cỗ xe, ăn bổng lộc của ngàn cỗ xe, tại nước có ngàn cỗ xe, ăn bổng lộc của trăm cỗ xe, vốn là việc rất đáng bằng lòng, nhưng thường thường lại không như vậy, còn muốn đoạt lấy cả nước. Xét đến cùng về nguyên nhân của nó, chính là vì trong lòng không có nhân nghĩa, mà chỉ có lợi ích".

"Những người trong lòng còn có nhân tâm, không thể không muốn cần có cha mẹ, từ xưa đã không có ví dụ như vậy. Đi trên con đường nhân nghĩa, những kẻ hãm hại Quân vương, từ xưa đến nay cũng chưa từng phát sinh qua. Đại vương a ! Xin ngài lấy nhân nghĩa làm trọng, không nên lại nói về lợi ích nữa".

Những lời nói này của Mạnh Tử vừa thành khẩn lại tràn đầy tính triết lý, nhưng đối với Ngụy Huệ Vương thời đó có thể nói là không liên quan gì tới ông ta. Lúc đó là thời kỳ Chiến quốc, giữa các chư hầu trí trá lẫn nhau, có lợi là làm, bày mưu tính kế đều chỉ vì lợi ích, ai cũng muốn tranh giành nghiệp bá, còn ai nhớ gì đến nhân nghĩa nữa ?

Mạnh Tử tin tưởng vững chắc vào lý tưởng của mình, đi khắp nơi giải thích nhân nghĩa, đề xướng chính trị vương đạo, chẳng may thời thế thay đổi như thủy triều lên xuống, không có một vương hầu nào tán thành chủ trương của ông, cuối cùng chỉ có về núi ở ẩn.

Điều đó đã tạo thành sự vĩ đại của ông. Cũng là sự hạn chế của ông.

Tô Tần và Trương Nghi trái ngược hẳn với điều đó, đều là những kẻ theo chủ nghĩa thực tế tích cực theo thời thế. Chính sách của hai người trái ngược hẳn nhau, nhưng đều bám chặt vào lợi ích hiện thực của các nước, nhằm vào những kẻ đương quyền, lấy lợi ích làm vũ khí, lấy lợi ích để lay chuyển đối phương, bằng vào việc thuật kỹ vấn đề lợi ích để xúc tiến thành công sứ mệnh ngoại giao của mình.

13.

Cố ý làm một hành động khác thường

Hiệu quả của việc cố ý làm một hành động khác thường là ở chỗ có thể nhanh chóng dẫn tới sự chú ý của đối phương.

Tể tướng nước Tề là Tề Quách Quân - Diên Anh, là cha của Mạnh Thường Quân, khi ông ta tại vị muốn xây một tòa thành trì tại vùng đất được phong là đất Tiết. Vừa có ý khoe khoang, vừa có ý dể phòng người khác xâm phạm. Đối với kế hoạch này, các thực khách dưới trướng đều có ý kiến phản đối.

Vấn đề rất đơn giản, hành động này tất sẽ dẫn đến sự nghi kỵ và xung đột trong nội bộ vương thất nhà Tề, làm không khéo thì Tề Quách Quân - Diên Anh sẽ nhân đó gặp họa mà bị mất chức Tể tướng, như thế các thực khách sẽ không còn chỗ để "ăn". Nhưng vị Tể tướng lúc đó đang đắc chí đã không nhận ra sự uy hiếp này, cũng không hiểu sự lo lắng bên trong của các thực khách.

Các thực khách hết người này đến người khác thay nhau tiến tới can ngăn, khuyên Tề Quách Quân không nên làm như vậy, từ bỏ kế hoạch xây thành, nhưng vì những lời can gián đó phần lớn không nói được điểm cốt lõi, trái lại đã gây ra sự ác cảm của Tề Quách Quân, ông ta liền ra một mệnh lệnh : "Bắt đầu từ bây giờ, bất kể một thực khách nào cũng không cho vào".

Nhưng có một vị thực khách rất can đảm và mưu trí vẫn ngang nhiên tiến vào gặp :

– Tôi chỉ nói ba câu, nếu quá ba câu, xin ngài cứ tống tôi vào nồi nấu chín.

Nói xong, liền đứng đợi ở ngoài cửa, Tỉnh Quách Quân cảm thấy kỳ lạ, không thể không gặp.

Vị thực khách này tiến tới :

"Cá – lớn – biển".

Nào phải là ba câu, mà chỉ là ba chữ không liên quan gì đến nhau. Nói xong liền quay người đi.

Tỉnh Quách Quân bị hành động này của người thực khách làm cho không hiểu gì cả, sau khi trấn tĩnh một lát mới quát ông ta :

– Người quay lại chỗ ta, nói rõ ràng !

– Tôi, còn chưa muốn chết. – Thực khách nói.

Tỉnh Quách Quân :

– Có lời nói xong, bảo đảm người không chết.

Thực khách nói :

– Ngài có biết con cá lớn không ? Vì con cá quá lớn không có cách nào bắt được, dùng cần câu cũng không câu được nó, bởi vì nó ở trong nước mới có năng lực lớn đến như vậy. Nếu như nó không tự lượng sức mình mà nhảy lên bờ, vậy thì không phải nghĩ nhiều, một đàn kiến cũng đủ chia ra ăn sạch nó. Nước Tề đối với ngài chính là điều đó. Nếu như ngài rời khỏi nước Tề, với một đất Tiết nhỏ bé thì dù thành trì có cao đến bao nhiêu mà có thể phòng ngự người khác được ư ?

Tỉnh Quách Quân trăm năm hồi lâu, cuối cùng từ bỏ kế hoạch xây thành. Trong "Chiến quốc sách" không ghi chép tên của vị thực khách đó, chỉ nói là người nước Tề, cũng chỉ là một người nước Tề trong đám thực khách mà thôi.

Thực khách thời đó, thân phận, hoàn cảnh, yêu cầu đều rất phức tạp. Thời kỳ giữa và cuối thời Chiến quốc cục diện các nước phân tranh rất không rõ ràng, rất nhiều kẻ sĩ du thuyết đều tới các nhà quyền quý làm thực khách, đời chủ nhân sử dụng để mưu cầu hiển đạt. Tất nhiên, trong số họ cũng có không ít những kẻ vô lại chen vào.

Trong đông đảo các thực khách, có những người suốt đời chỉ là thân phận thực khách mà thôi. Cũng có một số người từ trong đám thực khách đó nắm bắt được cơ hội, cuối cùng bằng tài năng hơn người của mình mà được hiển đạt phú quý.

Đó là một tầng lớp xã hội tương đối đặc biệt, họ có sự bảo đảm trong cuộc sống, có thể khi chủ nhân có việc, thì sẽ ra mặt giải nguy để báo đáp ân nghĩa. Một trong những trách nhiệm và nghĩa vụ của thực khách là can gián. Nếu như lời khuyên ngăn của thực khách được chủ nhân thu nạp, ngoài việc đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ, bản thân mình cũng sẽ hài lòng, có cảm giác rất vinh dự, hơn nữa việc này thường thường dẫn tới sự coi trọng của chủ nhân, về sau sẽ có cơ hội phát đạt. Chính vì được những động cơ và lợi ích đó thúc đẩy, khiến cho vị thực khách người nước Tề nọ có sự gan dạ và mưu trí như vậy.

Hoàn cảnh lúc đó đã rất cứng nhắc, không cho người khác nói, từ chối gặp mặt, nếu còn dũng cảm can gián thì nhẹ nhất cũng bị chửi bới thậm tệ. Người nước Tề họ đã đột phá được cục diện khó khăn, nghĩ ra được hành động kinh ngạc, sử dụng ba từ không rõ nghĩa "cá - lớn - biển", dẫn tới lòng hiếu kỳ của Tinh Quách Quân, khiến ông ta mắc câu. Để cho được nói, người nước Tề đó mới đưa ra những lý do có thể phát sinh của một ví dụ sát sườn dần dần nói rõ cho chủ nhân nghe, cuối cùng đã thuyết phục được đối phương. Phương pháp cổ làm một hành động khác thường dẫn tới sự coi trọng của đối phương, là một ví dụ ngoài sự suy nghĩ của mọi người, tương đối điển hình của thuật tung hoành.

Người viết bài này cũng đã từng trải qua sự việc tương tự như sau :

Nhớ lại khi mới vào trường trung học, làn sóng nóng Cách mạng văn hóa đã đưa chúng tôi, những đứa trẻ miện còn hơi sữa, không muốn ngồi yên học nữa, chỉ muốn theo những đứa trẻ lớn hơn đi khắp nơi gào thét mới thỏa thích, tất nhiên đó chỉ là tình hình thời kỳ đầu văn cách. Đúng vào lúc đó, nguyên giáo viên chủ nhiệm - một vị thầy giáo già - bị các đứa trẻ lớn hơn học ở lớp trên định tội là kẻ phản động chủ chốt, lôi đi đấu tố, phê phán, phải ngồi xổm ở "chuồng bò". Nhà trường phân đến lớp một nam giáo viên mới, vừa tốt nghiệp đại học, xem ra là một thanh niên rất nho nhã. Người của phòng giáo vụ đưa tới vị giáo viên mới này, vừa nói được vài câu, muốn giới thiệu một chút lai lịch vị giáo viên này, chúng tôi vốn đã không chịu đựng

được nữa, có đứa huýt sáo miệng, có đứa hô lên rằng chúng tôi muốn tự mình giải phóng bản thân, không cần giáo viên, không muốn học nữa. Trong lớp rất mất trật tự, hầu như không cho vị giáo viên mới có cơ hội để nói. Không nói ra được, trong lòng của các thiếu niên sớm đã trở thành "trung tâm của động loạn", phá hoại, cái ác trong bản tính của con người có điều kiện chín muồi để thả ra.

Lại nói vị thầy giáo mới, thầy đứng trên bục giảng không nói một câu, cặp mắt nhìn thẳng vào chúng tôi, thái độ lại hòa hoãn mềm mỏng. Sau khoảng hơn chục giây, tôi cho rằng thầy sẽ nói. Nhưng không, thầy chậm chậm đưa tay vào túi áo, rồi thông thả móc ra một vật gì, chúng tôi đều cảnh giác xem thầy làm cái gì. Thì ra thầy móc ra một chiếc khăn tay trắng. Thầy từ từ dùng tay mở chiếc khăn ra, sau đó túm vào một góc khăn, khiến chiếc khăn rũ xuống, lại chậm chậm vung chiếc khăn, thời gian chỉ khoảng mấy giây, giống như làm xiếc, ngoài ý nghĩ của mọi người, toàn lớp lập tức yên tĩnh trở lại, tiếng ồn ào không còn, tiếng cãi lộn cũng hết, tất cả đều nhìn thẳng vào thầy giáo, xem thầy tiếp theo sẽ làm gì.

Sau khi trấn tĩnh được trật tự, thầy giáo ôn tồn nói :

- Các bạn trẻ, tôi hết sức hiểu các bạn, vì tôi đã từng trải qua giai đoạn trẻ trung như vậy...

Tiếp theo thầy còn nói khá nhiều, nói những việc thầy đã trải qua, hoài bão và sự trông đợi đối với chúng tôi, v.v... Thầy còn nói gia đình thầy xuất thân không tốt, bởi đã từng viết sách, điều này là tội tệ nhất.

Tình cảm lúc đó khiến cả đời tôi không thể nào quên được. Sau này khi trưởng thành tôi mới hiểu ra, phương pháp của vị thầy giáo này không phải là một phương pháp gì mới, đó chính là cách thường áp dụng trong khi kể các câu chuyện đồng thoại cho trẻ con nghe có thể để khiến chúng im lặng, trật tự. Đây là một loại kỹ xảo, sử dụng chính xác, có thể thu được hiệu quả cao, cố làm một hành động nào đó để thu được kết quả ngoài ý nghĩ của mọi người mà lại có thể theo đúng suy nghĩ mà mình đã tính, là một trong những kỹ thuật quan trọng của thuật tung hoành.

Mặc dù kỹ xảo tinh thâm, nhưng vẫn không thể cứu được vận rủi của thầy sau này. Càng như vậy, tôi mới càng nhớ thầy sâu sắc.

14.

Chính thoại phản thuyết

Chính thoại là một loại thủ đoạn, mục đích của nó là để kích thích đối phương, khiến đối phương bộc lộ ý đồ chân thực của anh ta.

Môn hạ đệ tử của Khổng Tử có ba ngàn người, trong đó có bảy mươi người hiền tài. Trong số những người có thể sánh được với Nhan Hồi có Tử Cống.

Tử Cống bản tính thông minh, tài ăn nói lại tương đối tốt. Có một lần anh ta hỏi Khổng Tử :

- Người như thế nào gọi là kẻ sĩ ?

Khổng Tử nói :

- Những việc chủ nhân giao cho, đều có thể làm được rõ ràng.

Thực tế, Tử Cống chính là người có đủ tư cách và điều kiện như vậy.

Có một lần, người nắm giữ thực quyền ở nước Tề là Diên Thường âm mưu phản loạn, nhưng vì kế hoạch không chu đáo nên không thành công, ông ta liền nghĩ muốn đưa quân đội của mình sang nước Lỗ để rồi lại tính toán kế sách khác tốt hơn.

Nước Lỗ thuộc tỉnh Sơn Đông hiện nay, là quê hương của Khổng Tử. Mặc dù lúc đó văn hóa đã phát triển, nhưng

về chính trị, kinh tế vẫn là một nước nhỏ, cho nên được biết quân phản loạn của Điền Thường muốn tiến đánh nước Lỗ, cả nước trên dưới lo sợ không yên.

Khổng Tử và các đệ tử bàn bạc tìm cách đối phó : "Ai có thể giải nguy cho nước Lỗ, mời đề xuất kế sách hay".

Người đầu tiên có phản ứng là Tử Lộ. Anh ta có tình thần anh dũng, tình nguyện đến chỗ Điền Thường ngăn cản ông ta, không được làm như vậy. Tử Lộ có thể nói là học trò giỏi dưới trướng Khổng Tử, nhưng tính tình dũng cảm, cương trực, không phải là nhân tài ngoại giao, Khổng Tử không đồng ý để anh ta gánh vác sứ mạng ngoại giao có quan hệ đến sự an nguy của quốc gia này.

Tiếp theo lại có Tử Trương và Tử Thạch tiến ra xin đi. Hai người này đều là những thiếu niên thông minh xuất sắc, Tử Thạch lúc đó mới có 12 tuổi, dũng khí tuy có thể đáng mừng, nhưng xét đến cùng tuổi tác hãy còn quá nhỏ, Khổng Tử cũng không đồng ý.

Người cuối cùng xin đi là Tử Cống. Khổng Tử vốn hiểu rõ các học trò của mình, không chút trừ trừ đồng ý lời thỉnh cầu của Tử Cống.

Tử Cống phen này đi làm sứ giả, sau khi hoàn thành sứ mạng, nhân tiện đi thăm các nước Ngô, Việt, Tấn,... triển khai một chiến dịch lớn vang dội về mặt ngoại giao, khiến cục thế các nước lúc đó phát sinh những sự cải biến rất lớn. Tư Mã Thiên trong cuốn "Sử ký - Trọng Ni tử liệt truyện" có ghi chép tường tận, và viết ra những lời bình cảm thán khâm phục. Ở đây chỉ giới thiệu Tử Cống đã

dùng thủ pháp gì để chặn đứng kế hoạch tấn công nước Lỗ của Điền Thường. Thủ pháp của Tử Cống là việc sử dụng điển hình thuật tung hoành vượt ra ngoài ý nghĩ của mọi người.

Anh ta nói những lời tựa như đã thoát khỏi những sách xưa :

- Ngài mưu đồ tấn công nước Lỗ, theo cách nhìn nhận của tôi, là một việc sai lầm. Bởi vì nước Lỗ không đáng được một nước nào đó tấn công. Tường thành của Lỗ đã vừa mỏng lại vừa thấp, hào thành cũng vừa nông lại vừa hẹp. Vua của nước Lỗ chẳng những không thông minh lại còn kém đức, các đại thần bất học võ thuật lại ngu xuẩn, binh sĩ và trăm họ đều không có năng lực chiến đấu. Hạ thủ với loại quốc gia như thế này chẳng có ý nghĩa gì, muốn chiến tranh không bằng đánh nước Ngô, Ngô và Lỗ tình hình trái ngược hẳn nhau, tường thành vừa dày vừa cao, hào thành cũng vừa sâu vừa rộng, vũ khí mới mẻ chắc chắn sắc bén, quân đội lại tinh nhuệ, các loại vật tư đều đầy đủ. Những nước như vậy mới "dễ" tấn công.

Kiểu nói ngược này, ngẫm coi Điền Thường chẳng có bản lĩnh gì, chẳng qua chỉ là kẻ sợ mạnh hiệp yếu mà thôi. Điền Thường nghe xong, quả nhiên nổi giận đùng đùng, có cảm giác bị sỉ nhục :

- Người đưa việc dễ nói thành khó, việc khó nói thành dễ, muốn ta mở lòng, nghĩ muốn đùa bỡn ta ư ?

Điền Thường vốn cũng biết danh tiếng của Tử Cống, mới chăm chú nghe ý kiến của anh ta, không ngờ Tử Cống lại nói bừa như vậy, quả là rất đáng ghét :

– Được, người vì sao lại làm như vậy ? Phải nói rõ lý do, nếu không thì đừng trách Điền mỗ ta vô tình, người đừng có nghĩ, có thể sống được để rời khỏi nơi đây !

Điền Thường nổi giận lôi đình. Sự tình đã đến nước này, Tử Cống trái lại vẫn không hoảng hốt, chọc giận ông ta chính là bước đầu tiên trong kế hoạch của mình.

Nếu như dùng phương pháp bình thường để thuyết phục Điền Thường, muốn ông ta thay đổi chủ ý, nói sao mà dễ ? Đối phương là một người nắm thực lực ở một nước lớn, hoàn cảnh trước mắt lại rất đặc biệt, cũng chỉ còn cách sử dụng một phương pháp đặc biệt để thử một lần mà thôi.

Tử Cống thần nhiên nói :

– Trước tiên ngài không nên nóng, để tôi từ từ nói tiếp phần dưới cho ngài nghe. Bằng tầm nhìn của một nhà chính trị nhìn nhận vấn đề, nếu như khó khăn hoặc phiền não mà phát sinh ở trong nước, thì nên tấn công nước mạnh. Nếu như khó khăn hoặc phiền não mà phát sinh ở ngoài nước, thì nên tấn công nước yếu. Giống như tình hình hiện nay của ngài, rõ ràng là thuộc vấn đề đầu tiên, có rất nhiều điều phiền não từ trong nước. Tôi thường ngưỡng mộ đại danh của ngài, biết ngài có công lớn đối với nước Tề, nhưng ba lần có cơ hội được thăng tiến đều biến thành bọt nước. Xét đến cùng nguyên nhân là do một số trọng thần thân cận của Tề Vương đố kỵ ngài.

Kế hoạch hiện nay của ngài là tấn công nước Lỗ, kết quả sẽ ra sao ? Nếu đánh thắng, mở rộng được đất đai của

nước Tề, Tề Vương sẽ càng thêm ngạo nghễ, một số trọng thần đổ kỵ ngài lại càng thêm đổ kỵ, họ nhất định sẽ càng đoàn kết nhất trí đối phó với ngài. Công lao của ngài, có thể sẽ khiến Quốc vương càng thêm xa cách ngài. Điểm này ngài có thể chưa nghĩ tới thôi. Nếu như giao chiến với một nước lớn mạnh như nước Ngô thì sẽ như thế nào ? Quân Tề có thể sẽ bị thua, quân sĩ giảm nhiều, dũng tướng cũng còn ít đi, quốc lực bị kém đi nhiều, như thế trong nước mới sẽ đoàn kết, những người ghen ghét với ngài lúc đó sẽ càng phải quan tâm tới sự an nguy của đất nước hơn, Quốc vương trong hoàn cảnh khốn đốn đó sẽ càng phải dựa vào ngài. Như thế, người có thể cầm đầu nước Tề, không phải là Điền Thường ngài ư ?

Buổi nói chuyện này đã khiến Điền Thường hiểu ra, trong cuộc đấu tranh phức tạp giành quyền lực trong cung đình nước Tề, chỉ có tăng thêm sự lo lắng ở ngoài nước, tăng mạnh áp lực ở bên ngoài, trái lại mới có thể khiến Quân vương phải dựa vào mình, những kẻ tiểu nhân nói càn tất nhiên sẽ phải lo sợ, địa vị của mình mới được củng cố, sau khi củng cố có thể chờ cơ hội làm những mưu đồ khác.

Điền Thường im lặng, như từ trong mộng tỉnh lại, trong lòng đã ngầm tiếp nhận kế hoạch của Tử Cống.

Ví dụ này đáng được để chúng ta phân tích kỹ. Tử Cống đã sử dụng lý luận tương phản để nói với Điền Thường, trước tiên tạo ra cảm giác ngoài ý nghĩ của đối phương, chính thoại phản thuyết (nói ngược lại), thu được hiệu quả cao. Điểm trọng yếu của loại thuật tung hoành

này là ở giai đoạn thứ hai, làm thế nào để đối phương đồng ý với luận điểm của mình, và thay đổi kế hoạch ban đầu. Nếu như chỉ có bước thứ nhất thì không được, tạo thành sự dao động ở đối phương, khiến đối phương tự hoài nghi chính bản thân mình, điều này không phải là khó. Then chốt là ở bước thứ hai, cũng chính là lúc sau khi đối phương dao động, anh chỉ ra được lối thoát mà đối phương cho rằng hợp lý, thậm chí đơn giản đó chính là lối thoát duy nhất, không còn cách nào khác, khiến đối phương chủ động tự nguyện tiến vào cạm bẫy của anh. Thành công của việc thuyết phục, then chốt chính là điểm đó.

Để thuyết phục thành công, đầu tiên cần phải tìm hiểu đối phương, anh ta đang nghĩ gì, mục đích chân chính của anh ta là gì. Mục đích ở ví dụ trên của Điền Thường là gì, không phải là thôn tính lãnh thổ của nước Lỗ, đây chỉ là một loại hình thức, một loại manh động như đang cười trên lưng hổ, mục đích chính của ông ta là muốn giải thoát sự phiền muộn của bản thân ở nước Tề, củng cố và mở rộng quyền thế của mình. Đối với điểm này, Tử Cống có sự quan sát rõ, cho nên mới có chủ ý : Muốn củng cố thế lực của mình, thì cần phải tấn công nước Ngô lớn mạnh". Chủ ý đánh trúng vào chỗ nguy hiểm của đối phương, tất nhiên sẽ được đối phương tiếp nhận. Như vậy, một là giải được sự nguy hiểm đối với nước Lỗ, hai là thúc đẩy chiến lược ngoại giao của nước Lỗ lúc đó, đưa chiến sự chuyển sang nước Ngô, đẩy mạnh sự thay đổi cục thế thời Chiến quốc. Thật là có hiệu quả một mũi tên trúng hai đích.

Còn việc nói những lời vô lý ở trên, là để tạo thành sự việc vượt ra ngoài ý nghĩ của đối phương, là một loại thủ đoạn kỹ xảo sử dụng để tăng cường tính hiệu quả của việc thuyết phục về sau. Lý luận này gần giống với tình huống "Cá - lớn - biển" trong ví dụ ở bài viết trên. Đầu tiên khiến đối phương không hiểu vì sao, sau đó dẫn tới sự chú ý, tiếp tục đưa ông ta lên thuyền, một khi thuyền đã khởi hành, thì đã không theo ý muốn của ông ta nữa, những bước này nối liền nhau, mạch suy tưởng này có sáng suốt hay không, có thể là yếu quyết hay không, người đọc dần dần sẽ thấy rõ.

15.

Thắng bằng lối đánh bất ngờ

Nhà ngoại giao sáng suốt, trong cuộc đàm phán khó khăn, thường thường sẽ phá những quy luật thông thường, nói những lời nghe dưng tóc gáy, thắng bằng lối đánh bất ngờ.

Tô Tần và Trương Nghi là hai nhân vật đại biểu nổi tiếng nhất của thuật tung hoành. Tô Tần nỗ lực thực hiện rộng rãi chính sách "hợp tung", thúc đẩy liên minh giữa sáu nước, từng một thời làm Tể tướng sáu nước, công lao hiển hách. Nhưng liên minh này không được bao lâu đã bị tan rã, phải "liên hoành" mà Trương Nghi là đại biểu ra sức khiêu chiến, các thế lực trong nội bộ sáu nước tiêu diệt lẫn nhau, sự liên kết chống Tần giữa sáu nước cuối cùng đã trở thành sự tan vỡ của chủ nghĩa lý tưởng. Có thể đoán ra người đau lòng không được như ý nhất thiên hạ chính là Tô Tần.

Tô Tần chán nản lui về nước Yên là nơi ông ta bước đầu thành công. Yên Văn Hầu là người bạn tri âm của ông ta, cũng là nước chư hầu đầu tiên ủng hộ ông ta thực hiện rộng rãi chính sách "hợp tung", ngoại trừ nước Yên, Tô Tần không còn cách lựa chọn nào khác.

Ai ngờ thời mệnh thay đổi, Tô Tần đến nước Yên không lâu thì Yên Văn Hầu tạ thế. Việc này càng làm cho Tô Tần mất đi chỗ dựa.

Sau khi Văn Hầu chết, người kế vị là Thái tử, tên gọi Dịch Vương. Vợ của Dịch Vương là con gái của Tần Huệ Vương. Chính sách "hợp tung" do Tô Tần tuân mệnh mà làm là nhằm vào nước Tần, cho nên có bà Vương phi này, giữa Tô Tần và Dịch Vương tất nhiên khó có thể duy trì quan hệ mật thiết như đối với tiên vương Văn Hầu. Tô Tần vì thế càng thêm phiền não.

Trong hoàn cảnh nguy khốn đó, rắc rối lại nổi lên, Tề Tuyên Vương lợi dụng nước Yên có tang, ngang nhiên nhân lúc người khác nguy ngập, cất đại quân tấn công nước Yên, không lâu sau đó đã chiếm được mười thành lớn của nước Yên. Sự việc đó Dịch Vương quy tội cho Tô Tần, gọi ông ta đến mắng cho một trận :

- Tiên vương còn sống, là do người đến dâng bók "hợp tung" sáu nước, tiên vương nghe theo lý luận của người, và lấy hậu lễ đãi người, chuẩn bị xe cộ giúp người du thuyết sáu nước. Nhưng hiện nay riêng nước Tề hủy bỏ hiệp ước, nhân lúc nước ta có quốc tang cất quân đến tấn công. Chính là do người trồng cái gốc họa này, người có trách nhiệm phải đến nước Tề giao thiệp, trả lại đạo công bằng cho ta, để họ giao trả tất cả những vùng lãnh thổ của nước Yên ta, người mau đi đi !

Sứ mệnh này quả thực quá khó, không có bất cứ điều kiện gì, cũng chẳng có biện pháp gì để hạn chế đối phương, chỉ trút trách nhiệm, bắt người khác thu hồi lại tất cả những thành bị chiếm, nói sao mà dễ ?

Cá tính của Tô Tần hoàn toàn trái ngược với Trương Nghi, nếu đổi vào địa vị Trương Nghi không những chỉ tự

biện giải cho mình, không biết ông ta sẽ còn giờ những trò ma quỷ gì nữa. Còn Tô Tần chỉ im lặng nhẫn nhịn chỉ thị vô lý đó, lại lặng lẽ tiếp nhận nhiệm vụ được giao đi sang nước Tề.

Tô Tần đến nước Tề, ra mắt Tuyên Vương mở miệng đầu tiên chúc mừng Tuyên Vương :

- Lần này, Đại vương thực hiện được nguyện vọng mở rộng lãnh thổ, tại hạ đến để chúc mừng. Tiếp theo, từ từ cúi thấp đầu xuống, và đổi giọng phúng dụ :

- Đáng tiếc là vận mệnh của nước Tề, có lẽ sắp có nạn lớn giáng xuống đầu.

Vừa gặp mặt đã thể hiện hai giọng điệu hoàn toàn trái ngược nhau, làm cho Tề Tuyên Vương chẳng hiểu vì sao.

Tề Tuyên Vương hỏi vặn nguyên cớ, Tô Tần liền trả lời :

- Có một điển cố như thế này, Đại vương nhất định đã biết : khi người sắp chết đói, cũng không ăn những thứ mà chim hoang đã mổ vào, đó là tính thông thường của con người, vì mọi người biết rõ càng ăn càng chóng chết ! Hiện nay nước Yên mặc dù chỉ là một nước nhỏ, nhưng vua Yên hiện nay là con rể của vua Tần ! Ngài kết oán với nước Yên, đoạt lãnh thổ của ông ta, trên thực tế là đã đắc tội với nước Tần hùng mạnh. Nước Yên đã phái sứ giả đến Tần cầu cứu viện, tin tưởng đại quân không lâu sẽ tới. Yên, Tần hai nước giáp công nước Tề, nước Tề sẽ ra sao ? Cho nên tôi nói là Đại vương đã ăn vật mà chim hoang đã mổ qua !

Tề Tuyên Vương nghe được tin này, trong lòng cũng rất hoảng sợ. Ông ta không những là người hiểu biết rất sâu về mặt văn hóa, mà về mặt chính trị cũng là một vị minh quân. Đối với xu thế phát triển lợi hại của sự việc này không thể không suy nghĩ. Xem ra, ông ta đã chuẩn bị đầy đủ về mặt tâm lý đối với chuyến điều tra lần này của Tô Tần, có sự chuẩn bị để đối phó với Tô Tần và với khả năng nước Tần cứu viện nước Yên. Nhưng bị Tô Tần ví với người ăn vật mà chim đã mổ, trong lòng vẫn có một phen chấn động.

Dao động bắt đầu ! Tô Tần nhân cơ hội tiếp tục tấn công :

- Từ xưa đến nay, những người có tầm nhìn xa đều có thể chuyển nguy thành an. Cho nên tôi tự đặt mình vào địa vị của Đại vương mà nghĩ, nếu chịu giao trả những vùng lãnh thổ đã đoạt được của nước Yên, không hổ, là một biện pháp sáng suốt. Tất nhiên trong phương pháp trao trả đất đai cũng có nhiều cách, nhưng không có gì bằng ra tay trước, phái người sang nước Tần, trước khi Tần xuất quân, tặng cho nước Tần một chút thể diện, chỉ nề mặt nước Tần mới kết thúc ân oán này, tin tưởng Tần nhất định sẽ vì việc không phải xuất quân mà lại giúp được Yên, lại được sự nề mặt của ngài mà cảm thấy hài lòng. Về phần nước Yên thì còn cần gì phải nói ? Một nước nhỏ bé, thu hồi lại được đất đai đã mất là một điều hài lòng lắm rồi. Như vậy Đại vương có thể hòa hảo với hai nước Yên, Tần, lần này khởi binh cũng không phải một phen không công. Ngày sau, lại mưu đồ nghiệp lớn, vẫn còn rất nhiều cơ hội mà.

Tô Tần bắt đầu thuyết phục bằng hành động ngoài suy nghĩ của người khác, phân tích kỹ về quan hệ lợi, hại, từng bước đi sâu, trong mềm có cứng, vừa tăng cường sức ép, vừa rào trước đón sau, cuối cùng đã khiến Tề Tuyên Vương bước vào cạm bẫy, khiến cho nước Yên không phải trả giá bằng một điều kiện gì, thành công thu hồi toàn bộ lãnh thổ bị chiếm.

Cuộc ngoại giao này thành công thực không đơn giản, Tô Tần phải suy nghĩ rất nhiều. Bằng những phương thức du thuyết thông thường, chắc chắn sẽ không thành công. Tô Tần vừa bắt đầu đã áp dụng phương thức chúc mừng và điều phúng cùng một lúc, ý muốn phá vỡ tâm lý đề phòng của đối phương. Làm được bước này, về sau ông ta mới có thể từng bước từng bước phát huy tài ăn nói của mình. Trong đó có những sự uy hiếp là giả tạo, vẽ ra một số viễn cảnh chẳng qua chỉ là sự suy tưởng hư ảo, nhưng đều có thể làm Tề Tuyên Vương cảm động, hoặc có thể giữ thế diện cho ông ta, khiến cho quyết định sách lược rút quân của ông ta không quá bề mặt mà thôi.

16.

Sự hiểu ngầm uyển chuyển

Đối phương là một nhân vật lớn, không nên tùy tiện xúc phạm ông ta. Cần phải sử dụng những lời nói uyển chuyển đúng cách để ông ta hiểu ngầm.

Người trong bài viết này chỉ là một nhân vật nhỏ không được truyền tụng. Một người hầu bên cạnh nhà Vua mà thôi.

Ngày xưa bên mình nhà Vua nào cũng đều có một số gián thần. Chức trách của gián thần là khi nhà Vua có sai lầm, dám thẳng thắn can ngăn nhà Vua. Trong triều đình nếu như không có gián thần, nhà Vua không biết sai lầm của mình, sẽ dễ làm sai việc lớn của quốc gia. Lịch sử cổ đại Trung Quốc vẫn thường thịnh hành quy chế này, cái gọi là "Gián thần chết, sẽ có tử chiến", là một chức trách mà văn võ bá quan không ai muốn làm.

Nói thì dễ, làm thì khó, quy chế mặc dù có, nhưng tùy từng người và từng lúc mà có khác nhau, trong số những ông Vua hiền khai sáng đời thịnh, có thể nghe theo những lời can gián, không ai nổi tiếng về điều đó bằng Đường Thái Tông. Gặp phải những ông Vua hồ đồ ngu xuẩn nắm quyền, gián thần rất dễ bị rơi đầu.

Trong các chúng thần của Tần Chiêu Vương, có một vị gián thần tên gọi Trung Kỳ. Trong một lần nghị luận quốc

sự, Trung Kỳ kiên quyết giữ vững ý kiến của mình, không một chút nhân nhượng, khiến cho Chiêu Vương nổi giận lôi đình, mặt rỗng không vui. Nhưng vị Trung Kỳ này với bản tính thẳng thắn vẫn không để ý đến điều ấy, nhớn nhoe an nhàn rời khỏi vương cung.

Chiêu Vương vốn là một ông Vua hiền tài, đặt cơ sở cho nghiệp bá thống nhất thiên hạ của nhà Tần, nhưng việc này trái lại cũng đã nổi giận, không thể tha thứ cho thái độ ngạo mạn của Trung Kỳ. Chúng thần thấy tình trạng đó chỉ còn vâng vâng dạ dạ, không ai dám nói nữa. Một số kẻ vui mừng trước tai họa của người khác thì ngấm ngầm thích thú : Trung Kỳ, người nhất định phải chết !

Khi thoái triều, Chiêu Vương vẫn còn rất tức giận. Lúc này bên mình chỉ có một người hầu đi theo bên cạnh. Vị người hầu này nói với Chiêu Vương :

- Trung Kỳ, người này cá tính rắn rỏi khí khái, quả thực khiến người khác đau đầu, may mà anh ta gặp một Quân vương hiểu rõ đạo lý và khoan dung, mới không đến nỗi khiến tình thế căng thẳng. Nếu như tình cảnh này rơi vào những ông Vua tàn bạo như Kiệt, Trụ, tất nhiên sẽ không tránh khỏi vạ sát thân.

Cá tính rắn rỏi, khí khái là vấn đề theo ngôn ngữ hiện đại, nguyên văn trong "Sách Chiến quốc" là "Hân nhân". "Hân" như "Hân mã", "Hân phụ", v.v..., chỉ cá tính cứng rắn của một người nào đó khiến người khác không thể nào chịu đựng được, là cách xưng hô với nghĩa xấu. Vị người hầu này so sánh Trung Kỳ với "kẻ hung hân", còn Chiêu Vương được coi là một vị Vua sáng suốt. Nếu như theo sự

ngạo mạn và tôn nghiêm của nhà Vua, lại đang trong cơn tức giận xử tội Trung Kỳ, vốn là lẽ thường, không có gì là kỳ quái. Nhưng theo những lời mà người hầu vừa nói, cứ làm như vậy thì sẽ không tránh khỏi cùng loại với Kiệt, Trụ, cũng chính là những ông Vua bạo ngược.

Lần nói chuyện này nếu cứ nói thẳng ra là : Nếu như vì một việc nhỏ mà xử tội Trung Kỳ, ngài sẽ là một ông Vua bạo ngược như kiểu Kiệt, Trụ. Nhưng người hầu lại không nói như vậy, mà là đầu tiên nhẹ nhàng chụp mũ nhà Vua, là một vị Vua sáng suốt, ngài không thể làm việc như những ông Vua ngu xuẩn khác. Vừa có thể bảo vệ được lòng tự tôn của Chiêu Vương, vừa khiến cho ông ta không thể rơi vào vũng bùn bất nghĩa của bản thân. Việc này quả thật rất sáng suốt.

Lấy những tình huống thông thường mà xét đoán, những người đứng ra nói để xoay chuyển tình thế hoặc hòa giải, thường thường đều đứng ra bênh vực, che chở cho người bị hòa giải, chụp mũ cho người bị hòa giải, nào là người đó tốt như thế nào, có tài hoa ra sao, xuất phát từ lòng trung thành với nhà Vua, v.v... Lời nói thường là : "Giết người này thật đáng tiếc".

Nhưng người hầu này trái ngược với đạo lý đó, đánh giá thấp Trung Kỳ, đề cao Chiêu Vương, và đem ông ta so sánh với Kiệt, Trụ, dùng một loại lời nói ngầm mạnh mẽ để cảnh cáo Chiêu Vương, hiệu quả của nó so với chính choại phản thuyết không biết hay hơn tới bao nhiêu lần !

Sự thể hiện của người hầu lần này, chúng ta ngoại trừ việc thưởng thức kỹ xảo cao minh của ông ta, cũng có thể

hiếu được chỗ khó xử của ông ta. Mỗi quan hệ giữa ông ta và nhà Vua là mỗi quan hệ giữa chủ và tớ, địa vị khác nhau rất lớn, cả đến việc nói thẳng để can gián cũng không có, cho nên mới có sách lược hay như vậy, tựa như một loại ám thị ngầm để cảnh tỉnh chủ nhân, một loại bình luận tốt, xấu có mục đích rõ ràng.

17.

Khéo léo sử dụng thuật phúng dụ

*Điều cốt lõi của phúng dụ là phúng dụ
ngấm ngấm và công khai. DỤ để nói rõ
đạo lý, PHÚNG để kích thích đối phương.*

Trong khá nhiều thuyết khách thời kỳ Chiến quốc, có một vị tên gọi Vương Đẩu, ông ta đã khéo léo sử dụng phương thức phúng dụ ngấm ngấm và công khai đã thành công trong việc thuyết phục Tề Tuyên Vương.

Vương Đẩu lần đầu tiên yết kiến Tề Tuyên Vương vốn đã được đối xử rất hậu, nhưng ông ta vì muốn tạo ra được hiệu quả cao hơn, nên không muốn nhận :

- Đại vương hậu đãi tôi, tôi vốn đã cảm kích lắm rồi. Nhưng tin tức được truyền ra, người ngoài sẽ cho rằng là do tôi chủ động bỏ đỡ nhà quyền quý. Ngược lại, nếu như Đại vương ra mặt mời tôi, mọi người sẽ nói Đại vương yêu mến nhân tài. Chẳng biết Đại vương có cao kiến gì không ?

Tuyên Vương hơi ngạc nhiên một chút, ngừng một lúc mới nói :

- Người hãy ngồi xuống một lát, ta sẽ trở lại.

Không lâu có người phụng mệnh đến, mời Vương Đẩu gặp mặt ở hậu cung. Việc này Tuyên Vương cho rằng đã đủ giữ thể diện cho Vương Đẩu, bèn mở miệng hỏi ông ta :

- Bản thân ta gánh vác trách nhiệm nặng nề đứng đầu nền chính trị của một đất nước và có sứ mệnh bảo vệ tông miếu tổ tiên, người là một kẻ sĩ dám nói thẳng, thiên hạ đều công nhận, nay được mời một cách đặc biệt, dám hỏi có chi giáo gì không ?

Vương Đấu tiếp tục khoe mẽ :

- Ô, sinh vào thời loạn, buộc phải phục vụ một ông Vua chẳng tài giỏi gì, sao dám dễ dàng nói thẳng được ?

Tề Tuyên Vương vẻ mặt không vui :

- Vương Đấu, người lại một lần nữa vô lễ, không biết lựa chiều như vậy ư ? Ngang nhiên nhiều lần hất nước lạnh vào ta, khiến ta bực chết đi được !

Vương Đấu quan sát lời nói, sắc mặt, biết đã đến lúc gay go, sự biểu hiện ở phần trước là để dọn đường cho màn đấu khẩu ở phần sau, cần phải thay đổi một thủ đoạn bịp bợm khác ngoài ý muốn của mọi người.

- Tổ tiên của Đại vương là Tề Hoàn Công, một thời xưng bá chư hầu, thiên hạ đều phục. Ông ta bình sinh rất thích bốn thứ, còn Đại vương ngài chưa thể kế thừa hoàn toàn những thứ ấy, hình như chỉ thích ba thứ trong đó mà thôi.

- Thứ nào, ta lại thiếu nhỉ ?

Tuyên Vương hỏi gấp, sắc mặt mặc dù không vui, nhưng đã hòa hoãn khá nhiều. Mặc dù Vương Đấu vẫn nói cái không phải của Tuyên Vương, nhưng lại đem ông ta so sánh với vị vua Tề đời trước đã từng phát hiệu lệnh cho toàn thiên hạ. Về mặt tâm lý, sự phẫn nộ coi Vương Đấu

như ké thù đã giảm đi khá nhiều, tiếp theo lại hơi mím cười hỏi :

- Bản thân ta gánh vác trách nhiệm nặng nề thống trị nước Tề, không muốn nhìn thấy uy danh của đất nước bị kém đi. Nhưng cũng không dám so sánh là có thể có đủ ba điều kiện giống như tổ tiên Hoàn Công, người nói xem, đó là ba sự kiện gì ?

- Được thôi, tôi sẽ nói thẳng. Hoàn Công yêu tuấn mã, ngài cũng thích, có đúng không ? Hoàn Công thích chó săn tốt, ngài cũng thích, có đúng không ? Hoàn Công thích gái đẹp, ngài cũng thích như vậy. Tôi nói là ở ba điều kiện trên ngài giống như Hoàn Công.

Tuyên Vương thoát nghe, biết Vương Đấu lại nói vòng vèo, ba điều kiện này giống nhau, có thể là những phẩm chất tốt được ư ?

- Vậy thì xin nói tiếp, một điều kiện khác nhau giữa ta và Hoàn Công là gì ?

- Hoàn Công thích ba điều kiện nói trên, nhưng ông ta càng yêu mến nhân tài, nhưng ngài tuyệt không thích nhân tài !

Lời nói này kích thích Tuyên Vương, cố nhịn sự không vui, đành phải tự mình phân giải :

- Thiên hạ hiện nay, nhân tài ở đâu đến ? Không phải ta không yêu mến nhân tài, quả thực hiện nay không có nhân tài để ta yêu mến.

Vương Đấu tiếp tục tấn công :

- Thiên hạ hiện nay mặc dù không có kỳ lân, nhưng không sợ không có ngựa tốt để cưỡi. Mặc dù không có Lư Thị (tên con chó săn nổi tiếng) để đuổi Đổng Quách Tuấn (tên con thỏ xảo quyệt), nhưng trong Cung nuôi chó săn cũng không ít. Mặc dù không có Tây Thi, Vương Tường, nhưng những người đẹp trong hậu Cung cũng đủ ngài dùng. Tất cả những điều này ngài đều yêu thích. Trái lại đối với nhân tài, ngài lại không được như vậy, thật là không có nhân tài ư ?

- Ta vì nước mà lo lắng, yêu thương sâu sắc trăm họ của mình, có thể mời đến những người ưu tú trong thiên hạ để giúp ta thi hành chính trị trong nước, tất nhiên là việc mà ta thành tâm mong mỏi, xin ông chờ nghĩ ngẫm.

- Mặc dù nói như vậy, Đại vương vẫn không yêu nhân tài như yêu lụa.

- Làm sao có thể thấy được như vậy ?

- Khi làm giải mã, ngài không gọi những người trong cung đến làm, mà đi mời thợ cả ở bên ngoài. Điều này là vì ngài hiểu rõ thợ cả là nhà chuyên môn, người thân cận của mình không chắc đã làm được việc này. Cai trị quốc gia cũng như vậy, nhưng thái độ của ngài lúc đó lại khác, đều do những người thân cận bên mình đảm nhiệm, cho nên tôi nói Đại vương yêu nhân tài không bằng yêu lụa.

Buổi nói chuyện này Vương Đẩu đã dùng cách nói phóng dụ (dùng cách kể chuyện để nói đạo lý của sự thật), cuối cùng đã đưa được về chủ đề chính : Nếu muốn nền

chính trị được trong sáng, cần phải thu nhận rộng rãi những nhân tài trong thiên hạ. Tề Tuyên Vương xét cho cùng vẫn là một vị Vua sáng suốt, có cảm giác cách làm trước kia là do tầm mắt nông cạn, tự mình trói buộc mình, lập tức thay đổi quy chế dùng người, nền chính trị của nước Tề quả thực khá hơn nhiều so với trước đây.

18.

Đóng vai nhân vật phản diện

Vì để đạt đến một mục đích nào đó, cố ý ở trước mặt đối phương biến mình thành nhân vật phản diện, cố ý nghĩ một đằng nói một nẻo, trái lại có thể khiến cho đối phương nảy sinh một loại cảm giác chân thực.

Sử dụng luận điệu tương phản khiến cho đối phương có cảm tưởng vượt ra khỏi ý nghĩ của mình, tiến tới đạt được hiệu quả cứu vãn tình thế cứng ngắc, phần trên đã giới thiệu người hầu của Chiêu Vương với những điều sáng suốt của anh ta. Một vị thực khách dưới trướng Tĩnh Quách Quân lại có sự thể hiện hay hơn ví dụ trên.

Tĩnh Quách Quân là cha của Mạnh Thường Quân, cha con hai đời từng làm Tể tướng nước Tề, là một danh môn vọng tộc thời đó. Theo ghi chép lại, Mạnh Thường Quân có 3000 thực khách, cha của ông là Tĩnh Quách Quân cũng có rất nhiều thực khách.

Tề Mạo Biện là một trong số thực khách của Tĩnh Quách Quân, là người có rất nhiều khuyết điểm, lại không hợp với nhiều thực khách nhất. Thế nhưng Tĩnh Quách Quân bằng sự quan sát độc đáo của mình không để ý đến điều đó, trái lại càng yêu mến Tề Mạo Biện, việc ăn uống, chỗ ở của ông ta cũng được quan tâm đặc biệt hơn những người bình thường khác.

Các thực khách thường thường phản ánh Tề Mạo Biện tính cách cô quạnh, khó hòa hợp. Những phản ánh này không được sự ủng hộ của Tĩnh Quách Quân, có một số người làm cáo trạng đã bị Tĩnh Quách Quân đuổi đi, thậm chí Mạnh Thường Quân cũng bị cha già trách mắng. Hơn thế nữa, Tĩnh Quách Quân còn muốn nâng cao địa vị của Tề Mạo Biện, đối đãi với ông ta ở địa vị cao nhất trong đám thực khách, do đó có thể thấy, giữa hai người đã có một sự thỏa thuận ngầm rất đặc biệt.

Sau khi Tề Uy Vương tạ thế, Tề Tuyên Vương kế vị. Tuyên Vương và Tĩnh Quách Quân là hai anh em cùng cha khác mẹ, quan hệ máu thịt phức tạp trong Hoàng tộc và tranh đoạt quyền lực, khiến hai người tình cảm bất hòa. Tuyên Vương vừa kế vị, Tĩnh Quách Quân đành phải từ chức Tế tướng, trở về ẩn cư ở đất Tiết là vùng đất mà ông ta được phong tặng.

Tề Mạo Biện theo chủ nhân đến đất Tiết không lâu, chủ động đề xuất muốn trở về sống ở thủ đô. Tĩnh Quách Quân và Tề Mạo Biện kết thân đã lâu, biết ông ta muốn đi, thành khẩn nói :

- Tuyên Vương không những hận tôi, án tượng đối với ông cũng rất xấu, lần này ông trở về thủ đô, sợ là lành ít dữ nhiều.

Tề Mạo Biện bình thản nói :

- Tôi đã quyết định, tôi không sợ chết, xin không nên lo lắng vì tôi.

"Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ", những câu chuyện thời cổ, cảm động như vậy có rất nhiều, sự thể hiện của Tề Mạo

Biện là rất hay. Ông không sợ chết, nhưng chết cũng chưa đủ để báo đền ân huệ của chủ, ông đi lần này là muốn hoàn thành một sứ mệnh mà chủ nhân không còn cách nào để nói, tất cả những người khác cũng không có cách nào để hoàn thành.

Tề Mạo Biện qua một phen sắp xếp, cuối cùng được gặp Tuyên Vương. Cuộc tiếp kiến này rất khó khăn, hai người đều rất hiểu nhau.

Tề Tuyên Vương nói :

- Theo như người ta nói Tĩnh Quách Quân rất sủng ái ông, toàn nghe theo lời nói và mưu kế của ông !

Tề Mạo Biện đối với việc này đã sớm có chuẩn bị, hình như đã đợi câu hỏi này để vào đề :

- Đúng vậy, ông ta rất quan tâm đến tôi, và rất coi trọng tôi. Nhưng chủ ý quan trọng nhất của tôi ông ta lại không thu nạp, sự tình đã đến ngày nay, tôi không muốn giấu làm gì. Đó là việc khi Đại vương còn đang làm Thái tử. Tôi nói Thái tử diện mạo không hay, cầm dưới lời ra, trong mắt có những tia sáng hung bạo tàn ác, có tướng mưu phản. Tôi suy nghĩ vì chủ nhân, đề nghị ông ta sớm hạ thủ, phế lập Thái tử, để tránh sự bất trắc về sau. Nhưng Tĩnh Quách Quân lớn tiếng chỉ trích tôi, không cho tôi nói lung tung nữa, nếu không sẽ đuổi tôi ra khỏi cửa. Ôi, ông ta không nghe lời tôi, quả có ngày nay, cũng là số trời.

Những lời nói dối của Tề Mạo Biện còn chưa hết :

- Còn có một lần, sau khi Tĩnh Quách Quân đã về đến đất Tiết, đại thần nước Sở là Chiêu Dương đề nghị đem đổi

một vùng đất rộng gấp đôi đất Tiết cho Tĩnh Quách Quân. Tôi cực lực muốn đổi, một là được thêm nhiều diện tích, hai là có thể tránh sự bức hại của Tuyên Vương ngài, vì sao lại không đổi nhỉ ? Nhưng Tĩnh Quách Quân nói đất Tiết là do tiên Vương tặng cho, mặc dù hiện nay có quan hệ xấu với Tuyên Vương, nhưng không muốn làm việc có lỗi đối với tiên Vương. Huống chi tông miếu của tiên Vương ở đất Tiết, làm thế nào có thể ngay cả tông miếu của tổ tông cũng đổi cho người khác được ư ? Như thế, hai lần kiến nghị quan trọng của tôi đều bị ông ta phủ quyết. Tôi chỉ còn cách rời bỏ ông ta trở về kinh đô tìm đường tiến thân khác.

Tề Mạo Biện kể lại hai việc trên, đều là những việc hãm hại Tuyên Vương hoặc bất lợi đối với nước Tề, nói ra từ miệng Tề Mạo Biện, tự mình nhận đã tính toán, liền có thể khiến Tuyên Vương tin là có việc này. Tuyên Vương nhân vì buổi nói chuyện này của Tề Mạo Biện làm cho cảm động đã quyết định khôi phục tình thân thiện anh em với Tĩnh Quách Quân.

Loại thuật tung hoành này có một số điều thoát ly khỏi những sách vở thông thường, rất ít gặp, ngoại trừ tình nghĩa sâu nặng giữa Tề Mạo Biện và Tĩnh Quách Quân, quyết tâm lấy cái chết để báo đền công ơn của chủ. Về mặt kỹ thuật ông ta hiểu rõ chỉ khi có chỗ dựa, mới có thể khiến đôi phương nảy sinh khuynh hướng chọn lọc một cách tự phát, đó chính là mục đích mà mình muốn đạt được.

Muốn đạt được mục đích này, nếu bằng phương pháp thuyết phục thông thường thì hết sức khó khăn, hầu như

không có hy vọng gì. Tuyên Vương hiểu rất rõ rằng, Tề Mạo Biện là bộ hạ trung thực của Tĩnh Quách Quân, nếu như Tề thay Tĩnh nói mà nói càng tốt thì Tuyên Vương càng không tin. Ngược lại, bằng vào một thân phận của một người đã ruồng bỏ chủ và lại biết cặn kẽ rất nhiều việc, nói những lời xấu thì càng nói càng khiến đối phương tin tưởng. Nhưng nói xấu, chủ ý xấu, là xuất phát từ bản thân Tề Mạo Biện, tất nhiên sẽ khiến Tuyên Vương cảm động nghĩ đến tình anh em, đến bước này, chỉ còn đợi lúc rơi vào cạm bẫy mà Tề Mạo Biện đã đặt ra.

Thông thường, muốn giải quyết mâu thuẫn giữa A và B, người hòa giải bất kể như thế nào cũng không muốn làm ảnh hưởng tới lập trường của mình. Hòa giải thất bại, người hòa giải cũng không có trách nhiệm gì. Hòa giải thành công, A và B đều sẽ cảm tạ anh.

Với lập trường của Tề Mạo Biện : khi bắt đầu ông ta bị coi là người đứng về phía Tĩnh Quách Quân, do đó ông ta không thể không nói tới những việc trái với đạo lý thông thường, từ đầu đến cuối ông ta chỉ đóng vai là một người xấu, mà cuối cùng đã đạt được mục đích. Điều này cần phải có sự thông minh sáng suốt, lòng can đảm và sự hiểu biết sâu sắc.

19.

Phương pháp thuyết phục nhiều lần không ngừng nghỉ

Ý nghĩa giống nhau, thuyết phục nhiều lần, tô vẽ nhiều lần, nhấn mạnh nhiều lần, chưa đạt mục đích thì chưa thôi. Đụng đầu với đối thủ ngoan cố, đây là một loại vũ khí có lực.

Triệu Phổ đã từng làm Tể tướng hai triều Vua nhà Tống là Thái Tổ và Thái Tông, sự trung thành và thành tích chính trị của ông là hết sức rõ ràng. Ông là một quan viên hành chính cao cấp, tính rất cẩn thận, nhưng về mặt học vấn so với các quan lại cùng cấp thì hơi kém một chút. Sau khi ông được lên chức Tể tướng, sự không đủ về mặt học vấn bị Thái Tổ phát giác. Một ngày sau khi nghị luận chính trị, Thái Tổ ôn tồn khuyên ông nên xem sách nhiều một chút. Từ đó Triệu Phổ tay không rời sách, sau khi thoái triều liền giam mình trong phòng đọc sách.

Đoạn câu chuyện này ghi chép ông là một người cẩn thận, biết trình độ không đủ nên ra sức tự hoàn thiện. Cả đời ông dốc hết vào việc chính trị, lấy việc phò tá triều Tống thống trị thiên hạ làm nhiệm vụ của mình, là một trong số không nhiều danh tướng. Ông là một người có tính cách kiên nhẫn.

Một câu phê bình dịu dàng của Thái Tổ, đã khiến cho ông tạo thành một thói quen đến chết tay không rời sách. Trái lại, khi phò tá triều chính những sự tình mà mình đã nhận định, nếu như có ý kiến trái ngược với Hoàng đế, cũng dám kiên trì thuyết phục nhiều lần. Liên quan đến tính cách kiên nhẫn của ông có ghi chép lại như sau.

Có một lần Triệu Phổ tiến cử lên Thái Tổ một vị quan lại, Thái Tổ không đồng ý. Triệu Phổ không lấy điều đó làm gương. Ngày hôm sau vào triều lại đề xuất với Thái Tổ việc bổ nhiệm nhân sự để Thái Tổ quyết định, Thái Tổ vẫn không đồng ý. Triệu Phổ vẫn không chán nản, hôm sau lại đề xuất ý kiến đó.

Liên tục ba ngày liên tiếp ba lần lập đi lập lại đề nghị đó, các đồng liêu cũng đều kinh ngạc, da mặt Triệu Phổ sao mà dày như vậy ! Thái Tổ lần này nổi giận, đem bản tấu xé nát vứt xuống đất. Nhưng Triệu Phổ có cách làm của ông, ông im lặng không nói, lặng lẽ nhặt từng miếng giấy đã bị xé nát lên, về nhà dán lại cẩn thận.

Ngày thứ tư lên triều, không nói một câu, đưa qua đầu bản tấu đã được dán lại cẩn thận, đứng bất động trước mặt Thái Tổ. Thái Tổ cảm động về điều đó, thở dài một tiếng, đành phải chuẩn tấu.

Triệu Phổ còn có câu chuyện tương tự.

Một vị quan lại nọ theo thành tích chính trị đáng lẽ sẽ được thăng chức, Triệu Phổ làm Tể tướng dâng tấu đề nghị, nhưng vì Thái Tổ bình thường không thích người này, nên đối với bản tấu của Triệu Phổ, Thái Tổ cũng

không để mắt đến. Nhưng Triệu Phổ xuất phát từ sự công bằng, không tính đến sự yêu ghét của Hoàng thượng, sự biểu hiện tính kiên nhẫn lần trước lại được lặp lại. Thái Tổ không bắt bẻ được ông, miễn cưỡng phải đồng ý.

Thái Tổ lại hỏi :

– Nếu ta không đồng ý, lần này ngươi sẽ làm thế nào ?

Triệu Phổ mặt không đổi sắc :

– Có tội tất phải trừng phạt, có công tất phải ban thưởng. Đó là một điều giáo huấn từ xưa, nguyên tắc không thể thay đổi, Hoàng đế không nên vì việc yêu hay ghét mà không làm theo nguyên tắc này.

Cũng chính là nói, ngài tuy cao sang là một Thiên tử, cũng không thể dùng cảm tính cá nhân để xử lý những vấn đề có liên quan đến hình phạt và ban thưởng. Lời nói này rõ ràng đụng chạm đến Tống Thái Tổ.

Thái Tổ trong cơn nóng giận phất tay áo mà đi. Triệu Phổ leo đèo theo sau, đến hậu cung Hoàng đế vào phòng ngủ, ông liền đứng chờ ở bên ngoài cửa, cúi đầu, hồi lâu không cử động, quyết tâm nếu Hoàng đế không ra ông sẽ không chịu đi. Nghe nói Thái Tổ rất cảm động về điều đó.

Những việc đó chính là phương pháp thuyết phục nhiều lần, một số nước cũng có phương pháp thuyết phục, gọi là "Người đóng đinh vào người".

Vẫn là một nội dung, hai lần, ba lần không ngừng phản ánh tới cấp trên, từ đó mà đạt được hiệu quả của việc thuyết phục. Vận dụng phương pháp thuyết phục này, cần phải có tính cách kiên nhẫn, trong cứng ngoài mềm, nếu

như thất bại, tuyệt đối không được chán nản, tìm cơ hội nhiều lần thực hiện.

Một vấn đề cần chú ý là vận dụng phương pháp này cần phải có mức độ, vượt quá giới hạn sẽ làm mất đi cảm tình của đối phương, thì lại có thể dẫn tới hiệu quả trái ngược. Cho nên cần phải xử lý cẩn thận.

20.

Làm thế nào để đối phó với phương pháp thuyết phục nhiều lần

Tăng Sâm giết người" là phương pháp thuyết phục điển hình nhất. Phương pháp này khi bị sử dụng với ý xấu, có thể làm giả thành thật. Đối với việc này, bạn cần phải có sự tính toán trước.

Đối tượng của thuyết khách thời xưa phần lớn là Quân vương, Tể tướng và quyền quý. Các thuyết khách hiểu rõ rằng cơ hội để sử dụng phương pháp thuyết phục nhiều lần thật không nhiều. Giống như phần đầu đã thuật Thương Ưởng ba lần tấn kiến, cuối cùng mới thành công, đối với các thuyết khách ở vào địa vị thấp trong xã hội, việc đó là một điều ngoại lệ. Phương pháp thuyết phục nhiều lần có thể hiệu quả thành công cao, nhưng đáng tiếc là khó tìm được cơ hội.

Đặc biệt gay go là, sau khi những lời dâng lên của các thuyết khách đã được nhà Vua tiếp nhận, nhưng do những trọng thần ở bên mình nhà Vua có rất nhiều cơ hội tiếp cận Vua, trong số đó nếu như đề xuất ý kiến bất đồng, thì bản thân người thuyết khách cũng không có cơ hội biện bác trình bày, nên thường thất bại có khi đã gần đến thành công.

Nếu như những trọng thần của nhà Vua cũng sử dụng phương pháp thuyết phục nhiều lần, thì thắng bại về cơ

bản đã rõ ràng. Loại việc này cũng là trọng thần bên mình nhà Vua, giữa họ cũng có thể phát sinh tình huống tương tự. Ý kiến của một vị trọng thần được thu nhận. Một vị khác là kẻ thù chính trị của người đưa ý kiến nhưng đứng ở địa vị có lợi hơn thì lúc nào cũng có cơ hội lật đổ ý kiến đó. Anh ta có điều kiện đặc biệt hơn, thì càng có khả năng thuyết phục nhiều lần.

Lúc đó cần phải làm thế nào ? Người đã có tầm nhìn xa, sau khi ý kiến của mình được đối phương tiếp thu, một phen du thuyết thì chưa thể tính được là đã xong, còn cần phải tiến một bước nữa chuẩn bị những biện pháp để tiếp tục thuyết phục nhiều lần.

Có thể đưa ra ví dụ để chứng minh. Trong những trọng thần của nước Tần có một vị tên gọi Cam Mậu. Cam Mậu vốn là một thuyết khách mà Trương Nghi giới thiệu cho Tần Huệ Vương, sau khi Vũ Vương kế vị, Trương Nghi bắt đắc chỉ đi sang nước Ngụy, Cam Mậu trái lại được thăng tới chức Tế tướng.

Có một lần Vũ Vương sai Cam Mậu đi sứ sang nước Ngụy, muốn ông thuyết phục Ngụy Vương kết thành đồng minh và hợp sức tấn công nước Hàn. Nhiệm vụ này rất khó khăn, Vũ Vương phái Cam Mậu đi là đã hiểu rõ tài năng của ông. Nhưng nhìn từ hoàn cảnh Cam Mậu đến nước Tần để tìm đường tiến thân, Vũ Vương trong lòng lại không được yên, cho nên phái thêm một đặc sứ tên gọi Hường Thọ đi theo Cam Mậu. Hường Thọ là người tâm phúc của Vũ Vương, lần đi này thực tế là có trách nhiệm giám sát.

Sau khi Cam Mậu đến nước Ngụy, trải qua một phen khổ tâm du thuyết, cuối cùng đã hoàn thành sứ mệnh. Lúc đó ông ta nói với người cùng đi là Hương Thọ :

- Xin phiền ông về nước báo cáo trước cho Vũ Vương, nói là nước Ngụy đã tiếp nhận toàn bộ ý kiến của chúng ta. Nhưng xin không nên tấn công ngay nước Hàn. Việc này ông làm xong, toàn bộ công lao trong chuyến đi sứ lần này đều thuộc về ông.

Vũ Vương nghe báo cáo của Hương Thọ thì rất vui mừng, và hẹn đi đến Tức Nhượng nghênh tiếp Cam Mậu và hỏi ông ta nguyên nhân vì sao chưa thể lập tức tấn công nước Hàn.

Cam Mậu trả lời :

- Tấn công nước Hàn là việc đã định ước xong với nước Ngụy, lập tức có thể thi hành. Vấn đề ở chỗ tôi có lời muốn bàn bạc trước với Đại vương, tránh trách nhiệm về việc tính toán không chu đáo.

Vũ Vương nói :

- Được, hôm nay ta sẽ nghe người nói hết.

Cam Mậu nói tiếp :

- Hiện nay tấn công nước Hàn, mục tiêu là Nghi Dương. Nghi Dương tuy chỉ là một huyện, nhưng vị trí địa lý của nó và thực lực quân mã đồn trú có thể sánh được với một quận lớn. Nghi Dương tập hợp của cải của Nam Dương, Thượng Đảng, lại có thể được sự chi viện của hai vùng đó. Chúng ta từ Tấn đưa quân đến đây, phải vượt qua nhiều cửa ải khó khăn, đó không phải là một việc dễ làm.

Cam Mậu đầu tiên trình bày khó khăn để Vũ Vương biết, để ông ta có sự chuẩn bị về mặt tâm lý. Tiếp theo Cam Mậu lại nói :

Một sự kiện khác cũng rất quan trọng. Cam Mậu tôi nhận lệnh ở Đại vương, tự đem xương máu để báo đền. Nhưng mọi người đều biết tôi là người ở nơi khác đến, không phải là người gốc nước Tần, nếu như kế hoạch không được toàn vẹn, sau này gặp khó khăn, tất bị người khác chỉ trích. Những trọng thần bên cạnh Đại vương như Xư Lý Tật, Công Tôn Diễn, v.v.. dâng lời khuyên ngài ngừng cuộc tấn công, ngài sẽ tiếp nhận ý kiến của họ. Nếu như vậy, Cam Mậu đối ngoại thất tín với nước Ngụy, kết oán với nước Hàn, đối nội lại làm nhục mệnh Vua, có thể đứng chân trong thiên hạ được ư ? Điều này thần không thể không lo lắng.

Cam Mậu nói tiếp :

Chúng ta ôn lại câu chuyện "Tăng Sâm giết người" : Đất Phí có một người cùng tên cùng họ với Tăng Sâm, anh ta giết người. Người quen biết nghe nói chạy đi báo cho Tăng mẫu "Tăng Sâm giết người" ! Tăng mẫu thần nhiên nói : "Tăng Sâm không biết giết người". Không lâu lại có người đến báo "Tăng Sâm giết người" ! Tăng mẫu vẫn không bị động về lời nói đó, vẫn theo lệ dệt vải. Lần thứ ba có người đến báo "Tăng Sâm giết người" ! Tăng mẫu biến sắc vứt thoi, vượt tường mà đi.

"Tăng mẫu tin tưởng sâu sắc vào con trai của mình, nhưng cũng không chống đỡ nổi ba lần báo tin sai. Cam Mậu không phải Tăng Sâm, cũng không có nhân cách cao thượng như Tăng Sâm. Đại vương tin cậy Cam Mậu không

thể hơn được Tăng mẫu tin cây Tăng Sâm. Mà người không tin tưởng Cam Mậu, ở nước Tần há chỉ có ba người thôi ư ?

Cho nên tôi lo lắng khi việc đến chỗ then chốt, Đại vương không chỉ sẽ vút thoi vượt tường, sợ rằng còn sẽ trách tội Cam Mậu...

Vũ Vương nghe xong tương đối chân thành khâm phục, kiên quyết nói :

– Yên tâm đi, ta sẽ không nghe lời hai người đó, ta có thể thề.

Sau đó Cam Mậu bắt đầu vạch kế hoạch tấn công Nghi Dương. Sau khi chiến sự bắt đầu, quả không ngoài dự tính trước đó của Cam Mậu, tiến triển hết sức khó khăn, tấn công thành 5 tháng không hạ được, tổn thất không nhỏ, chí khí trong quân bị bẻ gãy.

Lúc này Xư Lý Tật và Công Tôn Diễn, hai người này bắt đầu dăng lời với Vũ Vương, cầu xin ngừng cuộc tấn công. Vũ Vương cũng vì việc tấn công đã lâu không hạ được thành, trong lòng phiền não, nghe hai vị trọng thần nói như vậy, cũng bắt đầu dao động. Vũ Vương triệu Cam Mậu tới muốn ông làm công việc chuẩn bị rút quân.

Cam Mậu đã có chuẩn bị mà đến :

Đại vương phải chăng đã quên lời thề ở Tức Nhượng rồi ư ? Quả nhiên "Tăng Sâm giết người" diễn lại rồi !

Vũ Vương bừng tỉnh, lập tức thu hồi mệnh lệnh đã ban ra, và ném vào toàn bộ quân lực tấn công. Cuối cùng, Cam Mậu đã hạ được thành Nghi Dương. Thật ra, chính xác là đầu tiên Cam Mậu đã hạ được Vũ Vương !

21.

Bí kịch của câu chuyện "Ba người nói có hổ trong chợ"

Lời nói của con người thật đáng sợ ! Lời nói dối được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, thường thường sẽ khiến mọi người tin là thật. Lời nói dối đáng sợ sẽ dẫn đến hậu quả đáng sợ !

Nước Ngụy có một vị trọng thần tên gọi là Bàng Thông. Ông ta và Cam Mậu thuật ở phần trước đều là người có trí tuệ, có sự từng trải đại thể ngang nhau, nhưng Cam Mậu thành công, Bàng Thông lại thất bại thảm hại. Không phải ông ta không dự kiến trước, cũng không phải là không có biện pháp chuẩn bị, nhưng kết cục của hai người trái hẳn nhau, điều này gợi mở cho chúng ta về tầm nhìn của tư duy.

Ngụy Vương chỉ định Bàng Thông đi cùng với Thái tử đến thủ đô Hàm Đan nước Triệu làm con tin. Bàng Thông hiểu rõ Ngụy Vương và cân nhắc toàn diện các mối quan hệ lợi hại trong nước, biết chuyến đi này lành ít, dữ nhiều, hoàn thành nhiệm vụ hay không cũng đều bất lợi đối với mình. Nhưng vì mệnh Vua khó có thể không tuân, quả thực biết không thể làm được mà miễn cưỡng phải làm. Trước khi đi ông ta và Ngụy Vương có đoạn đối thoại như sau :

- Nếu như có người chạy đến báo cho ngài, nói trong chợ đông xuất hiện một con hổ, Đại vương có tin không ?

- Ta sẽ không tin.

- Được, nếu như lại xuất hiện một người nữa đến báo cáo : "Trên phố xuất hiện một con hổ", ngài sẽ như thế nào ?

- Ta sẽ bắt đầu nghi ngờ.

- Nếu như lần thứ ba có người đến báo : "Trên phố xuất hiện một con hổ". Ngài có tin tưởng có hổ không ?

- Lúc này... ta có thể tin.

Bàng Thông thở dài một tiếng :

- Đại vương, con hổ không thể xuất hiện trên phố trong chợ đông, điều này ngài vốn đã biết. Chỉ vì có ba người nói đi nói lại, ngài đã tin là có. Hàm Đan cách nước ta rất xa, có thể thấy muốn biết được việc ở Hàm Đan, không phải dễ dàng gì, tin tức phải qua mấy lần truyền đi truyền lại. Lần này tôi từ biệt Đại vương, những người nói lung tung không chỉ có ba người, điểm này xin Đại vương lưu ý. Nếu như tin cậy vào thần, không bị động về những lời đồn đại, thần khỏi phải lo lắng về việc sau này.

Nói xong đoạn đối thoại đó, Bàng Thông cùng Thái tử lên đường.

Người còn chưa đến Hàm Đan, kẻ thù chính trị của Bàng Thông bắt đầu nói xấu ông ta. Cho đến khi tháp tùng Thái tử từ Hàm Đan trở về, Ngụy Vương vì những lời đồn đại đâm ra ngờ vực, không muốn gặp mặt Bàng Thông.

Bàng Thông chỉ còn cách cảm thán nói con chim tốt phải nên chọn cây mà thôi.

Cam Mậu cũng giỏi, Bàng Thông cũng giỏi, đều biết rõ nếu như mình gặp khó khăn hoặc ở xa nhà Vua, phương pháp thuyết phục nhiều lần hiệu quả rất lớn, nên đều có làm biện pháp dự phòng. Nhưng Bàng Thông không được như Cam Mậu, cuối cùng bị người khác hãm hại, cũng là do sự thông minh hiểu biết của ông, không có trí tuệ cao không thể làm được như vậy.

22.

Nhẫn nhịn mà không phát ra

Sách "Thuyết văn giải tự" giải thích, chữ "nhẫn" là ở trên đầu chữ "âm" có một con dao. Dao cắm ở trên tim, nhẫn nhịn mà không phát ra, đó là một loại công lực đặc biệt trong mưu kế của người xưa.

Chữ "nhẫn" của người Trung Quốc, có một truyền thống lâu đời. Khi không chịu nhẫn nhịn thì kinh thiên động địa. Khi cần phải nhẫn nhịn, có thể hạn chế sự nguy hiểm, thiệt hại tới mức thấp nhất. Đó là hai mặt của một sự vật trong truyền thống văn hóa Trung Quốc. Rất nhiều người nước ngoài nghiên cứu tính "nhẫn nhịn" của người Trung Quốc, có chuyên gia còn viết sách phát biểu quan điểm, cho rằng người Trung Quốc có sức nhẫn nại lớn như vậy, là sản phẩm của phương thức sinh hoạt vợ chồng cùng ở trong một đại gia đình.

Vào thời kỳ lịch sử cận đại, hiện tượng lấy vợ lẽ đã bị đả kích mạnh mẽ. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, về mặt pháp luật đã khẳng định phương thức hôn nhân một vợ một chồng. Trung Quốc thời cổ đại, một chồng nhiều vợ mặc dù theo nếp cũ đã có từ lâu đời, nhưng một điều hiển nhiên dễ thấy là những hiện tượng này chỉ tồn tại ở giai cấp thống trị và những gia đình giàu có. Đông đảo nhân dân ở tầng lớp thấp ăn mặc cũng còn không đủ, làm gì dám mộng có nhiều vợ. Có thể thấy quan

điểm ở trên của người châu Âu rõ ràng là có thiên lệch, không có sự khảo sát toàn diện, sâu sắc về lịch sử Trung Quốc.

Hoàng đế đời thứ ba nhà Đường là Cao Tông. Ông ta là người con trai thứ chín của Đường Thái Tông, trong cuộc đấu tranh giữa các anh em để đoạt ngôi vị Hoàng đế, ông ta bằng tính cách ôn hòa, giỏi về việc đối đãi với người khác mà được lập làm Thái tử.

Cao Tông ở trên ngôi 35 năm, từng buồn bực không vui trải qua một thời gian dài. Lúc đó hậu cung do Hoàng hậu họ Võ (Võ Tắc Thiên) khống chế, Cao Tông lại mắc bệnh đau mắt nên đã dẫn tới 23 năm không thể phê duyệt văn thư, người nắm thực quyền là Hoàng hậu.

Một năm nọ Cao Tông đi Thái Sơn làm lễ tế trời đất, chỉ huy văn võ bá quan đi về phía Sơn Đông, trên đường nhân tiện đến thăm danh môn Trương Công Nghệ. Gia tộc của Trương Công Nghệ là chín đời cùng ở một chỗ, đó là một việc kỳ lạ, ở thời cổ là một vinh dự lớn, và đã được sự khen ngợi của Hoàng thất nhà Vua. Chín đời cùng sống chung và có thể sinh hoạt trong một bầu không khí hòa thuận là một điều kỳ diệu, khó giải thích nổi. Cao Tông có cảm giác phiền não trong lòng, muốn đi thăm hỏi một chút đại gia tộc này, cảm xúc và hiểu ra một số sự việc. Cao Tông rất khâm phục Trương Công Nghệ, muốn hỏi đạo trị nhà của ông ta có bí quyết gì không. Giống như Cao Tông trong hoàn cảnh bị những người dân bà trong hậu cung làm cho không lúc nào yên, nhất là trong tình hình bị Hoàng hậu độc nắm quyền lực.

Trương Công Nghệ không trả lời thẳng câu hỏi của Cao Tông. Ông ta lấy giấy mực ra, lặng lẽ viết một chữ "nhẫn", viết hết chữ này lại đến chữ khác, viết đầy tờ giấy, khoảng trên một trăm chữ, sau đó đưa trình Cao Tông. Cao Tông nhận tờ giấy này, có cảm giác hiểu ra rất nhiều điều, liền tặng nhiều lễ vật cho Trương Công Nghệ.

Sử ghi lại, Cao Tông suốt đời không có thành tựu gì lớn, còn kém xa người cha của ông là Đường Thái Tông. Nhưng ông lấy nhẫn nhịn cầu yên, lấy nhẫn nhịn đứng ngoài hiện thực, gác phiền não sang một bên, duy trì trái tim bình ổn để hưởng tuổi trời.

23.

Nhẫn nhịn nhưng đợi phát ra

Nhẫn nhịn có hai loại, một loại là nhẫn nhịn mà không phát ra, lấy nhẫn nhịn để cầu yên. Một loại nhẫn nhịn nhưng đợi phát ra, lấy nhẫn nhịn để cầu biến đổi.

Cùng là nhẫn nhịn, Vũ Linh Vương nước Triệu về mặt hình thức biểu hiện hoàn toàn trái ngược với Đường Cao Tông, Vũ Linh Vương nhẫn nhịn là để có lợi cho việc công.

Nước Triệu là một trong bảy nước hùng mạnh thời Chiến quốc, thời Vũ Linh Vương tại vị là từ năm 352 đến năm 299 trước Công nguyên. Nước Triệu khi đó dân giàu nước mạnh, lại vì vị trí nằm ở Trung Nguyên, thường bị cuốn vào dòng xoáy của chiến tranh, cho nên thi hành rộng rãi kế sách binh mạnh, nước giàu, lại càng cấp thiết hơn bất cứ nước nào khác.

Vũ Linh Vương trải qua nhiều năm chinh chiến, có cảm giác chiến thuật cưỡi ngựa đánh trận của dân tộc du mục miền Bắc đáng được bắt chước. Cách đánh lưu hành thời đó là dùng ngựa kéo chiến xa, sử dụng đội ngũ chỉnh tề đánh lẫn nhau. Ưu thế của nó là đội hình lớn, cả một thể thống nhất tấn công có sức mạnh lớn. Nhưng đội ngũ của chiến xa một khi bị rối loạn, không dễ chỉnh đốn lại như cũ, cũng không còn cách nào tiếp tục tác chiến. Cùng với việc cải tiến vũ khí và sự biến hóa của điều kiện chiến tranh, điểm yếu này càng ngày càng lộ rõ.

Vũ Linh Vương nhận thấy tính cơ động rất cao của việc cưỡi ngựa tác chiến, tự tán tự do, đội ngũ bị đánh vỡ cũng dễ dàng tập kết lại, nhất là tính thích ứng đối với những điều kiện chiến trường khác nhau của nó cao hơn nhiều so với chiến xa, liền suy nghĩ muốn cải biến chiến thuật tác chiến của quân đội nước mình. Vũ Linh Vương nước Triệu quả thực là một nhà cải cách. Lịch sử chiến tranh Trung Quốc bước vào giai đoạn quá độ từ chiến xa sang cưỡi ngựa tác chiến, bắt đầu từ Vũ Linh Vương. Cuộc cải cách này đã trải qua nhiều trắc trở.

Đầu tiên, y phục của người Trung Nguyên thời đó không thích hợp với việc cưỡi ngựa tác chiến. Muốn thích hợp thì phải đổi thành mặc y phục theo kiểu người Hồ. Phần dưới của y phục người Hồ gần giống như quần tây phổ biến hiện nay.

Bước tiếp theo, muốn mặc y phục người Hồ, tuyệt không phải việc đơn giản. Thay đổi kiểu quần áo, vào thời cổ đại Trung Quốc là một cuộc cải cách lớn.

Vũ Linh Vương dốc lòng vào việc tăng cường sức chiến đấu trong quân đội, quyết tâm áp dụng chiến thuật mặc quần áo người Hồ cưỡi ngựa tác chiến. Khi quyết định vấn đề này, ông đã dự tính có rất nhiều thế lực phản đối. Phần lớn đại thần trong triều không ủng hộ sự cải cách này, lý do chủ yếu là bảo thủ, không thể mặc quần áo người Hồ, không thể thay đổi văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Đối mặt với các thế lực phản đối, Vũ Linh Vương lựa chọn thái độ cực kỳ kiên quyết. Ông không lấy uy của người làm Vương, không lấy sự tôn nghiêm vương giả, cưỡng ép

thi hành rộng rãi. Từ sự phát triển của chiến tranh, tóm tắt nội dung chủ yếu của việc làm cho quân mạnh nước giàu, nhiều lần ông trình bày ý kiến của mình. Bằng sự nhẫn nại tối đa để thực hiện sự thay đổi chiến thuật.

Người khó đối phó nhất chính lại là người chú ruột của ông, mượn cớ có bệnh, không lên triều, không nghe lời khuyên của ông. Vũ Linh Vương biết ông ta bệnh ở chỗ nào, liền hàng ngày đều đến phòng ngủ của người chú thăm hỏi, mời thầy, tặng thuốc, hỏi han bệnh tật, tuyệt không nói về vấn đề chính. Ngày nào cũng như vậy, người chú rất cảm động, do đó hai người đều hiểu rõ đối phương đang làm cái gì.

Sự "nhẫn nại" của Vũ Linh Vương cuối cùng đã đạt được mục đích, đó là chữ "nhẫn" của một mục tiêu rõ ràng, vì cái lợi của việc công.

24.

Sự nhẫn nhịn của quan trường

Do nhiều áp lực rất lớn của quyền lực, những người theo đạo làm quan trong truyền thống Trung Quốc đều dè dặt xưng nhẫn nhịn. Không nhẫn nhịn không được, không nhẫn nhịn thì sẽ không có ngày nào được yên.

Triều Nguyên có một vị quan lại tên gọi Trương Dương Hạo, cả đời làm quan, là người chính trực, thanh liêm. Khi về già viết cuốn "Tam sự trung cáo", ngôn ngữ thẳng thắn, thành thực, thuật lại những điều tâm đắc cả đời chìm nổi trong chốn quan trường, khi đọc khiến mọi người thở vắn than dài. Trong đó có đoạn khiến người đọc rất xúc động, trích dịch như sau :

"Nhìn thấy nhân dân khổ sở biết bao, cũng muốn làm một số việc để cải thiện đời sống cho họ, cái gọi là cứu khổ cứu nạn, đó là tâm nguyện chung của những người quân tử. Nhưng tâm thì có thừa mà sức lại không đủ, mặc dù có tâm nguyện rộng rãi như vậy, nhưng sức không đủ hỏi còn có biện pháp gì ? Có năng lực mà không có địa vị lại có tác dụng ư ? Giả như có địa vị, nhưng không được nhà Vua coi trọng, bạn cũng không thể làm gì được ! Nếu như nhà Vua coi trọng bạn, nhưng những kẻ tiểu nhân bên mình nhà Vua dèm pha hãm hại bạn, cản trở bạn, bạn vẫn không thể làm gì được. Rất nhiều nỗi khổ tâm của người làm quan".

Trong việc đời làm quan của Trương Dưỡng Hạo, đã trải qua nhiều việc lực bất tòng tâm, cho nên mới có sự cảm khái như vậy. Quả thực có tài năng, nhưng không được quan trên biết tới, thì cũng không có cơ hội để phát huy tài năng của mình. Mặc dù làm quan ở triều đình, nếu như không có cách gì phát huy được hoài bão lớn thì cũng giống như không có chức tước gì.

Trương Dưỡng Hạo có lòng tế thế, mới có những lời cảm thán thương thâm như vậy, khi về già sắp mất, đã thuật lại hết những gì bình sinh bất đắc chí, để lại nhiều kết luận về tinh thần :

"Nếu như một lòng tận lực vì cấp trên, nhưng cấp trên tuyệt không muốn hiểu biết về bạn, các đồng僚 không có cảm tình và coi bạn như kẻ thù, thì chỉ còn cách nhẫn nhịn để cầu yên thôi, tội gì vất vả vô ích" !

Còn có một vị chỉ được làm Tế tướng 70 ngày tên gọi là Đỗ Diễn, người triều Tống, trong lời khuyên chân thành học trò của ông, cũng có nhiều kinh nghiệm khôn khéo.

"Làm quan ở triều đình, đầu tiên cần thanh liêm. Nhưng quan trọng nhất là phải thận trọng. Nếu không thận trọng, sẽ vấp phải rất nhiều loại quấy nhiễu khôn khéo. Con không thể vì muốn biểu hiện tài năng của mình, lộ hết những chỗ sắc sảo, các đồng僚 sẽ vì thế nảy sinh ghen ghét đối với con, trong lòng càng nuôi dưỡng ý nghĩ trả thù. Họ sẽ cho rằng con một lòng muốn leo cao hơn họ. Con cần phải có chuẩn bị, có thể chịu đựng sự hiểu nhầm của người khác, thậm chí bị mất thanh danh, không nên trông chờ vào cấp trên của con có thể quan sát được tất cả,

biết ai là người thật có tài năng ? Lòng tốt của con thường thường sẽ không được báo đáp, đó là vì con không thể vào hùa với kẻ khác. Theo kinh nghiệm của ta, phương pháp xử thế hay nhất, chính là chắc chắn, không nói mà làm, chỉ cần làm việc trung thực, đó mới là đạo lập thân tốt nhất".

Đoạn tổng kết này quá ư chua xót, ai lại có thể phủ nhận nó không xuyên qua được giới hạn của không gian và thời gian, ngày nay cũng sẽ không làm trái tim chúng ta cảm động ư ?

Thực ra Đỗ Diên khi làm Tế tướng đã từng có thành tích chính trị nổi bật. Dị tộc Tây Bắc xâm nhập, Đỗ Diên đã thực hiện khá nhiều thủ đoạn ngoại giao giải trừ nguy cơ này, có công với triều đình lúc đó. Nhưng cội rễ không sâu, thành tích chính trị đã đem đến cho ông hiệu quả trái ngược, một số quan to trong triều muốn chiếm được chức vị Tế tướng của ông, đã từ trong phá ra, tìm điểm yếu của ông trắng trợn công kích, dẫn đến Đỗ Diên làm Tế tướng chỉ được 70 ngày ngắn ngủi đã bị bãi chức. Cho nên lời khuyên chân thành chua xót ở đoạn trên tuyệt không phải không có nguyên nhân, quả thực là sự tổng kết những kinh nghiệm chua xót.

Về sau, một vị văn bối của ông được triều đình bổ nhiệm làm quan huyện, trước khi đi nhận chức có đến nhà Đỗ Diên xin chỉ vẽ. Giữa hai thầy trò lại có một đoạn đối thoại độc đáo :

- Trong triều có thể nói là tôn trọng con, mới cử con đảm nhận chức quan huyện. Nguyên nhân chủ yếu của nó là, bằng vào tài năng của con không chỉ dừng lại ở chức

quan huyện đầu, mà còn vượt qua cấp bậc đó hàng chục lần. Mặc dù như vậy, khi mới nhận chức con nên che dấu tài cán, không thể nóng lòng cầu có công. Muốn làm gấp cái lợi trước mắt, nhất định sẽ đem tới cho con rất nhiều phiền toái, những người chung quanh con nếu như đoàn kết lại phản đối con, đó là điều đáng sợ nhất. Cho nên việc cơ bản đầu tiên mà con cần phải nắm được là sự quan hệ khéo léo với các đồng僚, nếu không thì tất vô hình sẽ rước họa, hối hận thì đã muộn đó !

Học trò của ông nói ngược lại :

- Tiên sinh bình sinh không thỏa hiệp với người khác, cũng không cố giữ chức vị Tế tướng, hôm nay chỉ dạy học trò như vậy, là vì cái gì ?

Đỗ Diễn nói :

- Ta đã già rồi, cả đời làm quan trong triều, những việc tốt đẹp và kinh nghiệm không thể tính hết. Ta bắt đầu làm việc từ một chức quan rất nhỏ, dần dần được Hoàng thượng và triều đình biết tới mới có được địa vị ngày nay, là từng bước từng bước xây dựng nên. Cơ bản là do cảm xúc của mình sau nhiều năm chìm nổi trong chốn quan trường mới nói được một số lời ở trên.

"Con hiện nay mới chỉ là một quan huyện mà thôi, sự thăng tiến từ nay về sau cần phải xem ấn tượng của cấp trên đối với con mà tính. Nếu như tài cán của con luôn luôn vượt qua cấp trên, điều này rất nguy hiểm đối với địa vị của các trưởng quan ở các châu, lúc đó họ không những sẽ không hiểu con, trái lại còn có thành kiến với con, con

sẽ lúc nào cũng có thể rước họa vào người mà không biết, còn có thể phát huy thế nào chỉ khi cứu đời của con ? Ta hôm nay nhắc nhở con để tâm hòa hợp với những người chung quanh, thích ứng hoàn cảnh, tạm thời nhẫn nại, quả thực là vì những hành động lớn sau này của con thôi.

Những lời khuyên thành thực hàm súc này, quả thực khó có thể đáng quý, nhưng dụng tâm vất vả của nó khiến người học trò của ông cảm động, hồi lâu không nói được nên lời.

Lại nói xa tới Khổng Tử, mặc dù suốt đời cầu làm quan mà không được đắc chí, khi xử lý quan hệ giữa người với người lại không mang phong cách thư sinh một chút nào, rất ư đời thường. Ông chỉ dạy học trò của ông như sau :

"Khi nói chuyện với cấp trên, cần phải nhớ kỹ ba điểm dưới đây : không thể vội vàng, không thể che giấu, không thể mù quáng. Vội vàng, chính là khi cấp trên còn chưa nói hết, anh liền cướp lời. Che giấu chính là khi cấp trên hỏi, anh không nói thật chân tướng mà lại ấp a ấp úng. Mù quáng chính là trước khi một sự tình còn chưa được làm sáng tỏ, tùy tiện nói không ngừng".

Vật đổi sao dời, những lời nói ở trên ngày nay đọc lại có lẽ không phải ai cũng công nhận. Bạn phải có hoàn cảnh tương đồng mới có thể có sự thông hiểu nỗi niềm với người xưa.

Đối với những lời nói của những bậc hiền tài trước đây, phần lớn đều cần phải hiểu là không có chỗ xấu, tránh khi đi vào vết xe đổ lại phát ra những lời cảm khái giống như xưa.

25.

Dũng khí của việc tự tiến cử

Nhiều người rất tài hoa, chỉ vì thiếu dũng khí trong việc tự tiến cử, nên mặc dù đầy bụng kinh luân, cuối cùng suốt cả cuộc đời, vẫn lạng lã không một ai biết tới. Đáng buồn, đáng than !

"Mao Toại tự tiến cử", là một thành ngữ thời cổ ở Trung Quốc mà mọi người đều quen thuộc. Nguồn gốc của từ "Tự tiến cử", cũng là một câu chuyện có tính gợi mở đối với người đời sau.

Bình Nguyên Quân nước Triệu, cùng với Tín Lăng Quân nước Hàn, Mạnh Thường Quân nước Tề, Xuân Thân Quân nước Sở được gọi là "Bốn công tử thời Chiến quốc".

Đều là thế gia vọng tộc, dưới tay thực khách ba ngàn người, ráng hết sức xả thân vì danh vọng của chủ nhân.

Bình Nguyên Quân ở nước Triệu đảm nhiệm chức vụ Tế tướng hai đời Vua, ông đã từng phò tá Huệ Văn Vương, Hiếu Thành Vương.

Năm 260 trước Công nguyên, phát sinh một chiến dịch lớn nhất thời Chiến quốc - "Trận chiến Trường Bình". Chiến dịch này hai bên đã ném vào khoảng trên 100 vạn quân, kết quả là nước Triệu bị thua, nguyên khí bị tổn thương rất lớn. Sang năm sau, nước Tần thừa thế bao vây

thủ đô Hàm Đan nước Triệu, Triệu đang đứng trước nạn diệt vong.

Hiếu Thành Vương nước Triệu triệu gấp chú của mình cũng chính là Tể tướng Bình Nguyên Quân, xin ông đi gấp sang nước Sở, thỉnh cầu quân cứu viện. Bình Nguyên Quân tiếp nhận nhiệm vụ đó, quả thực lệnh Vua không thể không tuân, đâu phải là việc mình thích. Cứu binh không đến, nước mất nhà tan, là tội rất lớn. Huống chi "Trận chiến Trường Bình" lại vừa phát sinh không lâu, ông làm chức Tể tướng cũng có trách nhiệm rất lớn. Hơn nữa lần này xuất sứ, có những đại thần vẫn giữ thái độ hoài nghi đối với năng lực của ông. Bình Nguyên Quân lúc này bị một sức ép tâm lý khá lớn.

Sau khi về nhà, ông lập tức bắt tay vào việc chuẩn bị xuất phát. Ông quyết định từ trong đám thực khách môn hạ chọn lọc lấy 20 người văn võ song toàn để làm tùy tùng. Khi chọn được 19 người, Bình Nguyên Quân có hơi do dự, không biết chọn người cuối cùng là ai.

Lúc đó, từ trong đám thực khách có một người tên gọi Mao Toại, tự tiến cử mình trước Tể tướng, tình nguyện đi theo.

Bình Nguyên Quân nhìn kỹ một chút, cảm giác không có ấn tượng gì. Người này diện mạo bình thường, không tỏ ra là một nhân tài kiệt xuất gì. Nếu như có bản lĩnh, tất phải nghe qua tên tuổi của ông ta. Trong lòng đã có ý nghi từ chối ông này.

Lúc đó trông hai người hết sức buồn cười, một người cau mày không vui, một người ưỡn ngực, ngẩng đầu hết sức tự tin.

– Ông đến đây, được mấy năm rồi ?

– Đã được ba năm.

– Người có năng lực thì giống như cái dùi, khi để cái dùi trong túi, mũi dùi sẽ phải thò ra ngoài túi. Ông làm môn hạ của ta đã được ba năm, đến tên tuổi của ông ta cũng không nhớ. Ta làm sao có thể tin tưởng vào năng lực của ông được nhỉ ? Xin ở lại thôi.

Mao Toại vẫn không chịu lui nói tiếp :

– Ngài vừa nói là cái dùi đã ở trong túi. Nhưng ngài lại không để cái dùi vào trong túi. Nếu như ngài để cái dùi vào trong túi, biết đâu được mũi nhọn của nó không chỉ xuyên thủng túi thôi mà còn có thể làm người bị thương nữa.

Lần biện bác này của Mao Toại, nói ra rất nhanh, rất mới mẻ, Bình Nguyên Quân quyết tâm thử một lần, chọn ông ta làm người tùy tùng thứ 20.

Một đoạn câu chuyện "Mao Toại tự tiến cử" ở trên, được ghi chép tường tận trong cuốn "Sử ký – Bình Nguyên Quân liệt truyện", tự mình tiến cử bản thân, từ đây bắt đầu được sách vở ghi chép.

Các thuyết khách thời cổ phải trả giá cao hơn những người bình thường khác, họ là những thị dân ở tầng lớp thấp, sống nhờ vào những nhà quyền quý, trong đó không thiếu những kẻ sĩ có học vấn cao, nhưng bất kể tài hoa xuất chúng như thế nào, vẫn cần được chủ nhân biết, cần phải có cơ hội để thể hiện, mới có thể vượt trội hơn người. Nếu không thì tài cán sẽ không đáng giá một xu, phần lớn những người thuyết khách sẽ suốt đời sống trong cảnh lang

bạt không có chỗ cố định. Chính vì vậy, họ thường làm việc rất chịu khó, vì để biểu hiện bản thân mà phấn đấu quên mình, thà rằng quên mình vì nghĩa, nhưng cũng không muốn lãng lẽ không ai biết tới. Những người trong tầng lớp xã hội này, rất chú trọng tìm kiếm cơ hội, như Mao Toại là điển hình, tạo thành một niềm tin vững chắc về việc tự tiến cử. Không có điểm này, tất cả đều không có gì để nói.

Câu chuyện về sau của Mao Toại tóm lược như sau : Mao Toại theo Bình Nguyên Quân đi sứ sang nước Sở, giữ hết tài nghệ bình sinh, múa mép quét ngang ngàn quân, trọn vẹn hoàn thành nhiệm vụ, khiến Bình Nguyên Quân từ đó rất khâm phục, trọng đãi ông với địa vị cao nhất trong hàng thực khách.

Tự khẳng định niềm tin của mình, là cơ sở của việc tự tiến cử.

26.

Tài ăn nói của việc tự tiến cử

Tài ăn nói giỏi, giống như mặc một chiếc áo đẹp, càng làm tăng thêm sức hấp dẫn trong việc tự tiến cử của bạn.

Xuân Thân Quân là một trong "Bốn vị công tử thời Chiến quốc", thủ hạ có một vị thực khách tên gọi Hân Minh. Hân Minh cũng tự tiến cử mình nhưng theo một cách khác với Mao Toại. Một hôm, Hân Minh nói với Xuân Thân Quân :

- Câu chuyện về ngựa ký (ngựa chạy ngày được nghìn dặm) nhất định ngài đã nghe qua. Đó là một con ngựa già, nó kéo một chiếc xe ngựa chở đầy muối, bò lên núi Thái Hành, móng chân đã mềm, đầu gối cũng run, đuôi rũ xuống, mồ hôi chảy mình, trên đường bò lên dốc đang đứng chờ chết. Có một bậc thầy nổi tiếng về xem tướng ngựa là Bá Nhạc, đúng lúc đó đi qua nơi ấy. Bá Nhạc nhảy xuống xe xem kỹ con ngựa này, không ngăn được sự xúc động đến rơi nước mắt, cởi quần áo đang mặc trên người phủ lên mình ngựa. Lúc đó, con ngựa đã sắp chết, đột nhiên ngẩng đầu hướng lên trời hý dài một tiếng, thanh âm của nó cực kỳ thương thảm, khiến mọi người lòng đau như cắt. Những người đứng bên cạnh nghe, chỉ có Bá Nhạc có thể hiểu được ý nghĩa của tiếng kêu đau xót đó, tôi tin tưởng chính con ngựa cũng nghĩ như vậy.

"Tình hình của tôi lại là như thế nào ? Khi ở nước Lương, suốt ngày vất vả, quanh năm sống trong ngôi nhà

cô hoang, gặp những việc buồn khổ khó có thể hình dung nổi. Hiện nay được sự quan tâm chiếu cố của Xuân Thân Quân ngài, có thể cho tôi một cơ hội để thi thố không" ?

Đó là sự tự tiến cử tương đối có sức thuyết phục. Cái gọi là "Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ", thời Chiến quốc thường có những thí dụ tiêu biểu về việc lấy cái chết để báo ơn tri ngộ, Hân Minh sử dụng một ví dụ khéo léo để bày tỏ tâm tình đó, cũng ngầm chứa sự cảm xúc mà than thở vì bản thân vẫn chưa được trọng dụng.

Phương pháp tự tiến cử này khác với Mao Toại, là một thuật tự tiến cử rất cao siêu, nhất cử lưỡng tiện. Ông ta không hài lòng vì bản thân không được chủ nhân hiểu và trọng dụng, nhưng chỉ dùng một câu "Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ" để trình bày. Động cơ của ông ta cũng giống như Mao Toại, nhưng lời nói xác thực, nhẹ nhàng, dễ đánh vào lòng người, khiến người nghe cảm động. Phân tích kỹ những lời nói của ông ta trong cuộc nói chuyện này, ý lộ ra là muốn làm việc hữu hiệu cho chủ, ý ngầm là muốn tự tiến cử mình, lời nói thành khẩn thiết tha, không kiêu ngạo, rất dễ được người khác tiếp thu.

Đó hoàn toàn là một thuật tự tiến cử cao siêu.

27.

Phong cách của việc tự tiến cử

Tự tiến cử nhìn theo một góc độ nào đó thì nó giống như là một sự biểu diễn. Kỹ thuật biểu diễn tuyệt vời, thường thường có thể đem lại sự thành công ngoài ý muốn.

Giống như Mao Toại, Hàn Minh trước mặt cấp trên tự tiến cử mình, không phải mọi người đều có cơ hội đó. Có thể trực tiếp tự tiến cử nhưng bản thân phải có vận may.

Thời cổ đại Trung Quốc còn thịnh hành phương thức dâng thư tự tiến cử. Vì có nhiều người dâng thư, khi đó lại chưa phát minh ra giấy, một bức thư tự tiến cử dùng thẻ tre để viết chữ vào, nặng có thể chõ đẩy một xe, có thể khiến nhà Vua không đủ kiên nhẫn đọc hết.

Loại tự tiến cử này tất nhiên đầu tiên cũng là xem nội dung, bài viết phải có nhiều luận điểm độc đáo. Nhưng về hình thức cũng rất quan trọng, thư tự tiến cử cần phải có phong cách cao siêu hơn người khác, mới có thể nắm được trái tim của người đọc thư. Nếu để sơ xuất ở điểm này, cũng có thể mất đi cơ hội.

Có một người rất thông minh tên gọi Đồng Phương Sóc. Ông ta bằng một sự suy nghĩ rất độc đáo đã bẻ gãy quần hùng, dẫn tới sự chú ý của Hán Vũ Đế.

Thời kỳ Hán Vũ Đế, bản đồ Trung Quốc đã hết sức lớn, chính thông nhân hòa, bốn bể yên bình, dân giàu, nước

mạnh. Hán Vũ Đế là người có chí khí, khi nước nhà giàu mạnh, cũng không quên thu nạp rộng rãi kẻ sĩ bốn phương, từng xuống chiếu trưng cầu "Cao nhân ngoài đời". Do đó có khá nhiều ẩn sĩ tới tấp dùng mọi cách để tự tiến cử mình. "Hán thư" ghi chép :

"Kẻ sĩ bốn phương, rất nhiều người dâng thư, trong khi nói chuyện, phần lớn đều tự tiến cử, có tới hàng ngàn người".

Nội dung của việc tự tiến cử, khó tránh khỏi những lý luận về trị thế, hoặc là "hoài bão lớn tự tiến cử giúp đời". Do đó có thể thấy, sự cạnh tranh cũng hết sức kịch liệt.

Lúc đó Đông Phương Sóc còn tương đối trẻ, cũng đứng trong hàng ngũ tự tiến cử đó, nhưng về phương thức tự tiến cử có điểm thông minh độc đáo hơn người khác.

Đông Phương Sóc lên bộ phận công xa đề xuất dâng thư, xin chuyển cho Hoàng thượng. Số lượng thẻ tre mà anh dâng thư có tới trên 3000 chiếc. Bộ phận công xa phải đưa hai người đến vận chuyển. Anh dâng thư nhiều thẻ tre như vậy, về mặt hình thức có điểm khác người. Phong cách này quả nhiên dẫn đến sự hiếu kỳ của Vũ Đế. Do lòng hiếu kỳ, Vũ Đế để ý xem thư dâng của anh ta, kết quả thời gian xem không liên tục, phải đến hai tháng mới xem hết. Muốn một bậc Đế vương chí tôn của một nước, sử dụng một khoảng thời gian dài đến như vậy để xem thư dâng của một kẻ thư sinh, tất nhiên không đơn giản vì số lượng thẻ tre quá lớn, mà là vì phương pháp diễn đạt thú vị dễ đọc, khiến Hán Vũ Đế say mê. Nếu như chỉ nhìn về mặt số lượng, đọc sơ qua cũng không đến vài ngày. Tất nhiên

chiếm được thời gian mấy ngày của Hoàng đế cũng không dễ dàng, tin tưởng rằng thư dâng của biết bao nhiêu người, sợ rằng Hoàng đế cũng chưa có xem qua. Có thể thấy được có khá nhiều người đầy bụng kinh luân mà bị bỏ không dùng, thật là đáng tiếc ! Vũ Đế xem trong thời gian dài như vậy, là vì cảm thấy thư tự tiện cử này rất thú vị, liền một mạch xem xong thật tiếc, gặp những chỗ khiến ông ta bật cười, còn thường dùng bút đánh ký hiệu lại. Vũ Đế từ từ thưởng thức, bản thân Hoàng đế đã biểu thị vận khí tốt của Đông Phương Sóc đã tới.

Vậy nội dung trong thư là gì ? Trong "Hán thư" ghi chép : "Thần Sóc khi còn rất nhỏ đã không có cha mẹ, phải nhờ vào anh trai và chị dâu nuôi dưỡng lớn khôn, đến lúc 12 tuổi đã đọc sách được 3 năm, tri thức văn sử đã đủ. 15 tuổi học đánh kiếm, 16 tuổi học thi thư, có thể đọc thuộc lòng 22 vạn chữ. 19 tuổi học thông binh pháp Tôn, Ngô, lại có thể đọc thuộc lòng 22 vạn chữ. Thần Sóc năm nay 22 tuổi, thân cao 9 thước 2 tấc, hai mắt như ngọc treo, răng trắng như vỏ sò xếp thành, dững mãnh như Mạnh Bôn, nhanh nhẹn như Khánh Kỵ, liêm khiết như Bao Thúc, tín nghĩa như Vĩ Sinh, tư thế xem ra quả có tư cách của Thiên tử".

Đoạn nói bốc đồng này, quả là hết cỡ chọc tới cả Đại vương. Nhất là câu cuối cùng "Quả có tư cách của Thiên tử", Hán Vũ Đế xem đến đây, bất giác bật cười thành tiếng. Quân vương trong thời thái bình thịnh vượng thường có sự độ lượng rộng rãi. Nếu như gặp thời loạn, Quân vương trong lòng không vui, chỉ một lời nói đó thôi,

đủ có thể gặp họa chết người. Vũ Đế cũng hiểu rõ kẻ thư sinh trẻ này chẳng qua chỉ là tự trào phúng mình mà thôi. Vũ Đế sử dụng thời gian hai tháng đọc hết thư dâng đó, đánh giá cơ bản là "Người này rất dí dỏm". Thế là có cơ hội triệu kiến, thế là có cơ hội thăng quan !

Phương thức tự tiến cử độc đáo của Đông Phương Sóc cuối cùng đã thành công.

Về sau, ông thường được đi theo hầu bên mình Vũ Đế, thường dùng những lời nói hài hước dí dỏm khiến Vũ Đế vui thích. Sử ghi chép, ông chẳng qua chỉ là một kẻ hầu gây cười bên cạnh nhà Vua, nhưng cũng có một số tác phẩm văn học lưu lại đời sau và không được đánh giá nhiều.

28.

Đảm lược của việc tự tiến cử

*Bằng lòng tin và thực lực của bản thân,
nhằm chuẩn xác cơ hội trong việc tự tiến
cử, gan dạ thực hiện.*

Trước Đông Phương Sóc hơn 120 năm là cuối thời Chiến quốc, Tần Chiêu Vương thi hành rộng rãi chính sách ngoại giao "Viễn giao cận công" (Giao thiệp với nước ở xa, tấn công nước ở gần – ND), đã tỏ rõ được ưu thế, đặt nền móng vững chắc cho việc Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước.

Lúc đó, nắm quyền chủ động thao túng nền chính trị nước Tần là một vị nhân sĩ tự tiến cử thành công – Phạm Tuy.

Phạm Tuy đầu tiên nương nhờ Ngụy Vương, ở đó làm một vị thực khách trong một thời gian tương đối dài, không những không đắc chí, trái lại còn bị nhận làm là gián điệp mà phải đuổi đi. Sau lại nhiều lần bị người khác làm nhục, đành phải ẩn cư một thời gian. Vừa may lúc đó có Vương Kê, trong khi vô ý phát hiện được Phạm Tuy, và mời ông ta đến nước Tần thử một lần.

Nước Tần lúc đó do Nhượng Hầu nắm quyền, ông ta có thái độ không dung nạp những kẻ sĩ du thuyết từ nơi khác đến. Ấn tượng của Nhượng Hầu là những người này chỉ làm loạn nước, không có tác dụng đối với Tần. Cần phải nói là vận khí của Phạm Tuy không may.

Mặc dù mấy lần được Vương Kê tiến cử, Chiêu Vương từ đầu đến cuối không có ý triệu kiến ông ta. Phạm Tuy phải chờ đợi ở một nhà trọ hạng bét trong một năm, trong lòng rất buồn phiền. Ông ta biết rõ giữa mình và Tần Vương có một bức tường chần vô hình, ông ta cũng biết bức tường đó là cái gì. Nhưng làm thế nào để đánh đổ nó ? Phạm Tuy đã phải suy nghĩ rất nhiều.

Sau một thời gian dài suy nghĩ, Phạm Tuy quyết định dâng thư lên Tần Vương. Trong thư không giống phần lớn những người trước đây ba hoa khoe mẽ, trổ hết tài hoa, ông ta biết rằng đó chỉ là biện pháp của kẻ bình thường, do đó rất khó làm cảm động trái tim của Tần Vương, cũng chính là phá không được bức "tường" ấy.

Trong thư dâng của ông, nhiều lần biểu thị ngầm : "Nếu như Đại vương chịu nghe ý kiến của tôi, tôi có biện pháp giải sự ưu phiền vì Đại vương". Bức thư dâng này đã được kiểm chứng trong cuốn "Sử ký - Phạm Tuy, Thái Trạch liệt truyện", không có phong cách đặt biệt, không đề xuất kế sách hay, chỉ là dùng phương pháp biểu thị ngầm để gây nên sự chú ý của Tần Vương.

Tất nhiên, Tần Vương cũng có nỗi khổ, lực bất tòng tâm của mình.

Lúc đó Tần Chiêu Vương 25 tuổi. Chính đang sung sức, nhưng thực quyền lại không ở trong tay, mà rơi vào tay của mẹ là Tuyên Hậu và người chú là Nhượng Hầu. Người chú ngồi cao trên ghế Tế tướng ra lệnh, không coi Chiêu Vương vào đâu, sự bá đạo và chuyên quyền của Nhượng Hầu khiến Chiêu Vương đau lòng.

Phạm Tuy có sự tìm kiếm kỹ hiện thực chính trị này, mới nhiều lần có những câu biểu thị ngầm đã nói ở trên. Chiêu Vương tất nhiên không thể không hiểu, vừa xem đã đồng ý gặp mặt người này, khảo sát trước mặt một lần rồi sẽ tính.

Mục đích bước thứ nhất của Phạm Tuy đã đạt được. Ông ta cuối cùng đã đẩy đổ được bức tường này.

Ngày yết kiến đã đến, Chiêu Vương muốn Phạm Tuy đợi ở ngoài cung. Sau khi suy tính kỹ, Phạm Tuy quyết định quả đoán dứt khoát, dõ dạc, cố ý lạc đường vào thẳng vườn nội uyển trong thâm cung.

Hoạn Quan thấy tình hình đó, vội vàng ngăn lại :
"Không được đi tiếp, Đại vương đã ra".

Phạm Tuy giả bộ hết hoảng, ngoài miệng trái lại cười lớn, đáp : "Tần làm gì có Quốc vương, chỉ có Nhương Hầu và Thái hậu mà thôi" !

Chiêu Vương ở đằng xa nghe thấy câu nói này, nổi đau ngầm bị chạm phải. Trong lòng nghĩ người này gan lớn, dám nói lời khi quân, không muốn sống nữa chắc ? Phạm Tuy trải qua một năm chờ đợi, cũng tính chính xác chỉ còn có cơ hội ngày hôm nay, bằng bất cứ giá nào cũng phải nắm lấy nó, nên có ý nói lời vô lễ như vậy để dẫn tới sự chú ý của Chiêu Vương.

Chiêu Vương xoay chuyển ý nghĩ, người này có chuẩn bị mà đến, chưa chắc là người khinh bạc, nghe ông ta nói xem thế nào. Thế là vẫn vui vẻ triệu kiến ông ta :

- Vốn đã muốn quen biết tiên sinh sớm hơn một chút, để nghe những lời cao kiến của tiên sinh. Chỉ vì gần đây

việc nước ngập đầu, cho đến hôm nay ta mới có thời gian nghe tiên sinh chỉ giáo. Ta là một người ngu muội, tiên sinh không nên khách sáo, có lời cứ việc nói hết, đừng e ngại gì.

Mục đích bước thứ hai của Phạm Tuy cũng đã đạt được.

Đến đây, chúng ta đã thấy từ lúc dẫn tới sự chú ý của Chiêu Vương, đến việc khích Chiêu Vương mà vẫn có thể khiến ông ta cho mình nói tiếp, mỗi bước đi đều phải suy nghĩ rất nhiều. Quả thật, không ngoài sự thông minh và đảm lược.

29.

Im lặng là vàng

Im lặng là một loại kỹ xảo và tri tuệ. Nó thể hiện sự thâm trầm, chặt chẽ, tâm tư... Ý vị vô cùng, lúc này vô thanh thắng hữu thanh.

Phạm Tuy không phải là một thuyết khách bình thường, ông ta hiểu rõ gây được sự chú ý của Tần Vương và để mình nói tiếp, chỉ là mới bắt đầu. Điều quyết định thắng bại trong chuyến đi này, là lúc bước vào nội dung của vấn đề.

"Tiên sinh có cao kiến gì không ?".

Chiêu Vương lại một lần nữa thúc giục.

Phạm Tuy chỉ nói : "Dạ, dạ".

Kiểu biểu hiện như vậy của Phạm Tuy, những người đứng ở hai bên đều rất căng thẳng. Chiêu Vương thấy tình trạng đó biết Phạm Tuy nhất định có lời đặc biệt muốn nói riêng với mình, liền bảo tả hữu lui ra.

Lại một lần nữa hỏi : "Tiên sinh có gì chỉ giáo ?".

Phạm Tuy vẫn chỉ một điều : "Dạ, dạ", không nói tiếp.

Chiêu Vương có điểm bốn chôn, lần thứ ba hỏi, đôi phương vẫn chỉ "Dạ dạ", sự việc này trong cuốn "Sử ký" đã có sự ghi chép rõ ràng. Sự im lặng này, liên tục ba lần. Tục ngữ Trung Quốc nói "Hùng biện là bạc, im lặng là vàng". Sự im lặng lúc này của Phạm Tuy, rõ ràng có sự so sánh với lời nói khích lúc trước "Tán làm gì có Vương". Tất nhiên loại chiến

thuật im lặng để kích thích người khác này, cần phải được sử dụng đúng lúc và cẩn thận, nếu không thì dễ làm khéo thành vụng.

Phạm Tuy có sự xếp đặt điềm tĩnh, chặt chẽ, có sự thể hiện gần như phóng túng lúc trước, cộng thêm sự im lặng lúc này, Tần Chiêu Vương đã tin tưởng ông này không phải là hạng tầm thường, tin tưởng rằng sau khi ông ta suy nghĩ kỹ tất có những lời nói hay.

Nhưng sự cao minh của Phạm Tuy là ở chỗ trong câu chuyện tiếp sau đó, từ đầu đến cuối lại không có những lời nói làm người ta kinh ngạc.

Sau khi im lặng hồi lâu, cuối cùng Phạm Tuy đã phá vỡ sự chờ đợi, và bằng tài hoa của mình khiến câu chuyện dần dần bước vào giai đoạn hết sức hợp tình hợp lý với Chiêu Vương. Nhưng nội dung của nó vẫn chỉ là ngoại giao và chiến tranh. Về chính trị trong nước, chỉ nói ngầm một, hai câu, không thảo luận kỹ, tỏ ra hết sức thâm trầm.

Chiêu Vương bằng trực giác cảm thấy người này tất có thể làm được việc lớn, cũng không gạn hỏi quá nhiều, thế là mời ông ta làm cố vấn tối cao bộ phận quân sự, sớm tối thỉnh giáo.

Sau đó năm năm, Phạm Tuy giúp đỡ Chiêu Vương bằng hành động thực tiễn, thực hiện những lời ám thị ngầm trong thư dâng, đuổi Nhương Hầu, đoạt lại đại quyền. Tất nhiên Phạm Tuy lúc đó đã trở thành người tâm phúc của Chiêu Vương, nhưng hai người từ khi gặp mặt đến lúc đó, sự thỏa thuận ngầm bí mật đã được giấu kín trong suốt năm năm. Đều là những người có mưu kế trong lòng. Phạm Tuy được nắm chức vị Tế tướng nước Tần.

30.

Niềm tin trong bước đường cùng

Muốn trở thành người có tài cao, cần phải có nghị lực và niềm tin mạnh mẽ. Chính như Tôn Trung Sơn tiên sinh từng nói : chỉ hướng của tôi, hăng hái tiến lên phía trước. Không có gì lay chuyển được, càng gặp trở ngại càng thêm hăng hái.

Những ví dụ nói ở trên đều là của những người thành công. Thật ra, trên con đường tự tiến cử thành công, không biết có bao nhiêu trắc trở đã rèn luyện họ. Lấy hai vị thuyết khách lớn nổi tiếng thời Chiến quốc, tức là hai nhân vật đại biểu của chính sách "Hợp tung, liên hoành" là Tô Tần và Trương Nghi, trước khi thành đạt đều có trải qua một giai đoạn lang bạt vất vả chua cay. Các kẻ sĩ du thuyết thời đó đều là như vậy. Hơn nửa cuộc đời của phần lớn trong số họ đều là những kẻ lang bạt, một khi gặp được cơ hội thì chỉ bằng ba tác lưởi có thể thực hiện được thủ đoạn tự tiến cử, trở thành một nhân vật lớn, thậm chí có thể thay đổi lịch sử.

Tô Tần và Trương Nghi đều từng đi khắp nơi tự tiến cử thất bại, giống như một hạt giống không nảy mầm được, cuộc sống hết sức khó khăn. Trong hoàn cảnh gian nan, phẩm chất chung của hai người cũng là điểm đáng quý, nhất là niềm tin vững chắc. Họ đều tin tưởng sâu sắc rằng mình là người có tài, để có thể sử dụng được, có thể thành

đạt được còn do nhiều nhân tố tạo thành. Họ đồng thời điểm tĩnh tự mình suy nghĩ lại, khắc khổ rèn luyện, tin tưởng sâu sắc rằng thời cơ tung hoành trên vũ đài chính trị các nước lớn nhất định sẽ đến. Đầu tiên, thử nhìn một chút giai đoạn mà Tô Tần đã trải qua.

Tô Tần trước khi đến các nước, đã học qua thuật du thuyết của Quỷ Cốc Tử, đến các nước du thuyết mấy năm không được thành công, không được như ý và trở về quê cũ.

Tô Tần chán nản trở về, cảnh ngộ cùng khốn, toàn thân lam lũ, sắc mặt tiêu tụy, bị người nhà chê cười. Những người bình thường đều yên phận với vận mệnh của mình, tuy không trở thành người tài giỏi gì, nhưng có thể dựa vào việc canh tác vất vả của bản thân để duy trì cuộc sống, làm ăn nuôi dưỡng người trong gia đình. Còn ông thường không chịu yên phận, đi khắp nơi khua môi múa miệng làm thuyết khách, trông vô cùng thảm hại.

Tô Tần bị người nhà làm nhục, trong lòng tất nhiên rất khó chịu. Ông ta cũng biết rõ những kẻ sĩ du thuyết là cuộc sống không có gì bảo đảm. Thiên hạ có biết bao người làm thuyết khách, mỗi người đều hy vọng được lên ngôi vị Đại thần hoặc Tể tướng nhưng những người thành công rất ít. Phần lớn khi còn trẻ họ đều có những mộng tưởng tốt đẹp, khi về già trở thành tay trắng, suốt đời sống trong cảnh chán nản.

Tô Tần với những điều đó có lẽ cũng có sự thông hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn so với người khác. Nhưng bản thân mình quả thật vô dụng ư? Ông ta đã trải qua sự dằn vặt,

nghe ngẫm bản thân. Suốt ngày giấu mình trong phòng, đau khổ suy nghĩ và nghiền ngẫm đọc những sách cất giữ trong nhà. Khi đọc "Âm phù sách" trong "Chu thư", ông ta đã tìm ra được sự gợi mở khá sâu sắc, trải qua chuyên tâm nghiên cứu hơn một năm, phát minh được một bộ kiến thức của bản thân mình : "Thuật suy đoán".

Xét đến cùng nội dung của "Thuật suy đoán" là cái gì, sách cổ không có ghi chép tường tận, dùng ngôn ngữ hiện đại để biểu đạt, có thể là một loại "Tâm lý học". Dùng phương pháp nghiên cứu của tâm lý học, suy đoán ý nghĩ của Quân vương, đối với từng bệnh mà bốc thuốc, để đạt được mục đích của mình, để được sự thăng đạt sau này. Đó là ý chủ yếu của Tô Tần.

Sử ghi chép, những ngày khắc khổ nghiền ngẫm đọc sách trong giai đoạn ở quê, là bước chuyển hướng để đi tới thành đạt của ông sau này. Kiến thức mà ông ta nghiên cứu và để suy nghĩ lại chính mình, điều kiện đầu tiên chính là phải có niềm tin vững chắc. Điều này với câu danh ngôn của Mạnh Tử "Trời sẽ giáng trách nhiệm lớn vào người này", có chỗ lại phù hợp. Còn Trương Nghi, càng tuyệt hơn.

Ông ta cũng giống như Tô Tần trước khi đi du thuyết cũng đều là học trò của Quỷ Cốc Tử và đã ở đó học được toàn bộ bản lĩnh của thuật du thuyết. Về sau trải qua mấy lần trắc trở, mới miễn cưỡng được đứng trong hàng ngũ thực khách của Tế tướng nước Sở, tạm coi là có chỗ ăn chỗ ở.

Thế nhưng số mệnh vẫn lại cứ trêu chọc ông ta. Có lần một miếng ngọc bích của Tế tướng bị mất trộm, viên Tế

tướng thô bạo chỉ nghĩ ngờ Trương Nghi, liền khiến ông ta chịu khá nhiều sự sỉ nhục.

Trương Nghi trở về quê cũ ở nước Ngụy, vợ ông ta thấy liền trách móc : "Không nên lại nghiên cứu thuật du thuyết gì nữa, xem xem kết cục của ông ngày nay, thôi đi có tốt hơn không" ?

Trương Nghi nghe xong không trả lời thẳng, há miệng cho vợ xem : "Nhìn thử xem lưỡi của ta còn không" ?

"Vẫn còn" !

"Thế thì được rồi".

Trương Nghi vỗ vỗ vào ngực, biểu thị lưỡi còn thì vẫn có thể cố gắng.

Tô Tần nói ở đoạn trên, trong khi không được như ý, nghiên ngẫm nghiên cứu "Thuật suy đoán", bồi dưỡng bản lĩnh nhìn xuyên tâm của người khác. Trương Nghi ở đoạn sau đơn giản là hơi khoa trương, lưỡi còn thì sẽ còn vốn, có thể lại làm tiếp. Về sau họ đều tự tiến cử thành công, thay đổi lịch sử theo dạng này hay dạng khác, nhưng trước khi thay đổi lịch sử, họ đều đã khắc khổ mài giũa qua chính bản thân mình.

31.

Việc binh không cấm sự dối trá

Về mặt đạo đức mà nói, dối trá là một việc khiến mọi người căm ghét. Nhưng lấy làm một loại sách lược trong đàm phán ngoại giao, thì lại không thể chê trách quá được. Một danh nhân đã nói rất hay : Lời nói thật là một đồ vật rất quý của chúng ta. Chúng ta cần phải tiết kiệm sử dụng nó.

Ở đây có một ví dụ điển hình về việc sử dụng thuật lừa dối.

Có một năm Đông Chu muốn bắt đầu cấy lúa nước, Tây Chu ở thượng nguồn lại cắt đứt nguồn nước. Hai nước tuy là cùng tổ tông, nhưng trong sự phân tranh ở thời Chiến quốc đều không tự bảo vệ được mình, trái lại còn cản trở lẫn nhau. Đông Chu đối mặt với vấn đề khó khăn, không có cách nào phát triển nông nghiệp, hết sức buồn phiền.

Lúc này, em trai của mưu sĩ nổi tiếng Tô Tần là Tô Đại ra mặt, anh ta tình nguyện giải vây cho Đông Chu. Phương pháp của anh ta là như thế này :

Anh ta sang Tây Chu, bịa ra một câu chuyện nói dối thông minh :

"Tôi vừa từ Đông Chu đến, mọi người ở đó vì việc Đại vương cắt đứt nguồn nước mà ngấm ngấm vui mừng. Bởi vì

vụ xuân năm nay Đông Chu trồng lúa mạch, mà không phải trồng lúa nước, ngài cắt đứt nguồn nước là rất hợp với ý của họ. Nếu như Đại vương hiện nay tháo cho nước đổ xuống, ruộng lúa mạch của họ nhất định gặp phải tai ương, đợi đến khi họ không trồng lúa mạch mà đổi thành trồng lúa nước, Đại vương lại cắt đứt nguồn nước, thao túng như vậy, vận mệnh của Tây Chu sẽ nằm trong tay của ngài".

Tây Chu Vương nghe anh ta nói như vậy, tin tưởng là thật, liền mở đập nước, nước cuộn cuộn chảy xuống dưới. Tô Đại liền được vàng thưởng của cả hai bên. Tất nhiên, về sau Tây Chu Vương điều tra rõ chân tướng, rất giận Tô Đại, nhưng Tô Đại sớm đã trốn chạy, không làm gì được anh ta.

Câu chuyện này được ghi chép trong "Chiến quốc sách", Tô Đại là người thông minh, nhưng kết quả của nó, loại thuật tung hoành mang tính lừa dối này chỉ có thể sử dụng một lần. Đối với những kẻ sĩ du thuyết, Quốc vương các nước trong những thời kỳ khác nhau, đối với họ có sự nhận thức và cảm tình khác nhau.

Ví dụ như Yên Chiêu Vương. Ông ta từng quả trách thẳng vào mặt Tô Tần : "Các ông đều là những kẻ thuật sĩ lừa bịp".

Tô Tần trả lời : "Đó là vì ngài cần có những thuật sĩ lừa bịp".

Yên Chiêu Vương cũng từng nói với Tô Tần : "Tôi không muốn quan hệ với những người nói dối".

Tô Tần biện giải nói :

"Đại vương xin nghe tôi nói, tại quê hương tôi có một nghề nghiệp xã hội gọi là "Trọng nhân" chính là người chuyên làm công việc tác thành kết hôn giữa hai nhà trai và gái. Anh ta tại nhà trai sẽ nói "Cô gái bên nhà gái dung mạo rất đẹp". Sau đó lại đến nhà gái nói "Người con trai bên nhà trai rất có tài". Họ xoay xở như vậy là một loại nghề nghiệp, người trong nhà hai bên trai gái chưa chắc đã hoàn toàn tin tưởng vào lời nói của anh ta, nhưng loại nghề nghiệp này vẫn tồn tại đến ngày nay, đạo lý của nó ở đâu ? Nếu như không có sự tồn tại của người làm môi, có một số thiếu nữ có khả năng đến già cũng không lấy được ai, chả lẽ có thể tự tiến cử được ư ? Cho nên những gia đình có người muốn kết hôn, vẫn chỉ còn hy vọng có sự giúp đỡ của người làm môi. Hoàn thành tốt đẹp việc hôn nhân giữa hai nhà, làm phẩm chất tốt và công lao của người làm môi, người làm môi sẽ được trả tiền công do sự thông minh và lao động của anh ta, mặc dù mọi người đều biết có chỗ họ nói không thực, nhưng không thể không có họ. Ví dụ như Đại vương ngài, tuy không thích lắm những thuật sĩ du thuyết, nhưng ngài có thể nói nghiệp lớn của nước Yên hoàn toàn không có công lao của những người du thuyết chăng ?".

Quan điểm đạo đức chung của hai anh em họ Tô là : sự đòi hỏi cần phải có của xã hội, những thuật sĩ lương gạt sẽ có lý do tồn tại của nó.

Quan điểm đạo đức của các thuật sĩ du thuyết nói chung đều như vậy, chỉ cần đạt được mục đích, dùng thủ

đoạn gì họ cũng không do dự, khua ba tấc lưỡi, đưa việc chết nói thành sống, đưa việc giả nói thành thật, bất kể nó có dối trá hay không dối trá. Họ là những người ở trong tầng lớp thấp của xã hội, giẫy giụa để cầu sinh tồn, cầu phát đạt, tìm được cơ hội sẽ không tiếc sức mình để biểu hiện bản thân, muốn đạt được mục đích, thuật lừa dối là một trong những vũ khí quan trọng trong tay họ.

Từ xưa đến nay, đối với loại người này, đối với những hành vi này, đều có những cách nhìn nhận khác nhau. Những người quyết liệt nhất, cho rằng họ là những kẻ vô hại, làm bại hoại phong khí và đạo đức trong xã hội. Những người giống như anh em Tô Tần, lại có những kiến giải sinh tồn cho chính bản thân mình.

32.

Lời nói dối của kẻ yếu

Trước mặt kẻ mạnh hơn, người yếu từ khi bắt đầu đã ở thế bị động, không có ai giúp đỡ, do đó không biết làm gì hơn là phải đặt điều nói dối, thường thường có thể được đối phương đồng tình và tiếp nhận.

Như đã thuật ở bài viết trước, sự lừa dối của người làm môi, tốt nhất là phải có mức độ, tất nhiên khi tránh được thì phải hết sức tránh, đó là đạo lý làm người nói chung. Có thể thừa nhận có một loại "lừa dối với thiện ý".

Nếu như xuất phát từ một loại động cơ tốt đẹp, lừa dối chỉ là một hình thức thủ đoạn, thì có cần thiết phải loại trừ hoàn toàn nó hay không ? Ví như trong quan hệ giữa người với người, bạn mượn cớ khước từ một cuộc tụ hội mà bạn không muốn tham gia, cái cớ mà bạn tạo ra không phải là nguyên nhân chân thực. Những tình huống giống như vậy, không thể kể hết, ai lại có thể có sự đòi hỏi khắt khe quá đáng đối với việc đó ? Chắc rằng bạn làm như vậy, trong lòng cũng không áy náy gì, vì nguyên nhân chính là bạn không làm tổn hại đến người khác, cái bạn muốn là muốn bảo vệ, giữ gìn những gì mình muốn bảo vệ, giữ gìn. Thậm chí người khác biết rõ đó là một loại từ chối, một kiểu mượn cớ, một sự nói dối tự tạo ra, trong tình huống đó, đối với "thuật lừa dối" cũng có điểm chung.

Cho nên, một từ "thuật lừa dối" phát triển rộng ra, trong bài viết này, chúng tôi không ngại cho nó là một từ trung tính, bản thân không mang một hàm nghĩa tốt hay xấu rõ ràng.

Hãy quay lại đối tượng chủ yếu để nghiên cứu trong cuốn sách này, tức là trí tuệ của người xưa ở Trung Quốc. Trong hàng ngũ của thuật lừa dối, nếu chia thành thuật lừa dối của người yếu và thuật lừa dối của kẻ mạnh để nghiên cứu, chúng ta thấy thuật lừa dối của người yếu thường thường khiến cho người thứ ba dễ có sự tha thứ và thông cảm hơn.

Giống như những người làm mối đề cập đến ở bài viết trên, thuật sĩ du thuyết khi làm nghề nghiệp của mình, trong khá nhiều trường hợp bắt buộc phải nói dối, tức là thực hiện thuật lừa dối.

Tể tướng nước Hàn thời kỳ Chiến quốc tên gọi Hàn Côi, ông ta là chú của Quốc vương nước Hàn. Ông này cậy quyền thế, hết sức ngang ngược, trong và ngoài triều đình trên dưới phần lớn đều bất mãn với ông ta. Trong triều đình có một kẻ sĩ dám nói thẳng tên là Nghiêm Toại, ông đã có những lời phê bình kín đáo đối với tác phong ngang ngược của Tế tướng. Như vậy là đã đắc tội với Tế tướng Hàn Côi, khiến ông ta ôm mối hận trong lòng, thường suy nghĩ tìm cơ hội tiến hành báo thù ông.

Có một lần, vị Tế tướng lòng dạ hẹp hòi này còn si nhục Nghiêm Toại ở giữa triều đình. Nghiêm Toại cực giận, suy nghĩ muốn hành thích Hàn Côi, nhưng cơ hội hành động không giữ được bí mật, sau khi sự việc xảy ra

đánh phải chạy trốn. Đó là việc Nghiêm Toại ám sát Hàn Côi, thuê một thích khách chuyên nghiệp là Nhiếp Chính, nhưng không thành công. Còn có một người khác cũng tham gia mưu tính việc này tên là Dương Kiên, lại không bị lộ, nhưng Dương Kiên vì việc này chột dạ, sợ có một ngày họa lớn sẽ giáng xuống đầu, thế là cũng chạy ra nước ngoài.

Dương Kiên chạy trốn đến Tây Chu, được sự đãi ngộ đặc biệt của Tây Chu Vương, ở đó sống bình yên một thời gian, sau lại được tặng tiền vàng, xe ngựa, giúp đỡ Dương Kiên tiếp tục chạy xa chỗ khác. Tây Chu Vương sau khi có hành động thiện ý đó, trong lòng có hơi sợ hãi bởi ông ta thu nhận kẻ thù của Tể tướng nước Hàn, sợ rằng có một ngày sẽ bị nước Hàn báo thù. Làm thế nào bây giờ ?

Lúc đó có một kẻ sĩ du thuyết trên đường đi qua Tây Chu, được biết sự lo buồn của Quốc vương, tự động đến trước cửa dâng lời giúp đỡ Tây Chu giải nguy.

Ông ta nói : "Đại vương bất tất phải phiền não về việc đó, nếu như nước Hàn hỏi về việc đó, ngài có thể trả lời như thế này : Được biết Tể tướng nước Hàn bị hành thích nhưng không thành, vừa đúng lúc Dương Kiên trên đường qua đất này, chúng tôi cho rằng khả nghi, tạm thời bắt giữ anh ta để đợi ý kiến của quý quốc. Nhưng qua một thời gian vẫn không có động tĩnh gì, chúng tôi nghĩ rằng mình tạm giữ Dương Kiên là có sự sai lầm, do đó Dương Kiên đã tiếp tục chạy trốn".

Vị kẻ sĩ du thuyết này là một nhà buôn có trí tuệ cao, tên tuổi của ông ta không được ghi chép lại, cũng không

biết ông ta là nhân sĩ ở đâu. Ông ta đã đề xuất cho Tây Chu Vương một chủ ý rất hay, qua sự bịa đặt này, bước đầu sẽ giữ thể diện cho nước Hàn.

Biện giải vì người khác là một việc làm khá khó khăn. Phần lớn những người biện giải phải đứng ở lập trường của kẻ yếu, đặt mình là địa vị của kẻ yếu, nhiều hay ít cũng phải nói dối một chút, đưa ra một lập trường thiện ý, một động cơ làm việc thiện, tin tưởng rằng người thứ ba đứng ở lập trường khách quan sẽ có thể tha thứ, có thể thông cảm, thậm chí còn có thể khen ngợi.

Cũng là biện giải, nhưng không cần thiết phải bỏ hết tâm trí để suy nghĩ, chỉ cần có một niềm tin vững chắc, lập trường chính xác thì có thể đã có sự suy tính sáng suốt rồi. Thuần Vu Khôn đã một lần thể hiện tại nước Sở là một ví dụ điển hình.

Thuần Vu Khôn là học giả của nước Tề, ba đời làm việc ở nước Tề, là một nhân vật có thủ đoạn ngoại giao. Một lần Tề Vương triệu kiến Thuần Vu Khôn, cần ông làm sứ giả sang nước Sở và muốn ông đem một con chim học làm công phẩm tặng cho Sở Vương.

Chim học là một loại chim lông màu trắng, tương truyền là loài động vật để người tiên cười. Nhưng việc thiện ý này lại gây cho Thuần Vu Khôn có điểm khó khăn, bởi chim học mặc dù tượng trưng cho điềm cát tường, nhưng không phải là một đồ vật quý báu gì. Không biết ý nghĩ trong đầu Tề Vương thế nào mà lại lấy một con chim để làm cống phẩm. Ông là sứ giả của Tề Vương, sẽ bị mọi người nhìn nhận ra sao, trong lòng rất áy náy. Hơn nữa, từ

thủ đô Lâm Tri của nước Tề đến thủ đô Sính nước Sở, đường dài vạn dặm, phải vòng vèo hơn một tháng mới tới được, chỉ để tặng một con chim, thật không phải một công việc đáng làm.

Thuần Vu Khôn trong lòng ngờ vực, có nên nhận công việc ủy thác này không ? Nếu không nhận, sợ rằng sẽ đụng chạm đến Tề Vương; còn tiếp nhận, thực là không đáng giá. Nghĩ đi nghĩ lại, thôi đành cứ nhận rồi sẽ tính sau. Thuần Vu Khôn mang con chim đó lên đường.

Vừa ra khỏi thủ đô nước Tề, ông liền mở lồng chim, dang hoàng thả con học trắng đó đi, chỉ đem theo chiếc lồng chim rỗng bắt đầu một chuyến du lịch nhẹ nhàng trong gần một tháng.

Đến nước Sở, sau khi nói rõ ý vì sao đến, trước mặt Sở Vương ông đã bịa ra câu chuyện dưới đây :

"Tôi là sứ giả của nước Tề, Tề Vương vì muốn biểu thị sự hữu hảo đối với Đại vương, đặc biệt sai tôi từ ngàn dặm mang đến một con chim học rất đẹp để tặng cho ngài. Trên đường đi, khi vượt qua một con sông lớn, con chim muốn uống nước, tôi mở lồng chim cho nó uống, chẳng may không cẩn thận để nó chui ra bay đi mất. Vì việc này, tôi hết sức tự trách mình. Vốn nghĩ muốn tự sát, nhưng rồi suy nghĩ lại, nếu tôi làm nhục mệnh lệnh nhà Vua có chết cũng không đáng tiếc, nhưng nếu như tin tức truyền đi, mọi người sẽ cho rằng Tề Vương nước chúng tôi chỉ vì một con chim mà ép buộc một kẻ sĩ tự sát, sẽ tổn hại đến hình tượng Tề Vương. Về sau lại nghĩ, chim học ở trong chợ cũng có bán, không bằng mua một con để tặng cho Đại

vương, cũng có thể hoàn thành sứ mệnh, nhưng làm như vậy lại mắc tội lừa dối nhà Vua, con chim mua về vốn không phải là con chim mà Tề Vương muốn đem tặng cho Đại vương ngài ! Tôi lại có ý nghĩ muốn chạy trốn sang nước khác để tránh tội, nhưng lại sợ hành động này tổn hại đến quan hệ hai nước, không truyền đạt được tấm lòng cao cả của Tề Vương đối với Đại vương ngài, trách nhiệm cũng là rất lớn. Nghĩ đi nghĩ lại, đành phải xách chiếc lồng chim rỗng này đến gặp ngài. Tôi biết rõ lỗi của mình, lời đã nói xong, thành thật xin Đại vương xử tội.

Sở Vương nghe những lời biện bạch này, rất lấy làm cảm động, làm gì còn có đầu óc nào chỉ vì không được một con chim mà nổi giận ? Ông ta hoàn toàn bị hút vào câu chuyện bịa đặt của Thuần Vu Khôn, ông than rằng, thì ra bên mình Tề Vương có những người trung thành như vậy, có thể thấy Vua tôi nước Tề đều là những người đáng kính !

Sở Vương hậu thưởng cho Thuần Vu Khôn, tặng cho ông khá nhiều lễ vật. Hành động thả chim của Thuần Vu Khôn là đã vi phạm mệnh lệnh của Vua, nhưng mục đích của mệnh lệnh thì ông đã hiểu rất rõ ràng, chẳng qua là để biểu thị một tình hữu hảo. Còn để hoàn thành việc truyền đi một sứ mệnh hữu hảo, ông không tặng chim mà là tặng một câu chuyện bịa đặt, hiệu quả lại đã vượt xa mục tiêu đã định. Tung ra một chút lời nói dối chỉ có thể coi đó là một kỹ xảo thông minh, khéo léo mà thôi.

33.

Điều lợi khiến kẻ khôn cũng thành ngu

Kẻ mạnh hiểu rõ, mọi người đều có nhược điểm dễ bị lợi ích mê hoặc. Do đó hơi nhả ra một chút lợi nhỏ để nhử đối phương, dù rằng có nói trời nói bể cũng đạt được mục đích.

Kẻ yếu ở vào địa vị cần phải tự bảo vệ, không thể không sử dụng thuật lừa dối, không thể không đặt ra lời nói dối, hai ví dụ ở trên chắc rằng mọi người đều có thể hiểu. Nhưng khi kẻ mạnh sử dụng thuật lừa dối, dùng lời nói dối để đối phó với kẻ yếu thì sẽ là như thế nào ?

Quan niệm đạo đức của mọi người có thể sẽ phát sinh không giống nhau. Có một câu chuyện về "Sáu trăm dặm ở Thương Ư" như sau.

Trương Nghi khi làm Tế tướng nước Tần đã thúc đẩy thi hành chính sách "Liên hoành" có hiệu quả nổi bật, quốc lực của Tần cũng ngày càng lớn mạnh. Nhưng cục diện bảy nước phân tranh vẫn rất phức tạp, các nước ở Trung nguyên như Hàn, Triệu, Ngụy v.v... vẫn chống đối với Tần, nước lớn ở phương Đông là Tề và nước lớn ở phương Nam là Sở lại kết làm đồng minh, trong một thời gian khiến nước Tần không dám hành động thiếu suy nghĩ. Mục đích chủ chốt trong chính sách "Liên hoành" của Trương Nghi chính là phá hoại sự liên minh giữa các nước đó.

Đối mặt với tình hình này, Trương Nghi trong cuộc đời sinh sống bằng nghề mưu sĩ của mình có một hành động rất gan dạ : phá hoại sự liên minh Tề - Sở.

Trương Nghi với những lời nói dối đã tính toán sẵn trong đầu đi sứ sang nước Sở. Nước Sở lúc đó Hoài Vương đang tại vị, một con người hồ đồ ngu xuẩn. Sở Hoài Vương rất coi trọng chuyến viếng thăm của Trương Nghi, thân hành đến quán xá thăm sứ giả của nước Tề, và nói mấy câu nịnh bợ với Trương Nghi :

"Nước của chúng tôi ở nơi hẻo lánh, điều kiện hủ lậu, mong được bao dung. Tề tướng lần này đích thân đi sứ, không biết có gì dạy bảo không" ?

Trương Nghi quanh co phân tích thế lớn thống nhất thiên hạ, sau khi trở hết tài vừa mềm vừa cứng, đề xuất muốn Sở và Tề kết tình hữu hảo, nếu như Sở có thể cắt đứt quan hệ với nước Tề, tất Tề sẽ nhường sáu trăm dặm đất ở Thương Ươ cho Sở.

Sở Hoài Vương nói cho cùng là một ông Vua ngu xuẩn, mặc dù đã có sự chuẩn bị đối với chuyến viếng thăm này của Trương Nghi, nhưng vì bị mê hoặc bởi lợi ích trước mắt nên vẫn mắc bẫy. Sáu trăm dặm đất ở Thương Ươ cơ mà, ông ta đã động lòng !

Việc này, lúc đó các quan đại thần phản đối khá nhiều, nổi tiếng nhất phải kể đến Khuất Nguyên và một số kẻ sĩ trung trinh có kiến thức, ví dụ như Trần Chấn, ông ta đã từng làm quan ở nước Tề, sau vì Tề Huệ Vương quá tin tưởng Trương Nghi mới tức giận đến cạy nhờ nước Sở. Họ

đều có sự thể nghiệm từ bản thân mình đối với những thuật đối trá của Trương Nghi, hiểu rõ đó là một mưu sĩ trong lòng chứa đầy âm mưu thâm hiểm.

Những đại thần này họp lại dâng lời can ngăn, hết sức khuyên Sở Hoài Vương không nên mắc bẫy, không nên dễ dàng tin tưởng vào lời hứa hẹn của Trương Nghi.

Trần Chấn dâng lời nói :

"Theo sự quan sát của thần, hành động này của Trương Nghi không tốt đẹp gì. Ông ta nói muốn hiến sáu trăm dặm đất ở Thương Ưở, thực là mồi nhử, mục đích là muốn phá hoại sự liên minh giữa chúng ta và Tề. Tần vì sao lại phải coi trọng Sở nhỉ ? Vì sao muốn hiến cho nước ta sáu trăm dặm đất ? Nguyên nhân là ở sự liên minh giữa chúng ta và Sở, khiến ông ta không dám manh động. Nếu như chúng ta tuyệt giao với nước Tề trước, Sở lập tức rơi vào thế bị cô lập, Tần hiến sáu trăm dặm đất cho một quốc gia bị cô lập không có quân cứu viện cũng là một việc không thể có được. Trương Nghi sau khi về nước không những sẽ hủy bỏ điều ước, mà ngược lại sẽ liên minh với Tề cùng tấn công nước Sở chúng ta, là một việc trong mưu kế của họ. Đại vương tuyệt đối không nên mắc vào âm mưu lớn này"...

"Nếu như Đại vương quả thực cảm thấy sáu trăm dặm đất ở Thương Ưở đối với chúng ta rất quan trọng, không thể không nắm lấy, theo ý kiến của thần, cũng chỉ có thể bề ngoài đồng ý điều kiện của Trương Nghi, bề trong ngầm sai người theo dõi hành động của ông ta, đó mới là việc sáng suốt. Nếu như hiện nay chúng ta tuyên bố tuyệt giao triệt để với nước Tề, lời hứa cắt đất của Tần nhất định sẽ kéo

dài. Chúng ta nhất định phải đợi Tần cắt đất trước đã, nếu không thì việc tuyệt giao với Tề sẽ không nói tới. Xin Đại vương suy nghĩ kỹ".

Trần Chấn là vị mưu sĩ có tầm nhìn xa, sự thực sau này đã chứng minh, những lời nói của ông đều đúng cả. Đáng tiếc Sở Hoài Vương với tầm nhìn nông cạn, tham tính cái lợi trước mắt, không chịu nghe những lời trung thực, không nhìn được trước những lời mê hoặc của Trương Nghi, cuối cùng đồng ý với điều kiện của Trương Nghi, chính thức tuyên bố tuyệt giao với Tề.

Trương Nghi tràn đầy vui vẻ trở về nước, Sở Hoài Vương con người chỉ biết có uy quyền và lợi lộc, phái một vị sứ giả cùng đi với Trương Nghi, hy vọng việc thực hiện cắt đất.

Trương Nghi sau khi về nước, lập tức mượn cớ trong mình khó chịu, mắc bệnh không ra ngoài. Sứ giả nước Sở nhiều lần đến cửa cầu gặp ông ta, Trương Nghi thoái thác, đồng thời trách cứ Sở và Tề tuyệt giao không triệt để.

Tin tức truyền về, Sở Hoài Vương một mực làm theo ý của mình, vì nóng lòng cầu được cắt đất, liền sai dũng sĩ đến nước Tề sỉ nhục Tề Vương, để biểu thị việc tuyệt giao là có thực. Tề Vương làm sao có thể chịu đựng được nỗi nhục lớn đó, cũng lập tức chuyển biến lập trường, thiết lập quan hệ với nước Tần. Mối liên minh Tần - Tề mà Trần Chấn lo lắng quả nhiên đã được thực hiện.

Đến lúc này, "bệnh" của Trương Nghi cũng khỏi, ra mặt triệu kiến sứ giả của Sở: "Sáu dặm của nước Tần ta cắt nhượng cho Sở".

Sứ giả của Sở quá kinh ngạc, vội kháng nghị nói :
"Tiên sinh nhầm rồi, ngài đồng ý là sáu trăm dặm đất ở
Thương Ương !

Trương Nghi giả dạng ngây thơ, nói là Sở Vương nghe
nhầm, ông ta lúc đầu đồng ý chính là sáu dặm, không phải
sáu trăm dặm. Việc đã đến như vậy, dù cho sứ giả nước Sở
tranh cãi như thế nào cũng không được, đành phải trở về
nước báo cáo thực với Hoài Vương.

Sở Hoài Vương lúc đó mới tin mình đã bị Trương Nghi
độc ác chơi xỏ một phen, không kìm được cơn nổi giận lôi
đỉnh, lập tức ra lệnh xuất quân, đánh vào nước Tần không
giữ lời hứa.

Trần Chấn lại dâng lời can ngăn : "Đại vương nguôi
cơn giận, trước mắt không thể tấn công nước Tần ngay
được, trái lại chúng ta cần phải liên hợp với Tần. Bất kể
ông ta cho chúng ta bao nhiêu lãnh thổ đều cần phải tiếp
nhận, sau đó lại liên hợp với Tần tấn công nước Tề. Chỉ có
như vậy, mới có thể lấy được đất đai từ trong tay nước Tề
mà nước Tần không thể cho chúng ta".

Nước cờ này của Trần Chấn có thể nói là tuyệt vời,
cái gọi là chiến tranh vô nghĩa thời Xuân Thu, quan hệ
giữa các nước quả thực là sớm Tần chiều Sở. Nhưng về
mặt vạch mưu kế chiến lược thời đó, lời khuyên của Trần
Chấn chắc chắn là một nước cờ cao. Nhưng con người mà
đầu óc đã bị cơn giận dữ làm mờ hết, Sở Hoài Vương đã
không chịu nghe, nhất định muốn xuất quân tấn công
Tần. Kết quả bị liên quân Tần – Tề đánh cho bại, trái
lại phải chịu điều kiện nhục nhã là phải cắt nộp cho Tần

hai tòa thành, mới cứu vãn được một lần hòa bình tạm thời.

Đó chính là câu chuyện nổi tiếng "Sáu trăm dặm đất ở Thương Ư". Mưu kế của Trương Nghi tất cả đều thành công, ông ta dùng lời nói dối để dẫn đường, mục đích là để khơi lên sự bất hòa giữa hai nước khác để thực hiện mưu đồ của mình. Nhưng đây là thuật lừa dối của kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Từ xưa đến nay những nhà viết sử đối với Trương Nghi phần nhiều đều phê bình, chỉ trích con người này không đủ tư cách và đạo đức làm người.

34.

Lời nói dối là con dao hai lưỡi

Quen dùng lời nói dối, lạm dụng lời nói dối, với tâm nhìn xa đều là những hành vi thiếu đạo đức và không sáng suốt. Cùng lúc với việc làm tổn thương đến người khác, cuối cùng sẽ tổn hại đến bản thân mình.

Nói đến cùng, lời nói dối là một con dao hai lưỡi, đồng thời với việc đạt được mục đích, bản thân mình cũng phải trả một giá tương đương. Nếu như làm tổn thương đối phương càng nặng, thì sự nguy hiểm ngầm đối với bản thân mình cũng càng lớn. Như Trương Nghi trong câu chuyện ở trên "Sáu trăm dặm đất ở Thương Ư", sự tổn thất bước đầu, sau thành công lớn, đó chính là sự tự bôi nhọ tín nghĩa và danh dự của chính bản thân mình.

Tiếp theo Trương Nghi, làm Tể tướng ở nước Tần là Cam Mậu, cũng có hành vi tương tự, ông ta sử dụng lời nói dối để cứu vãn mình, cũng bị trừng phạt vào chính bản thân.

Hồi ấy, có một người tên là Công Tôn Diễn từ nước Ngụy tới. Công Tôn Diễn từng làm Tể tướng ở nước Ngụy, sau khi Tô Tần mất. Trong một thời ông ta chính là nhân vật chủ yếu thúc đẩy thi hành rộng rãi chính sách "Hợp tung". Sau này do nhiều nguyên nhân chen ép lẫn nhau trong giới chính trị, ông ta lại làm một sự lựa chọn khác : chạy đến nương nhờ nước Tần.

Khi đó Vũ Vương đang tại vị nước Tấn (từ năm 317 đến năm 310 trước Công nguyên), Vũ Vương rất coi trọng tài năng của Công Tôn Diễn. Sau khi chuyện trò, trong lúc cảm khái, ông nói lộ một câu từ gan ruột : sau này tôi có thể trao cho ông chức Tể tướng.

Câu nói này bị người tâm phúc của Cam Mậu nghe được, liền báo cho Cam Mậu.

Cam Mậu được tin này, trong lòng bất yên. Ông ta cũng biết rõ tài năng của Công Tôn Diễn, biết đã gặp phải một đối thủ cạnh tranh rất mạnh. Bản thân mình phải vất vả lắm mới lên được ngôi vị Tể tướng, không thể dễ dàng bị người khác đoạt mất. Thế là ông ta sử dụng thuật lừa dối, trước mặt Vũ Vương bịa ra những lời nói dối độc ác, làm hại không nhỏ Công Tôn Diễn.

Cam Mậu đến trước mặt Vũ Vương giả bộ chúc mừng : "Nghe nói Đại vương được một vị hiền tướng, Cam Mậu đặc biệt đến chúc mừng" !

Vũ Vương rất kinh ngạc : "Lời nói này ở đâu ra, tôi tin tưởng Tể tướng ngài như vậy, vừa rồi lại nói hiền tướng là chỉ cái gì" ?

Cam Mậu trả lời : "Nghe nói sẽ có một ngày muốn giao cho Công Tôn Diễn làm Tể tướng".

Vũ Vương nói : "Câu nói này ông nghe được ở đâu" ?

Cam Mậu không một chút do dự : "Công Tôn Diễn tự nói với thần".

Câu nói này lập tức đạt được hiệu quả. Làm một vị Quân vương, tất nhiên rất ghét những người dễ dàng tiết

lộ điều bí mật của mình, dù có tài năng thế nào cũng không được tín nhiệm. Công Tôn Diễn không hiểu vì sao đột nhiên bị đuổi khỏi nước Tần, đối với vận xấu từ trên trời rơi xuống này ông không biết một chút gì hết. Lời nói dối khi bị kẻ độc ác sử dụng, ghê gớm biết bao !

Cam Mậu sử dụng lời nói dối làm vũ khí, một nhát kiếm đã đặt đối thủ vào đất chết, bảo vệ được ngôi vị Tể tướng của mình. Nhưng đúng như tục ngữ đã nói : "Lời nói dối cuối cùng sẽ bị vạch trần". Cam Mậu về sau cũng vì việc làm này mà phải trả một cái giá rất đắt.

Cho nên lời nói dối chính là một con dao hai lưỡi !

Lời nói dối được sử dụng như một loại vũ khí, đặc biệt là để thực hiện những thủ đoạn về mặt ngoại giao. Một vị quan chức ngoại giao nổi tiếng của nước Anh từng khái quát là : "Gọi là quan chức ngoại giao, chính là phái một người chân chính ra nước ngoài để nói dối". Xem ra ông ta chắc chắn là một người quen nói dối, vì ý chủ yếu trong câu nói này là một sự giải thích vì sao mình phải nói dối.

Bạn có thể hoàn toàn không đồng ý, bạn có thể cố gắng hết sức để làm một người không nói dối, nhưng bạn không thể không nhìn thấy trong xã hội hiện tại, lời nói dối vẫn được sử dụng hoặc lạm dụng trong nhiều lĩnh vực. Dù là mình không nói dối, cũng cần phải biết phân biệt lời nói dối của người khác. Để có thể phân biệt được lời nói dối, cần phải hiểu một số kỹ thuật, kỹ xảo, phân tích nhân tố tâm lý, v.v... của lời nói dối, để không bị lời nói dối lừa gạt và làm hại. Để không nói dối và để phân biệt lời nói dối, cần phải rèn luyện năng lực phán đoán, cũng như năng lực quan sát.

35.

Đối xử với binh lính như con

Đây là thuật thu phục lòng người giàu tình cảm nhất, cũng là thuật thu phục lòng người có hiệu quả nhất.

Danh tướng Ngô Khởi thời kỳ đầu Chiến quốc, không những dùng cảm hơn người, đồng thời cũng là một nhà quân sự, nhà chính trị nổi tiếng. Tài năng của ông ta về mặt thu phục lòng người, thời nay cũng phải công nhận là tuyệt vời.

Ngô Khởi khi ở Ngụy làm Tướng quân, trang bị quần áo ăn uống đi lại đều giống như binh sĩ. Buổi tối khi ngủ không dùng chân bông, không trải chiếu cỏ, ra ngoài thông thường không dùng xe ngựa, tự mình mang lương thực. Tác dụng của việc lấy thân mình làm gương đã đạt đến mức độ cao nhất.

Một lần, trong quân đội có người lính bị một cái nhọt mủ rất đau đớn. Ngô Khởi nhìn thấy, liền cúi người dùng miệng hút sạch mủ máu mủ bắn cho anh ta, lại xé chiến bào buộc cẩn thận vết thương cho người lính này. Mọi người có mặt tại đó không ai là không cảm động trước việc làm này của đại tướng quân. Người lính khi trở về quê nhà kể lại việc này cho mẹ, bà mẹ nghe xong liền khóc to. Mọi người cho rằng bà cảm động đến như vậy ! Song câu trả lời của bà mẹ lại làm ngạc nhiên cho mọi người :

"Thực ra không phải tôi khóc vì sự đau đớn của con tôi, cũng không phải Ngô tướng quân thương yêu binh lính như con mà tôi khóc. Năm kia, Ngô tướng quân cũng tương tự, dùng miệng hút máu mù cho chồng tôi. Sau này trong chiến tranh, để báo đền ân đức của tướng quân, chồng tôi đã anh dũng chiến đấu, kết quả chết tại chiến trường. Lần này lại đến lượt con trai, tôi biết rằng sớm muộn nó sẽ chết !

Bà lão này từ sự từng trải của bản thân, biết biện pháp thu phục lòng người này có thể khiến người khác hiến dâng cả tính mạng nên đã có dự cảm không hay về vận mệnh của đứa con. Bạn xem Ngô Khởi ghê gớm biết bao !

Tính mạng của người lính này về sau như thế nào thì không có sự ghi chép lại, nhưng tiếng khóc của bà lão trong đoạn này quả thực là tuyệt. Phương pháp tự thuật của thư tịch cổ Trung Quốc cũng rất hay, nó không ghi chép kỹ người lính này kết quả cuối cùng có giống cha hay không, nhưng từ một góc độ khác đã chứng minh được hiệu quả của việc thu phục lòng người.

Ngô Khởi có rất nhiều chiến tích huy hoàng, nhân tố thành công cũng có nhiều, chúng ta chỉ đưa ra một ví dụ này để chứng minh trong thời cổ đại, đặc biệt là trong hoàn cảnh chiến tranh, muốn giành phần thắng, muốn các binh sĩ nghe theo hiệu lệnh của Tướng quân, rất quan trọng là phải thu phục được lòng người.

Số mệnh về sau của Ngô Khởi thật không hay, ở nước Ngụy bị người hãm hại, từ chức rồi nương nhờ nước Sở.

36.

Giết một, cảnh cáo trăm

Thu phục lòng người cũng là để chế ngự lòng người, cho nên cần phải kết hợp chặt chẽ giữa khoan dung và nghiêm khắc, ân uy cùng thực hiện.

Trong số những nhà quân sự cổ đại Trung Quốc, nổi tiếng nhất phải kể đến Tôn Tử. "Tôn Tử binh pháp" đến hiện nay vẫn còn được đông đảo các vị nhân sĩ nghiên cứu rất sâu, những điều tâm đắc ngày càng nhiều, những tác phẩm mới sáng tác cũng nhiều, trở thành một môn học lớn.

Về Tôn Tử, xét đến cùng như là Tôn Vũ của người Ngô thời kỳ cuối Xuân Thu, hay là Tôn Tẫn của nước Tề vào thời Chiến quốc. Năm 1972 trong khu vực lăng mộ đời Hán ở tỉnh Sơn Đông, trong khi khai quật đã phát hiện được rất nhiều thẻ tre ghi chép về Tôn Tử. Trải qua khảo chứng được biết, thời đó đã có "Tôn Tử binh pháp" và "Tôn Tẫn binh pháp", hai loại binh thư, do đó có thể biết "Tôn Tử binh pháp" phải là sáng tác của Tôn Vũ (Tôn Tử).

Trong "Tôn Tử binh pháp", về việc làm thế nào để nắm được lòng người, có sự ghi chép như sau : "Khi phạt tội kẻ dưới cần phải chú ý thích đáng, nếu như phạm lỗi nhỏ thì không cần phải xử tội họ, nếu không thì họ sẽ không tâm phục. Kẻ dưới mà không tâm phục cấp trên thì không dễ cai quản. Trái lại, nếu như đã hoàn toàn hiểu rõ, phạm lỗi

mà không xử tội, thì sẽ hình thành tính tùy tiện, bất kể về sau phát triển thế nào cũng không thể quản lý được".

Đoạn luận bàn này của Tôn Tử cách đây đã hơn hai ngàn năm, hiện nay xem ra, bất kể là người ở trong một cơ quan hành chính hay là người quản lý xí nghiệp,... đều vẫn có những sự tương đồng và thích hợp biết bao.

Tôn Tử còn nói : "Đối với cấp dưới cần phải có thái độ ôn hòa, thường thường khi tiếp xúc phải xây dựng được sự tín nhiệm, đồng thời cần phải thực hiện nghiêm túc kỷ luật quân binh. Hai mặt đó phải cùng một lúc thực hiện mới có thể nghiêm khắc thực hành pháp lệnh trong chiến tranh, liều chết tuân theo mệnh lệnh".

Có thể thấy được ông là một người hết sức chú ý đến việc thân phục lòng người. Ở đây lại có một ví dụ :

Ngô Vương là Hạp Lư triệu kiến Tôn Tử nói : "Ta đã xem qua 13 thiên binh pháp của ông, ông có thể ngay tại chỗ thao luyện một chút cho ta xem được không" ?

Tôn Tử nói có thể, và đề nghị sử dụng những cung nữ hoàn toàn không biết đánh trận xếp hàng bày trận, diễn tập chiến pháp cho Ngô Vương xem. Ngô Vương rất vui vẻ.

Một trăm tám mươi người đẹp trong cung được chia làm hai đội, mỗi người đều cầm giáo ở tay, do hai ái phi của Ngô Vương làm đội trưởng.

Tôn Tử hướng mọi người, ra lệnh : "Hôm nay không phải trò đùa, là huấn luyện quân sự thực tế, hy vọng mọi người nghe theo mệnh lệnh của ta. Ta nói "Đằng trước" thì

các người nhìn vào phần ngực. Ta nói "Bên trái" thì các người nhìn vào tay trái. Ta hô "Bên phải", thì các người nhìn vào tay phải. Ta hô "Đằng sau", thì các người quay đầu nhìn đằng sau lưng. Trộn pháp dưới đây phải nhất nhất làm đúng yêu cầu !

Tôn Tử giải thích xong bắt đầu luyện quân, tiếng trống vang lên một tiếng, ông ta hô "Bên phải !".

Đám đông cung nữ này có người động, có người bất động, phần lớn người này nhìn người kia. Trong những ngày bình thường chỉ giới trang điểm mặt mày, hôm nay lại múa gươm múa giáo, bất giác bật cười, hy hy, ha ha một hồi, trở thành một đám người hỗn loạn. Có người cười dài đến nỗi ngã xuống đất không đứng lên được.

Tôn Tử lại nhắc lại yêu cầu trên, và bổ sung : "Vừa rồi mọi người không nghe rõ lắm, hiệu lệnh không rõ ràng là lỗi của ta. Tiếp theo, nếu lại không chấp hành mệnh lệnh, thì sẽ truy cứu trách nhiệm của đội trưởng".

Nói xong, tiếng trống lại vang lên, phát ra mệnh lệnh. Các cung nữ chỉ cảm thấy thích thú, vẫn cười cợt không ngớt. Nhất là hai người đội trưởng, thường ngày được Ngô Vương chiều chuộng quen rồi, có coi Tôn Tử là cái gì, lắc đầu cười đùa không ngớt.

Tôn Tử nói : "Có mệnh lệnh không thi hành, là lỗi lầm của đội trưởng. Vừa rồi đã tha thứ cho một lần, lần này theo quân pháp phải chém".

Ngô Vương thoát nghe vừa muốn bảo ngừng lại thì Tôn Tử đã chạy như bay vào trong hàng ngũ, tay vung lên,

kiếm chém xuống, hai ái phi đội trưởng đã rơi đầu xuống đất, mọi người vô cùng kinh hãi.

Ngô Vương mặc dù than thở không thôi, nhưng việc đã đến như vậy còn biết làm gì được.

Tôn Tử tiếp tục ra lệnh bố nhiệm hai đội trưởng mới, và ba tiếng trống nổi lên, tuyên bố mệnh lệnh mới. Lúc này toàn đội nghiêm túc, động tác chỉnh tề, nhất nhất tuân theo mệnh lệnh, thao diễn trận pháp của Tôn Tử cho Ngô Vương xem.

Ngô Vương bị mất hai người ái phi, nhưng cũng thực lòng hiểu được Tôn Tử.

Tôn Tử áp dụng cách làm nghiêm khắc như vậy, thực ra là bất đắc dĩ, hoàn toàn trái ngược với việc sau này khi ông làm tướng chỉ huy binh lính, thương thường khoan dung hậu đãi đối với mọi người. Mặc dù bất đắc dĩ phải làm, từ một góc độ cực đoan khác đã phản ánh Tôn Tử là một người hiểu rất rõ việc nắm giữ lòng người.

Ngô Khởi dùng miệng hút mủ cho binh sĩ là vì muốn nắm giữ lòng người, Tôn Tử chém chết ái phi của Ngô Vương cũng là vì để nắm giữ lòng người; có điều là nếu nhìn từ việc làm thì đó là hai hiện tượng hoàn toàn trái ngược nhau.

37.

Thất bại bắt đầu từ việc "lòng binh sĩ lìa tan"

*Trong ba nhân tố thiên thời, địa lợi,
nhân hòa, nhân tố nhân hòa quyết định
tất cả.*

Giữa thời Chiến quốc, cũng chính là sau thời kỳ Ngô Khởi khoảng một trăm năm, nước Triệu có một vị danh tướng tên là Triệu Xa, ông ta trong "Trận chiến Yên Dư" đánh cho quân Tần đại bại, uy danh lừng lẫy một thời.

Triệu Quát là con trai của Triệu Xa, từ nhỏ đã thông minh dĩnh ngộ, thuộc lòng binh thư, trong rất nhiều mặt đều có kiến thức khá cao. Lại là con trai của Tướng quân, nhiều người khác lại nịnh nọt tăng bốc, dần dần càng không biết trời cao đất dày, bình luận cổ kim, tự cho rằng thiên hạ chỉ có mình là tài giỏi hơn cả.

Hai cha con tướng quân thường bàn luận về binh pháp, Triệu Xa cùng với sự hài lòng về kiến thức sâu rộng của con trai, cũng dần dần nhận thấy nhược điểm chết người của anh ta.

Ông đã từng nói riêng với vợ về tương lai của con trai : "Thằng này đọc nhiều thi thư, cũng hiểu sâu binh pháp, nhưng đều là kiến thức trong sách vở. Cộng thêm tính tình nó kiêu ngạo ngông cuồng như vậy, về sau sợ rằng sẽ làm hỏng việc lớn của quốc gia".

Hiếu con không ai bằng cha, những lời nói này về sau chẳng may đều đúng cả.

Sau khi Triệu Xa chết được mấy năm, quân Tần lại đến xâm phạm. Nắm giữ binh quyền lúc đó là mãnh tướng Liêm Phả, là người rất giàu kinh nghiệm trên chốn sa trường. Quân Tần trong một thời gian dài không đánh bại được Liêm Phả, thế là liền dùng kế phản gián đối trá, dùng thủ đoạn hối lộ mua chuộc một số đại thần trong triều tâu rằng Liêm Phả già cả vô dụng, không bằng sử dụng Triệu Quát con trai của Tướng quân Triệu Xa. Triệu Vương hồ đồ ngu xuẩn tin theo lời gièm pha, bãi miễn quyền chỉ huy tối cao của Liêm Phả, bổ nhiệm Triệu Quát làm trưởng quan quân sự cao nhất.

Trước khi Triệu Quát nhận lệnh xuất chinh, mẹ của anh ta dâng thư lên Triệu Vương, chiếu theo sự ủy thác của người chồng đã chết, ngăn cản việc bổ nhiệm này. Triệu Vương hỏi lý do, Triệu mẫu thẳng thắn nói như sau :

"Tôi bằng vào kinh nghiệm của vợ Triệu Xa trung thực dâng lời tới Đại vương. Triệu Xa khi còn sống, mặc dù làm quan tới chức Tướng quân, nhưng bình sinh cẩn thận, không một chút kiêu ngạo ngông cuồng. Những thuộc hạ được ông ấy tự khao thưởng cơm rượu có đến mấy chục người, có đến mấy trăm người trở thành bạn thân của ông ấy. Ông ấy được Đại vương ưu ái, mỗi lần có lễ vật được ban thưởng đều chia hết cả cho cấp dưới. Mỗi khi nhận lệnh ra trận, tất cả những việc trong nhà không để ý đến, một lòng nghiên cứu thảo luận chiến lược. Việc khiến mọi người lo lắng là con trai tôi, Triệu Quát tác phong hoàn

toàn trái ngược với người cha, ngày được thăng chức Tướng quân chỉ biết điều võ dương uy, toàn bộ vàng bạc Đại vương tặng cho một mình nó phung phí hết. Theo sự quan sát của tôi, con tôi sợ rằng khó tiếp tục được chí của cha, nay suy nghĩ về quốc gia xã tắc, kiến nghị Đại vương bãi miễn chức vị của nó là hay hơn cả”.

Triệu Vương vẫn không có con mắt tinh tường trong việc dùng người, cho rằng đây chỉ là những lời nói khiêm nhường của Triệu mẩu, và chưa có sự suy xét kỹ, vẫn giữ nguyên việc bổ nhiệm và bãi miễn trước đây. Kết quả, Triệu Quát trong “Trận chiến Trường Bình” bị quân Tần đánh cho tan tác, nước Triệu nguyên khí bị tổn thương nặng, lịch sử từ đó về sau không sao ngóc đầu lên được.

Nguyên nhân chiến bại của Triệu Quát, chủ yếu quy kết ở chỗ anh ta không có kinh nghiệm thực tiễn, chỉ thuộc lòng binh thư một cách máy móc. Một nguyên nhân khác là không có phương pháp thu phục lòng người, khi tình thế nguy cấp, không có người nào phục vụ quên mình, không còn cách nào cứu vãn tình thế nguy hiểm. “Sử ký” ghi chép việc chiến bại của anh ta là do “lòng binh sĩ lìa tan”.

Ngô Khởi cũng giỏi, Triệu Xa cũng giỏi, họ đều hiểu rõ trong chiến trận, chiến lược chiến thuật mặc dù rất quan trọng, nhưng nếu không được lòng của binh sĩ thì cũng chỉ là trắng trong nước, hoa trong kính mà thôi, không thể thắng trận được. Nhất là một tập đoàn chiến đấu như quân đội, việc có thể thu phục được lòng người hay không là một điều cực kỳ then chốt trong việc thắng hay bại trước quân thù.

38.

Hiếu khách mưu cầu danh lợi, cuối cùng bị ruồng bỏ

Được nhân tài đã khó, được lòng người càng khó hơn !

Điều tất yếu phải mua chuộc lòng người, không chỉ hạn chế trong việc đảm nhiệm chức vụ Tướng quân trong tập đoàn chiến đấu, trong các cơ quan hành chính hiện đại và các loại xí nghiệp, phàm là những người làm quản lý chức vị, sợ rằng không chỉ có một người cấp dưới, đó cũng là một trong những phẩm chất quan trọng không thể thiếu được.

Mạnh Thường Quân làm Tế tướng nước Tế đã nói ở trên, là một nhân vật nổi tiếng, dưới tay có mấy ngàn thực khách. Lãnh địa của riêng ông ta là đất Tiết lại càng là nơi tập kết các loại nhân tài hữu dụng trong thiên hạ, để chuẩn bị sử dụng trong nhiều tình huống bất ngờ xảy ra. Ông ta có thể làm được điều này, nguyên nhân chủ yếu là do giàu có, bỏ ra toàn bộ tài sản của mình để nuôi dưỡng đám người này. Có sự bảo đảm bằng vật chất là một điều kiện tất yếu, nhưng nếu chỉ có như vậy thì cũng chưa đủ.

Mạnh Thường Quân về mặt mua chuộc lòng người thì có cao hơn người một bậc. Ví dụ như, mỗi lần có thực khách mới, đến trao đổi trực tiếp, phía sau lưng ông ta

nhất định sẽ có người ghi chép, ông ta nắm rất vững tình hình anh chị em trong gia đình của người thực khách đó. Nếu như có vị thực khách nào rút lui khỏi "cạm bẫy" của ông ta, ông ta sẽ cho bộ hạ tặng lễ vật cho từng người thân thuộc của vị thực khách vừa rút lui đó, để biểu thị sự thăm hỏi và cảm tạ. Điều này quả thực mọi người bình thường khó mà làm được.

Có một lần, ông ta và một vị thực khách cùng ăn cơm tối. Người làm thuê vô ý đứng ở trước cây đèn dầu khiến cho ánh sáng trước mặt bàn ăn của hai bên chủ, khách bị tối đi nhiều. Điều này khiến cho vị thực khách hiểu nhầm, cho rằng món ăn của Mạnh Thường Quân khác với món ăn của mình, liền ném đĩa đi, chuẩn bị lui khỏi chỗ ngồi. Mạnh Thường Quân phản ứng nhanh hơn, bình tĩnh bưng những món ăn của mình sang trước bàn của vị thực khách, chuẩn bị ăn cùng bàn với ông ta, thực ra là để chứng minh tiêu chuẩn ăn của mình cũng giống như của đối phương. Vị thực khách tính tình cương trực nọ vẫn nhìn thấy, không kìm được sự hổ thẹn, lập tức tự sát.

Mạnh Thường Quân vỗ vào thi thể, đau buồn khóc, trong lòng không biết là ông ta suy nghĩ những gì. Việc này về sau được truyền ra ngoài, khiến cho uy tín và danh vọng của ông ta càng được đề cao.

Như đã thuật ở trên, vấn đề đãi ngộ của Mạnh Thường Quân đối với người thực khách của mình, không những xử lý cẩn thận, mà còn có phương pháp khéo léo, dẫn đến khiến cho mỗi vị thực khách đều cảm thấy bản thân mình

mới là người được hưởng thụ với mức đãi ngộ cao nhất, đều tin tưởng sâu sắc rằng mình là người được Mạnh Thường Quân coi trọng nhất.

Mặc dù ông ta dụng tâm vất vả như vậy, cũng được không ít thực khách lấy cái chết để báo đền ơn nghĩa, nhưng khi ông ta bị cách chức Tế tướng nước Tề, thì đã xảy ra việc mà ông ta không ngờ tới : mấy ngàn thực khách kế tiếp nhau rời bỏ ông ta mà đi. Đó là vì cái gì ? Ông ta rất khó hiểu bản thân mình, trái lại có những lời than phiền đối với vị thực khách trung thành Phùng Huyền như sau :

"Ta trước đây quá ư hiếu khách, đãi ngộ với các thực khách lại cao, cho nên bên mình có mấy ngàn người. Ông cũng trông thấy, sau khi ta bị mất chức Tế tướng, số người này từng người từng người một bỏ ta mà đi, bội bạc biết bao ! Lần này may có ông giúp đỡ, ta lại khôi phục được chức Tế tướng, tin tưởng số người đã rời bỏ ta không ai dám quay trở lại. Nếu như họ dám quay lại, ta quyết không tha thứ, ta muốn nhổ nước bọt lên mặt của họ" !

Phùng Huyền, con người mưu trí hơn người lại nhiều lần lập được kỳ công, đối với việc này không tán thành, im lặng đứng bên cạnh Mạnh Thường Quân. Ông quá hiểu rõ cái mặt khác trong tính cách của chủ nhân.

Đó là cái gì ? "Sử ký" đã giải đáp một cách rất ngắn gọn và chính xác : "Trên đời có truyền thuyết Mạnh Thường Quân hiếu khách mà đặc ý". Hiếu khách mà đặc ý, chứng tỏ tính cách nồng nặc của ông ta, hiếu khách là một

loại thủ đoạn để khoe khoang địa vị, mà không phải từ trong cốt tủy lựa chọn được nhân tài để cứu giúp bần dân trong thiên hạ, cuối cùng đã bị mọi người nhìn ra sự thật. Tập trung nhân tài rất khó, muốn thu phục được lòng người lại càng khó hơn.

39.

Giết vợ lẽ, kính trọng kẻ sĩ

Được lòng người, nói sao mà dễ. Muốn được lòng người, bạn sẽ phải trả giá !

Bình Nguyên Quân nước Triệu, trong câu chuyện Mao Toại tự tiến cử đã giới thiệu qua, là một trong bốn đại công tử ngang danh với Mạnh Thường Quân, cũng là trượng nghĩa khinh tiền, có ba ngàn thực khách. Về mặt mua chuộc lòng người cũng có không ít sự suy nghĩ tính toán, nhưng cũng có thất bại.

Thủ hạ của Bình Nguyên Quân có một vị thực khách vì bị què chân nên hành động bất tiện. Một hôm, vị thực khách này ra giếng lấy nước, vì hành động bất tiện nên không giống như người bình thường, tất cả những việc đó bị một người vợ lẽ của Bình Nguyên Quân trông thấy, cô ta cảm thấy buồn cười, mà cười ra thành tiếng, khiến vị thực khách bị què cảm thấy bị sỉ nhục.

Ông ta tìm đến Bình Nguyên Quân đòi ông sự công bằng :

"Tôi luôn luôn cho rằng ngài là một thân sĩ rất yêu mến nhân tài, các loại kẻ sĩ đa tài hữu dụng trong thiên hạ không ngại đường xa ngàn dặm đến đây dựa vào ngài, đều coi rằng ngài là người biết tôn trọng kẻ sĩ mà khinh thường nữ sắc. Nhưng người vợ lẽ bên mình ngài lấy tôi làm trò cười. Tôi muốn xin cái đầu của người đàn bà đó".

Bình Nguyên Quán nói :

"Tôi biết rồi, tôi sẽ trả lại sự công bằng cho ông".

Thực khách lui ra, Bình Nguyên Quán trái lại, cười lớn :

"Thật là một người vô vị, bản thân mình vốn đã đáng cười, vì một điểm nhỏ này, lại muốn lấy đầu người thiếp của ta, thật hỗn láo".

Hàng loạt thực khách dưới tay ông ta dần dần bỏ đi, sau một năm chỉ còn lại một nửa số ban đầu. Bình Nguyên Quán đối với việc này còn chưa hiểu rõ, cho rằng mình đối với người không tệ, đãi ngộ về vật chất với các thực khách đều rất cao, vì sao lòng người lại dần dần lìa xa ?

Có một vị tâm phúc giải thích với ông ta :

"Việc người thực khách què chân bị lấy làm trò cười, ngài không xử tội người thiếp của mình, việc này đã tổn thương đến trái tim của mọi người, cho rằng ngài "Trọng sắc đẹp, khinh thường kẻ sĩ" nên bỏ đi đó thôi" !

Bình Nguyên Quán đột nhiên tỉnh ngộ, lập tức chém người thiếp yêu, xách đầu người đàn bà đến thăm vị thực khách què chân, tạ tội trước mặt. Việc này sau khi được truyền đi, những người mộ danh đến càng ngày càng nhiều, cuối cùng đã khôi phục được danh vọng trước đây.

Câu chuyện này, khiến mọi người có sự cảm thụ sâu sắc. Thực khách thời đó đem tiền đồ của mình gửi gắm vào những người có danh vọng để làm môn hạ, mặc dù về mặt vật chất có điều kiện đảm bảo tốt nhưng điều quan trọng nhất là họ muốn xem người chủ mà họ gửi gắm có tôn trọng kẻ sĩ hay không, đó là tiêu chuẩn cơ bản khi lựa

chọn chủ nhân. Các thực khách qua tin đồn trong thiên hạ để đi tìm đến những người có danh vọng, làm môn hạ. Nếu sau khi trải qua tiếp xúc thực tế cho rằng không được như tin đồn thì họ sẽ bỏ đi, lại tìm kiếm một người chủ lý tưởng khác. Cho nên muốn nắm giữ được tấm lòng của thực khách, mong đợi thực khách lúc nào cũng có thể hiểu thêm vì mình thì không thể chỉ biểu hiện bằng miệng lưỡi, mà cần phải lấy hành động của chính bản thân mình. Bình Nguyên Quân và Mạnh Thường Quân về điểm này tựa như đều có thiếu sót, không làm được tới mức khiến cho mọi người hài lòng.

40.

Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ

Mọi người đều có nhu cầu được người khác hiểu và thừa nhận. Nếu như có thể làm thỏa mãn loại nhu cầu đó, bạn sẽ được sự báo đền lớn nhất.

"Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ", đó là một câu nói rất nổi tiếng trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Bí quyết thành công cũng chính là ở chỗ đó. Người nào làm được đến mức "kẻ sĩ" cảm thấy bản thân mình là "tri kỷ" thì người đó đã đạt tới một trình độ cao trong việc thu phục lòng người.

Nước Tần vào cuối thời Xuân Thu, có một vị dũng sĩ tên là Dự Nhượng. Anh ta trước sau đã nương nhờ qua mấy người chủ, đều không được coi trọng, cho đến sau khi nương nhờ vào họ Trí Bá, mới rất được yêu quý, tôn trọng như là người tri kỷ, cùng đi lại ăn ngủ, thân như anh em. Dự Nhượng rất lấy làm cảm động. Về sau họ Trí Bá đánh nhau với Triệu Tương Tử, muốn mở rộng quyền thế của mình, do thực lực không bằng Triệu Tương Tử, bị ông ta đuổi đánh đến nỗi nhà mất người chết, phải lang bạt khắp nơi.

Dự Nhượng lúc đó đang tu luyện ở trên núi, nghe được việc này, thề rằng sẽ vì họ Trí Bá báo thù. "Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, người con gái làm đẹp vì kẻ thích mình. Ta nhất định phải báo thù cho họ Trí Bá". Từ đó Dự Nhượng đã nghĩ ra nhiều cách để ám sát Triệu Tương Tử. Nhưng

muu sự của anh ta không được kín đáo, bị Triệu Tương Tử bắt được. Triệu Tương Tử cảm động về việc Dự Nhượng liều mình vì người chủ, không giết anh ta ngay, gọi anh ta lại để hỏi :

"Nhà ngươi trước đã lần lượt nương nhờ họ Phạm và họ Trung Hàng, hai người này trước sau đều bị Trí Bá tiêu diệt, ngươi vì sao không liều mạng báo thù cho hai người đó nhỉ ? Nay Trí Bá đã bị ta diệt, ngươi vì sao lại muốn vì hấn báo thù".

Dự Nhượng trả lời :

"Tôi đã làm môn hạ cho họ Phạm và họ Trung Hàng. Năng lực của tôi chỉ là người bình thường, họ cũng đối đãi với tôi theo hạng người thường, điều đó rất công bằng, không ai thiếu ai. Nhưng Trí Bá thì khác, tôi mặc dù chỉ có năng lực của người bình thường, ông ta trái lại đối đãi với tôi như một "Quốc sĩ", cho nên tôi phải báo thù cho ông ta theo cách xử thế của người "Quốc sĩ".

Triệu Tương Tử nghe xong than thở không thôi. Hỏi Dự Nhượng còn có yêu cầu gì không. Dự Nhượng nói :

"Bản thân tôi muu sự không được kín đáo, hôm nay rơi vào tay ngài, đó là ý trời. Tôi không xin ngài thả tôi ra, vì nếu như còn sống, nhiệm vụ duy nhất của tôi vẫn là muốn ám sát ngài".

Triệu Tương Tử im lặng không nói. Dự Nhượng muốn mượn cái áo của Triệu Tương Tử để mặc một lúc. Triệu Tương Tử hơi ngạc nhiên, nhưng vẫn cởi áo đưa cho anh ta.

Dự Nhượng tuốt kiếm ở tay, đâm mấy nhát vào cái áo của Triệu Tương Tử, trong miệng hô lớn : "Ta đã thay Trí Bá báo thù được rồi". Sau khi nói xong liền cầm ngang kiếm tự sát. Đó chính là câu chuyện nổi tiếng Dự Nhượng báo thù cho chủ.

Trong thời cổ đại Trung Quốc, sự tình thường đơn giản như vậy. Nhưng những đạo lý thì ẩn chứa sâu trong những sự việc ấy, tất muốn được sự thừa nhận của người khác. Trong xã hội hiện nay, cũng có những người tình nguyện làm tay chân phục vụ cho cấp trên khi người kia có thể thừa nhận năng lực của mình, nếu không thì cũng sẽ mưu tính ý đồ khác.

Ví dụ về Dự Nhượng là điển hình về sự cực đoan, nhưng chúng ta cũng thấy rằng anh ta muốn được người đời thừa nhận tình cảm của mình đối với chủ. Sách vở cổ ghi chép việc Dự Nhượng liều mình trả thù cho Trí Bá, trong "Hàn Phi tử" bình luận đánh giá cũng chẳng tốt đẹp gì : "Điều ham muốn quá nặng, sẽ dẫn đến mất nước, chết người". Có thể thấy Trí Bá là một người tham lam nhiều dục vọng, ông ta đấu tranh với những dòng họ quý tộc khác chẳng qua là để khuếch trương thế lực của mình. Cho nên về sau có người ca thán Dự Nhượng, vì con người như vậy mà hy sinh tính mạng bản thân thì thật không đáng giá.

41.

Lấy đức báo oán

Lấy đức báo oán là một loại hành động cao thượng, thực ra cũng là một loại trí tuệ. Chẳng trách người xưa đã nói : "Chịu thiệt là phúc" !

Hoàn cảnh đặc thù của thời kỳ Chiến quốc là hình thành loại thị hiếu lấy danh vọng làm chính trong quan hệ giữa người với người. Khi nghiên cứu xã hội của những vị giang hồ hiệp nghĩa, có khá nhiều điểm chung, đó đều là người có tài trong việc thu phục lòng người, không phải là việc làm của những kẻ thường dựa vào sự chuyên quyền và bạo lực trong vương triều phong kiến.

Đặc biệt giang hồ hiệp sĩ đều là những người trọng danh vọng. Thời kỳ Hán Vũ Đế có một vị đại hiệp là Quách Giải. Ông ta khi còn trẻ là người nóng nảy, hấp tấp, nhưng hào hiệp trượng nghĩa hơn người một bậc. Với sự từng trải càng tăng thì càng chín chắn thận trọng hơn, nhất là về mặt tu dưỡng cá tính. Những người mộ danh lần lượt nương nhờ, làm môn hạ của ông ta, người có vai vế các giới cũng nối tiếp nhau biểu thị ý kính trọng đối với ông ta, tình nguyện chủ động giúp đỡ ông ta giải quyết những vấn đề rắc rối, khó khăn. Có thể giành được sự tôn trọng của mọi người là vì ông ta có những đạo lý của mình.

Thanh danh Quách Giải rất lớn, khi ông ta đi trên đường, mọi người đều nhường đường để biểu thị ý kính

trọng. Có một lần, một người đàn ông xa lạ rõ ràng nhìn thấy Quách Giải đi về hướng của mình, người đó vẫn cứ nằm ở giữa đường, thò hai chân ra ý muốn để Quách Giải bước qua. Quách Giải tất nhiên không vui, ông ta dừng lại để người cùng đi hỏi tên họ của người đàn ông nọ. Người cùng đi với Quách Giải cho rằng Quách Giải nổi nóng, ra hiệu ngầm muốn giết người này, rút dao muốn hạ thủ.

Quách Giải thấy tình trạng đó vội vàng ngăn lại và nói : "Bị người coi thường, nhất định có nguyên nhân, cũng có thể là lỗi của ta, không nên tùy tiện đắc tội với người này, chúng ta quay lại thôi".

Sau khi quay trở lại, Quách Giải nghĩ ra được một cách. Ông ta đến gặp trưởng thôn và đưa ra một lời thỉnh cầu : "Về sau khi phải phục vụ binh dịch, mong ông xóa tên của anh ta trong sổ. Việc này quan hệ rất lớn đối với tôi, mong ông hết lòng giúp đỡ".

Kết quả trong mấy lần, nghĩa vụ binh dịch của người đàn ông nọ đều được miễn, anh ta cảm thấy không sao hiểu nổi. Đi hỏi trưởng thôn, không được kết quả. Về sau, khi đến lượt anh ta phục vụ binh dịch, lại được miễn, anh ta chỉ còn cách cẩn thận nhờ thôn trưởng dạy bảo, xin nói cho anh ta rõ. Trưởng thôn kéo dài mãi không được, đành phải kể sự thực việc Quách Giải nhờ vả ông ta cho người đàn ông này. Người đàn ông này quá bất ngờ, từ trong nội tâm cảm động sâu sắc.

Việc này cuối cùng được truyền ra ngoài, các hiệp khách trên chốn giang hồ càng thêm kính trọng Quách Giải.

Có một lần, người nọ ở Lạc Dương vì kết oán với người khác mà trong lòng phiền não. Nhiều lần cầu xin những vị nhân sĩ có danh vọng trong vùng ra mặt điều đình với đối phương, vẫn không xong. Về sau ông ta tìm đến môn hạ của Quách Giải, mời đến hòa giải mối ân oán này.

Quách Giải tiếp nhận lời thỉnh cầu, đích thân đến nhà đối thủ của người nhờ vả này, làm công tác thuyết phục, khó khăn lắm mới được người kia đồng ý hòa giải.

Theo quy luật thông thường, Quách Giải lúc này đã không phụ lòng người nhờ vả, hoàn thành nhiệm vụ hòa giải mối ân oán này, giữ được thể diện, có thể kết thúc được. Nhưng Quách Giải còn có nước cờ cao hơn người một bậc, có một phương pháp xử lý rất khéo léo. Sau khi tất cả đều được rõ ràng, ông ta nói với người kia :

"Việc này, nghe nói có khá nhiều người có danh vọng ở địa phương đã hòa giải qua mà không thể bàn bạc với nhau được. Lần này tôi rất may mắn, ông cũng giữ được thể diện cho tôi, để tôi kết thúc sự việc này. Tôi đồng thời với việc cảm tạ ông, cũng vì bản thân lo lắng, xét đến cùng tôi là người ở nơi khác đến, trong tình huống người địa phương ra mặt mà không giải quyết được, lại do tôi đến hoàn thành hòa giải thì không thể tránh được những người có danh vọng ở địa phương này sẽ cảm thấy mất mặt".

Quách Giải tiến thêm một bước nói :

"Việc này sẽ làm như vậy, mong ông lại giúp đỡ tôi một lần nữa, bề ngoài vẫn để mọi người cho rằng tôi ra mặt cũng không giải quyết được vấn đề. Đợi ngày mai tôi

rời khỏi đất này, mấy vị thân sĩ, hiệp khách ở địa phương vẫn sẽ đến cửa nhà ông, ông giữ thể diện cho họ, để cho họ hoàn thành hành động tốt đẹp này, xin nhờ giúp họ".

Kết quả của việc này khiến cho danh tiếng của Quách Giải càng cao lên rất nhiều. Theo lời bình luận đánh giá của "Sử ký", hai việc mà Quách Giải làm đã thuật ở trên, gọi là "Lấy đức báo oán". Không khoe khoang bản thân, trong những sự việc đã làm kết quả thu được gấp hai lần, đó thật là một kỹ xảo cao siêu.

42.

Dem công lao nhường cho thuộc hạ

Người cấp trên bình thường chỉ biết tham công, dùn đẩy sai lầm; người cấp trên sáng suốt sẽ làm ngược với điều đó.

Trương Thang là phó Tế tướng, thủ hạ của Hán Vũ Đế. Ông ta bắt đầu sự nghiệp là một vị quan địa phương, từng cấp, từng cấp được thăng lên, là một người đầu óc sáng suốt, làm việc có phương pháp.

Về mặt quan hệ giữa người với người ông ta có những kỹ xảo cao siêu hơn người một bậc. Đối với các trung thần trong triều, ông tự nhiên, cẩn thận, tôn trọng. Đối với những người không thích mình ông cũng không bao giờ biểu lộ ra ở lời nói. Vấn đề càng sáng suốt hơn là ông ta vẫn khéo léo nhường công lao cho thuộc hạ, lấy việc đó để thu phục lòng người.

Ví dụ như một án nọ, đúng ra là phải do Hoàng đế đích thân phê chuẩn mới có thể kết án, Trương Thang tự tiện đứng ra làm chủ. Hoàng đế gọi Trương Thang đến để trách tội, Trương Thang tất nhiên chỉ có nhận tội, và theo ý chỉ của Hoàng đế là xử lại. Thông thường sự tình đến thế là xong, nhưng ông Trương Thang này ngay cả đến cơ hội mình làm sai cũng có thể lợi dụng được một chút. Ông ta làm thế nào ?

Sau khi ông ta tạ tội nhận lỗi, lại bịa ra một người nọ trong đám thuộc hạ của mình rất có năng lực, Trương

Thang đã nói như sau : "Vừa rồi Hoàng đế chỉ trích việc này, người nọ đã nhắc nhở tôi, chủ trương nhất định phải xin Hoàng thượng đích thân phê duyệt sau đó mới được làm, nhưng thần không chịu tiếp nhận ý kiến của anh ta, mới có sai lầm ngày hôm nay".

Thật tuyệt vời, rõ ràng mình sai lầm, nhưng từ trong sự sai lầm đó tìm được một cơ hội khen ngợi người tâm phúc trước mặt Hoàng đế.

Trái lại, nhắc đến vụ án ở trên, khi đến chỗ nào ý kiến xử lý được Hoàng đế khen ngợi, ông ta lại bịa ra như sau : "Vụ án này không phải thần tự xử lý, là do người nọ làm việc từ đầu đến cuối, ý kiến của anh ta đã rất chín chắn, thần chỉ là sử dụng toàn bộ trình lên Hoàng thượng tham khảo mà thôi"...

Bất kể đúng hay sai, đều sáng tạo cơ hội cho thuộc hạ. Kỹ xảo của ông Trương Thang này đã đạt tới mức tuyệt đẹp.

Những hành vi của Trương Thang có tính chất lừa dối, không thể hoàn toàn bắt chước theo. Nhưng là một người lãnh đạo, hãy nương tay cho cấp dưới có nhiều cơ hội để phát huy tài năng sáng tạo, nhất định sẽ không nhầm. Tiến thêm một bước nữa, một việc nọ rõ ràng biết anh ta làm sẽ không thể tốt bằng mình, nhưng đợi anh ta làm xong sẽ lặng lẽ giúp anh ta hoàn thiện một chút, điều này chắc không phải là khó.

43.

Vì sao Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ

*Người được lòng người sẽ được thiên hạ,
người làm mất lòng người sẽ bị mất thiên
hạ. Từ xưa đến nay, không có việc gì lại
không như vậy !*

Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, quần chúng các nơi nổi lên, chống lại nền chính trị tàn bạo của nhà Tần. Sau một thời gian xã hội rối ren, hình thành cục diện giằng co giữa Lưu Bang và Hạng Vũ, gọi là thời kỳ "Hán - Sở tranh bá".

Thời kỳ đầu Hán, Sở giao chiến, Hạng Vũ luôn luôn có ưu thế áp đảo, Lưu Bang từng mấy lần bị Hạng Vũ đánh cho mệt mỏi và phải chạy trốn, bèo dạt mây trôi. Nhưng sau một, hai năm, quân lực của Lưu Bang dần dần được khôi phục, chiến đấu kịch liệt trong bốn năm, cuối cùng trong chiến dịch Cai Hạ đã ép Hạng Vũ phải tự vẫn ở sông Ô Giang, thành lập chính quyền Tây Hán thống nhất thiên hạ.

Lịch sử thời kỳ Hán - Sở tranh bá mặc dù thời gian không dài, nhưng đã lưu lại khá nhiều câu chuyện sinh động. Nếu như khảo sát lịch sử theo chiều dọc, vấn đề khiến mọi người phải đào sâu suy nghĩ là Lưu Bang làm thế nào mà từ yếu chuyển thành mạnh, Hạng Vũ làm sao mà từ cường thịnh dẫn đến suy vong, nguyên nhân chủ yếu trong thành công và thất bại của họ là gì ?

Lý do tất nhiên có rất nhiều, nhưng nguyên nhân chủ yếu có thể quy kết về sở trường và sở đoản trong việc thu phục lòng người, trước khi cục diện chiến tranh còn chưa được công bố, thực ra Hạng Vũ sớm đã bị thua Lưu Bang.

Sau khi Lưu Bang nắm quyền xưng Hoàng đế, vấn đề này đã có một sự phân tích khách quan : "Ta được thiên hạ, là nhờ có Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín. Năng lực của họ giỏi hơn ta, nhưng có thể để ta sử dụng, chính là ta đã phát huy đầy đủ tài năng của ba người này đánh bại Hạng Vũ. Hạng Vũ mặc dù có Phạm Tăng làm quân sư, nhưng Hạng Vũ khí lượng hẹp hòi, bướng bỉnh, tự cho là mình đúng, không thể lợi dụng đầy đủ Phạm Tăng, đó là nguyên nhân thất bại của ông ta".

Lưu Bang đối đãi với thủ hạ có hai đặc điểm : một là thuận theo việc thiện, nghe được những ý kiến bất đồng khác, thu nạp sở trường của người khác. Hai là coi nhẹ vật chất, toàn bộ chiến lợi phẩm đều chia cho thuộc hạ. Giống như trong các xí nghiệp ngày nay, lợi nhuận của công ty thưởng cho nhân viên. Lấy việc đó để thu phục lòng người, khiến thuộc hạ cảm tâm liêu chết vì mình.

Hạng Vũ ở hai điểm này đều trái ngược hẳn với Lưu Bang. Đầu tiên ông ta quá ư tự tin, nhất là trong những vấn đề quan trọng nhất đều không nghe theo ý kiến của Phạm Tăng. Bằng vào sự dũng mãnh của Hạng Vũ, cộng thêm ý kiến chính xác của Phạm Tăng, nếu như được tiếp nhận thì giai đoạn lịch sử này có thể sẽ được viết ngược lại; đáng tiếc Hạng Vũ không có việc làm như vậy. Điểm thứ hai là Hạng Vũ rất tham lam, những đồ vật quý hiếm

thu được sau những trận đánh, ông ta đều cầm trong tay ngấm ngấm, không cho người khác. Tình hình này khiến cho mấy viên chiến tướng thủ hạ của ông ta rất là bất mãn, dần dần có ý xa rời, có người còn dút khoát nường nhờ vào Lưu Bang. Sử chép sự keo kiệt của Hạng Vũ thậm chí rất đáng cười. Thuộc hạ lập được công lao, rõ ràng là việc phải chiếu theo công tích mà ban thưởng, ông ta ngay đến việc thăng cho người đó một cấp cũng đều suy đi tính lại, tăng thêm chức tước cho thuộc hạ tựa như mình sẽ mất đi một đồ vật gì. Những điều này biểu hiện sự thiếu phẩm chất để trở thành một bậc Đế vương.

Lưu Bang và Hạng Vũ về mặt thái độ đối đãi với thuộc hạ và đối xử với dân chúng cũng theo cách khác nhau. Khi Lưu Bang tấn công được thành Hàm Dương, tiếp thu ý kiến của Trương Lương, đem toàn bộ quân đội của mình triệt thoái ra ở Bá Thượng ngoài thành Hàm Dương. Hành động này rất sáng suốt. Trong cung Hàm Dương, vật báu chất thành núi, người đẹp nhiều như mây, những binh sĩ sau khi chinh phạt nhiều năm, lấy tư thế của người chiến thắng vào thành, rất khó chống lại những sự cám dỗ, rất dễ tạo thành kỷ luật quân đội lỏng lẻo, phát sinh những việc cướp bóc tài sản, gian dâm cung nữ, v.v... Nếu như vậy tất sẽ mất lòng dân.

Lưu Bang triệt thoái về Bá Thượng và công bố "Ba chương rút gọn pháp luật" nổi tiếng thiên hạ. Lưu Bang mời tới những vị nhân sĩ nổi tiếng các giới trong thành Hàm Dương :

"Mọi người đã phải sống đau khổ dưới ách thống trị hà khắc của Tần Vương, ai dám phê bình chính trị, sẽ bị mắc

hỏa chặt đầu. Ta cùng chư hầu giao ước, ai vào Quan Trung trước, người đó được làm Vương. (Bốn bên chung quanh Hàm Dương gọi là Quan Trung). Nay ta lấy thân phận là Quan Trung Vương, cam kết với các vị rút gọn pháp luật vào ba điều mà thôi : Kẻ giết người thì phải chết, người làm rối loạn trật tự, người trộm cắp tài sản sẽ bị nghiêm trị ! Pháp luật tàn bạo của nhà Tần trước đây từ bây giờ bắt đầu được phê bỏ hoàn toàn. Mọi người từ lúc này có thể sống an cư lạc nghiệp. Ta vào Quan Trung, là để trừ hại cho mọi người, và không có ác ý gì khác. Các vị có thể trở về sống yên vui, và thông báo điểm này cho trăm họ trong thành được biết".

Trăm họ theo truyền thống khi bị công phá thành trì, đều là dân phải theo hàng, đều là đối tượng bị kẻ thắng lợi chém giết sỉ nhục, nghe những lời nói này, chẳng trách sẽ hoan hô như sấm, cam tâm tiếp nhận kẻ thống trị mới Lưu Bang này.

Hạng Vũ lại rất không sáng suốt, ông ta biết quân đội của Lưu Bang đã hạ được Hàm Dương trước, không ngăn được sự thẹn quá hóa giận, bất chấp lời giao ước khi bắt đầu khởi sự, dẫn quân vào thành, cướp bóc rất nhiều, đốt cung thất, chia cung nữ. Dân chúng Hàm Dương so sánh giữa hai người đó, mọi người ủng hộ và phản đối người nào, chắc các bạn đã rõ.

44.

Đánh vào lòng người là thượng sách

Đánh thành không bằng đánh vào lòng người. Kẻ có thể đánh vào lòng người thì tất không cần tấn công cũng sẽ tự phá thành.

Danh tướng nước Thục một thời Gia Cát – Khổng Minh trong thời kỳ Tam quốc, nhận lời ký thác con côi của Lưu Bị đã dốc hết tinh lực một lòng khôi phục nhà Hán, mỗi ngày đều vạch kế hoạch làm thế nào để xuất quân Bắc phạt, thống nhất Trung Nguyên. Nhưng Khổng Minh có một nỗi lo phía sau lưng, trước khi Bắc phạt, đó là cần phải giải quyết tốt vấn đề người Tây Nam Di.

Tây Nam Di nói theo ngôn ngữ cổ chính là khu vực dân tộc thiểu số địa khu Tây Nam, lúc đó là một số bộ lạc chưa được khai hóa, thường xuyên xâm phạm quấy nhiễu đất Thục, là một việc làm cho Khổng Minh đau đầu. Không quét sạch mối lo phía sau này, ông ta không thể chuyên tâm Bắc phạt.

Vì việc này nên Khổng Minh tìm đến Tham quân Mã Tốc để trưng cầu ý kiến. Mã Tốc nói : "Man Di lấy địa thế hiểm yếu làm hậu thuẫn, cho nên về lâu dài không thuận phục chúng ta. Nếu bây giờ đánh bại được họ, họ sẽ thoái lui về những hang hốc ẩn tránh, ngày sau sẽ lại tới xâm phạm. Hiện nay Thừa tướng đang lúc vạch kế hoạch Bắc phạt, đại binh kéo đi, trong nước trống rỗng, Man tộc nhất

định sẽ tới quấy phá. Nếu như trừ trước mối lo sau lưng này, xuất quân chinh phạt, cho đến khi giết sạch họ, từ đó mà triệt cổ tận gốc, tất không nói đến việc tổn mất khá nhiều thời gian, mà còn không phải là hành động đáng làm của người nhân nghĩa. Do đó xem ra, biện pháp đối phó với Mạnh Di, không phải lấy quân đội để đánh quân đội, mà cần phải lấy tám lòng đánh vào tám lòng. Gọi là đánh vào lòng người là thượng sách, nghĩ ra được kế hoạch khiến cho họ tâm phục, có thể khiến cho Thục Hán ta trường kỳ hòa thuận với nước láng giềng mà không bị quấy nhiễu nữa".

Buổi nói chuyện này hợp với ý của Khổng Minh, lời của Mã Tham quân càng khẳng định tư tưởng chiến lược của ông.

Trước khi xuất chinh, Khổng Minh đem tư tưởng này nhiều lần giải thích với các chiến tướng dưới quyền, và nghiêm lệnh đối với thủ lĩnh quân phản loạn Mạnh Hoạch, chỉ được phép bắt sống, không được giết chết.

Khổng Minh đánh một trận dùng kế bắt sống Mạnh Hoạch, sau khi trối lòng liền đưa anh ta đi xem doanh trại của mình.

"Trận pháp của ta người đã lãnh giáo rồi, người thấy thế nào" ?

Mạnh Hoạch không phục :

"Tôi hiện nay đã biết trận pháp của ông, lần sau tôi nắm chắc sẽ đánh bại ông, có dám thả tôi về không" ?

Khổng Minh cười nói : "Được".

Cứ như vậy, Khổng Minh đối với Mạnh Hoạch bảy lần bắt bảy lần thả, khiến anh ta tâm phục khẩu phục, rất lấy

làm cảm động. Lần thứ bảy sau khi bắt Mạnh Hoạch lại muốn thả anh ta ra, Mạnh Hoạch nước mắt đầy mặt, quý mãi không dám đứng lên, biểu thị từ nay về sau nhất định quan hệ hữu hảo với Thục Hán, vĩnh viễn không dám xâm phạm.

Sau khi bình định phản loạn, về việc cai trị dân tộc khác, Khổng Minh còn có một nước cờ cao, gọi là "lấy Di trị Di". Ông cắt cử thủ lĩnh dân tộc thiểu số quản lý công việc của dân tộc đó, đưa toàn bộ quân đội viễn chinh trở về. Làm như vậy có thể giảm bớt khá nhiều tinh lực và sự phiền phức, then chốt là giành được sự yên tâm của dân tộc khác, căn bản thu phục được đối phương. Điều này cũng có thể coi là một ví dụ thành công trong việc thu phục lòng người.

45.

Sức mạnh của nhân cách

*Uy quyền đến từ sức mạnh của nhân cách.
Có sức mạnh của nhân cách, mặc dù
không có quyền nhưng tự uy. Mất đi nhân
cách, tất có quyền nhưng không có uy tín.*

Ở phần trên chuyên nói về các cách thu phục lòng người, và những ví dụ tiêu biểu về thành công hoặc thất bại, những cách làm ở phần trên nếu như có sai lầm thì rất dễ bị mọi người cho rằng đó là một trò đóng kịch.

Ví dụ như Ngô Khởi dùng miệng hút máu bắn ở cái nhọt mũi của người lính, là một loại hình thái thu phục lòng người ở mức độ thấp.

Chúng ta xem một số phim, có thấy những cảnh, ví dụ như một vị Tướng quân bụng phệ đến một phân đội thị sát, chỉnh đốn y phục cho một người lính, có thể véo mũi người lính này một cái và nói đùa : "Thằng tiểu quỷ này". Chúng ta là người xem, cảm thấy hành động này chỉ là giả dối. Nhận ra được hành động không thực này thì còn nói gì đến hiệu quả ?

Một điều không thể quên được và là điều cơ bản nhất, tức là sức mạnh của nhân cách. Điều này không cần phải nói, cũng không cần phải đóng trò, mà nó phải được thể hiện ở thái độ trong sinh hoạt hàng ngày của mình. Tất nhiên, năng lực cũng là một điều kiện tất yếu trong thuật

thu phục lòng người. Bất kể nhân cách cao thượng như thế nào, năng lực nếu như kém, thì cũng không đủ tư cách làm "Tướng" để chỉ huy cấp dưới. Trái lại, mặc dù có năng lực rất cao nhưng thiếu sức hấp dẫn nội tại trong quan hệ giữa người với người thì cũng không có cách nào nắm được trái tim của cấp dưới.

Như vậy, chúng ta thấy rõ hai điều kiện tất yếu : năng lực và sức hấp dẫn trong quan hệ giữa người với người. Năng lực là một khái niệm không cần phải bàn cãi. Sức hấp dẫn trong quan hệ giữa người với người lại đề cập đến nhiều mặt của một vấn đề, trong đó mặt quan trọng nhất vẫn là sức mạnh của nhân cách.

Nhân cách cao thượng thì thuộc hạ tâm phục, về thực tế là một sự thuyết phục có tính thường xuyên, một loại thuyết phục không cần lời nói. Trong thời đại tràn đầy ý thức tự tuyên truyền này, rất nhiều người đã không có tính nhẫn nại để chú ý tới loại thuyết phục đó. Quá hiện thực, tự nhiên, sẽ quá nông cạn.

Ví dụ như một sản phẩm, tuyên truyền là một vấn đề tất yếu, quan trọng nhất vẫn là phẩm chất, chất lượng. Không chú ý tới chất lượng sản phẩm, chỉ chú trọng tuyên truyền, cuối cùng chắc chắn sẽ thất bại. Còn chất lượng sản phẩm có tín nhiệm, không tuyên truyền hay ít tuyên truyền cũng sẽ được đông đảo người tiêu dùng chấp nhận, đó là loại thuyết phục chân chính, loại thuyết phục không cần lời nói.

"Sử ký - Lý tướng quân liệt truyện" dẫn câu ngôn ngữ dân gian : "Đào, mận không nói, rơi xuống đất tự nhiên

thành đường". Ý nói dào, mận không khoe khoang mùi thơm của nó, mọi người đều biết hoa đẹp quả ngọt, mọi người tự động đến để thưởng thức thì sẽ giẫm đạp tạo thành một con đường để tới. Ví dụ này muốn nói người có nhân cách cao thượng, không cần tự tuyên truyền, mọi người cũng sẽ tự động hâm mộ thanh danh mà đến.

Lý Quảng là danh tướng thủ hạ của Hán Vũ Đế, công lao và thành tích chủ yếu của ông là nhiều lần dẹp yên sự quấy rối của người Hung Nô ở biên thùy phía Bắc, nhiều lần lập kỳ công, được khen ngợi là "Tướng quân bay".

Mọi người thương hiểu theo những điều được tô vẽ tướng Lý Quảng nhà Hán là một nhân vật lịch sử với nhiều chiến công chói lọi, thực ra những việc mà ông gặp phải khác xa với sự hâm mộ của mọi người. Ông mặc dù nhiều lần lập được chiến công lớn, nhưng chức vị không được cao lắm, kết cục lại càng bị thâm : bằng thân phận của một vị lão tướng ông tham gia một lần viễn chinh cuối cùng trong sa mạc lớn bị lạc đường, không chịu được sự đả kích và lệnh trách m책 của triều đình, cuối cùng ông tự sát kết thúc cuộc sống của mình.

Lý Quảng tự sát, toàn quân khóc lóc thương tiếc, từ tướng lĩnh cho đến các binh sĩ, đều đau xót vì cái chết của lão tướng quân. Trăm họ nghe được tin này, cũng đều rơi nước mắt. Ông có thể được đông đảo mọi người nhớ thương như vậy, ngưỡng mộ như vậy, ngoại trừ việc ông có tài võ nghệ cao cường với những chiến tích chói lọi. Điều chủ yếu vẫn là tính tự tuân theo pháp luật và lòng tự trọng trong

phương diện làm người của ông mà đã được sự yêu mến của đồng đảo binh sĩ và trăm họ.

Căn cứ vào sự ghi chép thì Lý Quảng đối với tiền bạc rất coi thường, những tài vật được Hoàng đế phong tặng, ban thưởng đều chia cho cấp dưới, việc ăn uống của bản thân cũng giống như binh sĩ. Trong khoảng thời gian hơn 40 năm phục vụ quên mình cho Hoàng đế đến tận khi chết, luôn luôn được hưởng bổng lộc, nhưng cảnh nhà chẳng giàu có gì, không mưu cầu đầy đủ về vật chất. Trên đường hành quân trong sa mạc lớn, khi gặp nước suối, nhất định đợi binh sĩ uống xong ông mới chịu uống.

Đồng僚 từng phê bình ông : kỷ luật quân đội lỏng lẻo, nếu như trong lúc không đề ý bị quân địch tập kích thì không chịu nổi một trận đánh. Nhưng các binh sĩ lại đồng thanh nói, vì Lý Quảng, họ có chết cũng không oán. Có thể thấy các thuộc hạ ngưỡng mộ Lý Quảng từ mặt tâm lý, trong giờ phút then chốt có thể họ sẽ tự liều chết để chiến đấu.

Tư Mã Thiên trong đoạn cuối cùng "Lý tướng quân liệt truyện" nói : "Chỉ cần ông ngồi thẳng, không phát mệnh lệnh cũng khiến mọi người phục tùng. Nếu như ngồi không thẳng, dù có phát ra mệnh lệnh cũng không có ai theo".

Một điều tinh tế là, Tư Mã Thiên còn ghi lại Lý Quảng vốn là một người nói năng vụng về, ít nói, tướng mạo cũng không oai võ lắm, trông giống như một người nhà quê.

Một người giống như người nhà quê, sáng tạo được bao nhiêu kỳ tích như vậy, được sự ủng hộ tôn sùng của biết

bao nhiêu người, nguyên nhân cơ bản nhất là ông đã bằng hành động thực tiễn tuyên truyền tốt nhất cho bản thân, một loại thuyết phục không cần lời nói.

Loại thuyết phục không cần lời nói là tinh hoa của thuật thu phục lòng người. Không dùng những kỹ xảo thủ đoạn, bằng sức mạnh của nhân cách cảm rẽ vào lòng tin của mọi người.

46.

Nạn lớn sắp giáng xuống đầu vẫn bình tĩnh như không

Trong những chính trị gia, đưa thuật tung hoành không cần lời nói vận dụng thành công, để đạt được hiệu quả chinh phục đối phương, Tể tướng Đông Tấn là Tạ An là một người đã làm được như vậy.

Lúc đó miền Bắc Trung Quốc đang ở trong thời kỳ lịch sử hỗn loạn, các triều vua thay nhau phế lập nhiều lần, gọi là "Ngũ Hồ thập lục quốc", các nước chém giết lẫn nhau, cuộc sống nhân dân rất không ổn định.

Trái ngược với tình hình chiến loạn của các dân tộc khác ở miền Bắc, vương triều Đông Tấn của dân tộc Nam Hán ở lưu vực sông Trường Giang, lại duy trì được tình hình tương đối ổn định.

Tạ An xuất thân trong một gia đình quý tộc, lại có tính tình tao nhã và sự tu dưỡng về học vấn, sống một cuộc sống sung túc thanh nhàn, được mọi người ngưỡng mộ. Người này có một số tính siêu phàm thoát tục, do đó mà thanh danh càng ngày càng cao.

Khi sự uy hiếp của các dân tộc khác từng bước lại gần, khá nhiều người có địa vị đều nỗ lực chủ trương mời Tạ An ra mặt chủ trì việc triều chính, phò tá vương triều. Tạ An cuối cùng ra làm quan.

Khi ông đảm nhiệm chức vụ Tể tướng, hoàn cảnh thật không hay, lúc đó sự uy hiếp lớn nhất là thế lực của các

dân tộc khác ở miền Bắc dần dần lớn mạnh, đã có thể xâm chiếm miền Nam. Lúc này đảm nhiệm chức vụ Tể tướng là một công việc có trách nhiệm nặng nề, nhiệm vụ quan trọng đầu tiên là phòng chống, ngăn cản sự xâm phạm của các dân tộc khác ở miền Bắc.

Tạ An vốn là một quan văn, đọc nhiều thi thư, cũng có không ít tác phẩm đã ấn bản, nhưng ông không biết đánh trận, ra trận chém giết không phải là sở trường của ông. Vấn đề là người làm quan chỉ huy quân sự cao nhất, Tạ An lại có một hành động ngoài ý nghĩ của mọi người, ông tiến cử cháu ruột của mình là Tạ Huyền. Sự thực về sau cũng chứng tỏ Tạ An không phải là người có lòng riêng, biết người để trao việc có thể làm được, việc tiến cử người hiền tài không tránh người thân, là một sự thăng hoa trong chế độ dùng người.

Không lâu, đại quân Tiền Tần trên danh nghĩa là một trăm vạn tấn công Đông Tấn. Lúc đó binh lực đầy đủ của Đông Tấn có thể ở tuyến trước chống địch có không quá tám vạn. Hai bên so sánh, lực lượng chênh lệch với khoảng cách rất lớn. Trong triều đình và ngoài dân dã lòng người trên dưới lo sợ không yên, Tạ Huyền là chỉ huy quân sự cao nhất tất nhiên biết trách nhiệm rất lớn, cũng bị áp lực rất mạnh. Lúc đó, người có thể duy trì được thái độ bình tĩnh duy nhất chỉ có Tạ An, người đang nắm quyền chính trị trong triều.

Tạ Huyền trước khi xuất quân, đi đến chỗ chú ruột từ biệt và nghe dạy bảo. Tạ An thái độ vẫn không lo lắng gì, giống như ngày bình thường, còn nói những lời không vào

vấn đề chính, như hỏi một số việc về sự ăn uống, nhà cửa của Tạ Huyền. Tạ Huyền có điều không hiểu, hơn nữa còn có một số vấn đề về phương án chiến lược quan trọng cần hỏi chú. Tạ An bề ngoài bình thản, chỉ nói đúng một câu : "Cách nghĩ của cháu ta đã biết rồi".

Tạ Huyền từ biệt chú trở về, trong lòng vẫn còn rất kinh ngạc. Liền sai thủ hạ đi điều tra xem, lựa cơ hội để hỏi. Người thủ hạ trở về báo cáo nói Tạ An hiện đang ở vườn hoa sau nhà uống rượu với bạn bè. Tạ Huyền đích thân đi tới vườn hoa sau nhà, vừa muốn mở miệng, người chú đã kéo anh ta ngồi xuống, ấn mạnh xuống ghế, luôn mồm nói muốn cùng anh ta đánh cờ vây, và lấy vườn hoa này để đặt cược, nhất quyết một phen cao thấp với người cháu.

Tạ An trước cơn quốc nạn, vẫn còn phóng túng như vậy, thực ra đó là một chiến thuật ẩn giấu không để lộ ra. Cuộc chiến tranh này lực lượng chênh lệch rất lớn, làm thế nào để giành phần thắng, Tạ An quả thực trong lòng chưa tính toán kỹ được, Tạ Huyền cũng không hiểu, Tạ An làm gì có cơ sở để nắm chắc thành công ? Lúc này nếu như nói thẳng nỗi lo lắng trong lòng mình, chỉ có thể làm tăng nặng áp lực hơn nữa đối với Tạ Huyền, không có ích gì cho công việc. Không bằng giống như Gia Cát - Khổng Minh, bày "không thành kê" duy trì tình trạng ổn định, không để cho cấp dưới phát giác ra được sự lo nghĩ của ông, trái lại có thể làm cho những tướng sĩ nơi tiền tuyến và những đại thần trong triều bình tĩnh lại để nghiên cứu vấn đề. Đến mức ông ta tránh không nói đến vấn đề chính, chỉ nói mỗi

một câu : "Cách suy nghĩ của cháu ta cũng biết rồi", suy nghĩ kỹ, là một loại ra hiệu ngầm về mặt tâm lý rất mạnh.

Câu nói đó có thể hiểu là : Cách nghĩ của cháu ta đều đồng ý, không có bổ sung, cứ mạnh dạn làm đi. Hoặc là : đánh trận là bản lĩnh của cháu, ta không can dự. Tóm lại, tràn đầy sự hiểu biết và tin tưởng. Lại không có câu thứ hai, nói ít hơn nói nhiều, không nói hơn có nói.

Chắc rằng việc làm đặc sắc này đối với việc ổn định tinh thần của Tạ Huyền, để anh ta rộng chân rộng tay thi thố mưu kế bước đầu có tác dụng về mặt tâm lý. Còn kết quả cuộc chiến sau này thì không cần phải nhắc lại, bước vào trận đánh nổi tiếng trong lịch sử "Trận chiến Phi Thủy", Tạ Huyền đánh cho Tiền Tần đại bại, là một ví dụ điển hình về việc lấy ít thắng nhiều nổi danh trong lịch sử quân sự cổ đại Trung Quốc.

Về sau, tin tức đại thắng từ tiền phương được truyền về, ngựa nhanh báo tin tới Tạ An, ông vẫn còn đang đánh cờ với bạn bè, xem qua tin thắng trận, lại nhẹ nhàng đặt xuống, tiếp tục đánh cờ, sắc mặt không biến đổi rõ rệt. Người bạn hỏi đã xảy ra chuyện gì, Tạ An bình tĩnh nói : "Cháu tôi đã đánh bại quân địch rồi". Chỉ trả lời đơn giản như vậy.

Quan sát hai lần trước và sau chiến trận, Tạ An là người mừng, giận không lộ ra sắc mặt, khó khăn trước mắt vẫn bình tĩnh như không, dùng thái độ trầm tĩnh này tạo thành ảnh hưởng tâm lý tích cực đối với đối

tượng, hạn chế đến mức thấp nhất sự dao động tình thần, giúp đỡ mọi người đầu tiên đánh thắng trận về mặt tâm lý.

Có người bình luận nói, đầu nguồn thắng lợi của "Trận chiến Phì Thủy" chính là từ tâm lý làm trận không loạn của Tạ An, điều này cũng không phải là quá đáng.

47.

Lời nói của việc không nói

Lời nói của việc không nói là một loại thao lược và ý cảnh rất sâu sắc. Không thể truyền bằng lời nói, chỉ có thể hiểu bằng ý.

Mọi người đều biết "Trang Tử" là người có những sáng tác tiên phong trong việc sưu tập thành sách về đạo gia, trong đó nói khá nhiều về đạo lý.

Trong tập sách "Trang Tử" cũng có những chương chuyên nói về thuật tung hoành không cần lời nói. Trong thiên Tử Vô Quỷ ghi chép lại một đoạn câu chuyện ở nước Sở khi Khổng Tử đi chu du các nước. Sở Vương nghe nói Khổng Tử đến, bày tiệc khoản đãi, Tể tướng Tôn Thúc Ngao, người hiền tài như Thị Nam Nghi Liêu, v.v... cùng dự tiệc.

Sở Vương nói :

- Ngưỡng mộ tiên sinh đã lâu, hôm nay được thấy tôn nhan, xin dốc lòng chỉ giáo ta.

Khổng Tử nói :

- Tôi từng chuyên nghiên cứu qua môn học vấn "Lời nói của việc không nói", chẳng qua vẫn chưa nhắc đến đối với người khác, hôm nay có sự cảm động về sự tích của mấy vị quan cấp dưới bên mình Đại vương, tưởng muốn nói một chút về đề tài này.

Khổng Tử lại nói những lời dưới đây :

- Thị Nam Nghi Liễu tiên sinh có mặt ở đây, khi Bạch Công Thắng mưu phản, sứ giả của Bạch đến nhà mời ông ấy nhập bọn, Thị Nam tiên sinh vừa bình tĩnh chơi bóng ném, vừa không khách sáo đuổi sứ giả đi, khiến cho người già của hai nhà Từ Tây, Từ Kỳ tránh được tai nạn. Lại giống như Tôn Thúc Ngao tiên sinh, nằm ở trên giường thoải mái, nhẹ nhàng hưởng thụ âm nhạc, trái lại đã nghĩ ra được mưu sâu kế hay để đánh lui kẻ địch bên ngoài, khiến cho hàng vạn người nước Sở sống cuộc đời an cư lạc nghiệp. Những mưu kế về hai vị ở trên chính là những ví dụ điển hình về "Lời nói của việc không nói", khiến mọi người rất khâm phục.

Đoạn ghi chép này có chân thực hay không, có người từng rất nghi ngờ. Nhìn từ hoàn cảnh, Khổng Tử ngay trước mặt Sở Vương khen ngợi hai vị trọng thần bên mình ông ta, tỏ ra rất là a dua siểm nịnh, tựa như không hợp với chuẩn mực làm người từ trước đến nay của Khổng Tử.

Rất nhiều câu chuyện trong cuốn sách "Trang Tử" này đều tựa như ngụ ngôn, những nhân vật trong sách không nhất định quả thật có người ấy, không nhất định phù hợp với lịch sử. Khổng Tử có loại tư tưởng này hay không, thực ra cũng là một điều nghi vấn. Ở đây thường đưa Khổng Tử lên sân khấu, mượn miệng của Khổng Tử để nói khá nhiều tư tưởng của Lão Tử, Trang Tử, sợ rằng có mục đích của nó, hoặc là có những điều cần giấu giếm khó nói. Tóm lại, ông ta (Khổng Tử) chỉ là người phục vụ cho việc sáng lập và lưu truyền tư tưởng của Lão Tử, Mạnh Tử.

Nói đến thuật tung hoành không cần lời nói, trong "Trang Tử" có một đoạn câu chuyện rất thú vị :

Trước đây có một bậc thầy đấu gà chọi, tên là Kỷ Khiết Tử, là một người trong nghề đấu gà chọi thịnh hành thời đó. Mọi người rất khâm phục bản lĩnh huấn luyện gà chọi của anh ta.

Chu Tuyên Vương là một người ham hưởng lạc, ông ta gọi Kỷ Khiết Tử tới, lệnh cho anh ta phải huấn luyện cho mình một con gà chọi có thể chiến thắng mọi đối thủ.

Sau mười ngày, Tuyên Vương đã không đợi được nữa, trực tiếp tìm đến nhà anh ta thúc giục :

- Gà của ta thế nào rồi, có thể đấu được chưa ?

Kỷ Khiết Tử nói :

- Còn chưa được, gà của ngài tuy rất oai hùng, nhưng còn hay đá hụt, tự cho là mạnh.

Qua mười ngày, Tuyên Vương lại đến. Kỷ Khiết Tử nói :

Vẫn chưa được, nghe thấy âm thanh đã đứng thủ thế.

Lại mười ngày sau, Kỷ Khiết Tử chủ động đi tìm Tuyên Vương :

- Đại vương có thể lấy gà của mình về. Gà khác kêu một tiếng, gà của ngài sẽ không có một phản ứng gì. Chỉ từ một nơi hơi xa một chút nhìn lại, con gà của ngài giống như làm bằng gỗ, điều này tỏ rõ con gà của ngài đã huấn luyện đạt hiệu quả rồi. Gà như thế này là đánh đâu thắng đấy.

Kỷ Khiết Tử dùng phương pháp gì để huấn luyện là công việc của bậc thầy đấu gà. "Trang Tử" ghi chép câu chuyện này tựa như là một truyện ngụ ngôn, ý đồ ví dụ về việc để nói về người, tất là một vấn đề mà sau khi đọc qua, bạn sẽ dần dần hiểu ra.

48.

Rất khôn, giả vờ ngu

Cái cực khéo ở chỗ vụng về, giấu sự cực khôn ở việc ngu xuẩn, đời người mà tu luyện được như vậy, có thể nói tài nghệ đã đến mức tuyệt đỉnh rồi đó !

Thời kỳ Chiến quốc, tư tưởng rất linh hoạt, bách gia chư tử nổi dậy rất nhiều. Trong số đó có một vị chủ trương chuyên môn theo quan điểm của chủ nghĩa lợi kỷ, là nhà tư tưởng tên gọi Dương Tử.

Một ngày họ Dương Tử có vấn đề muốn xin Lão Tử chỉ bảo. Được biết Lão Tử vừa đi du lịch nước Tần, ông ta vì muốn tỏ rõ thành ý của mình, liền tới ở Đại Lương là nơi trên đường về Lão Tử nhất định phải đi qua, đợi ở đó. Cuối cùng Dương Tử đã đợi được Lão Tử.

Bất kể là Dương Tử có khiêm tốn hay không khi đến xin chỉ giáo, sau khi gặp mặt Lão Tử nói thẳng với ông ta :

- Trước đây ta cho rằng ông còn đáng được gặp mặt, không ngờ hôm nay gặp mặt, ta lại không muốn nhìn thấy ông.

Lão Tử nói xong lắc đầu đi liền, không giữ cho ông ta một chút thể diện nào cả. Dương Tử cực kỳ hổ thẹn, nhưng quyết tâm đã định, liền lạng lẹ đi theo sau Lão Tử, không nói một lời, theo luôn đến chỗ ở của Lão Tử. Sau khi vào nhà, lại quỳ xuống xin chỉ giáo. Dương Tử chân thành nói :

- Tiên sinh khi ở Đại Lương nói mấy câu, thật sự là những lời răn dạy mà Dương mõ bình sinh chưa gặp qua. Càng như thế, càng xin tiên sinh thẳng thắn nói hết.

Lão Tử rất cảm động về thái độ của ông ta, chân thực nói ra cách nghĩ của mình :

- Được rồi ! Vậy thì ta nói cho ông, thực ra những lời tôi nói chỉ có một câu : Ông cần phải giả vờ ngu xuẩn một chút mới thích hợp.

Lão Tử nói xong liền không nói nữa. Dương Tử nghe xong câu nói này quả thực là những lời vàng ngọc, khi hiểu ra khiếm: ông ta cảm nhận được những điều cực kỳ thâm thúy trong lời nói đó.

Sau khi từ biệt Lão Tử, về mặt xử thế với người khác Dương Tử đã thay đổi hoàn toàn. Lúc đầu ông ta đến Đại Lương, rất tự cao tự đại, kiêu ngạo vì coi mình là một trong những nhà tư tưởng lớn, giống như một nhân vật lớn. Những người trong khách sạn đều nhún nhường ông ta. Chủ quán vâng dạ lấy lòng, khi nói không dám ngắt đầu, người làm trong quán đưa nước rửa chân vào phòng, khi ông ta đi ăn cơm người khác lập tức nhường chỗ ngồi.

Tất cả những hư vinh đó, hôm nay hồi tưởng lại, Dương tử cũng cảm thấy đáng cười. Lão Tử bảo ông ta biến đổi cái ngu đi một chút, là đánh trúng chỗ hiểm của ông ta, lần đi này thu hoạch không nhỏ. Từ đó, Dương Tử hoàn toàn biến thành một người khác.

Theo sự ghi chép của sử sách, Lão Tử là một người rất không khách sáo như trên đã nói ông ta đã giáo huấn

Dương Tử như thế nào, ông ta khi mới gặp Khổng Tử cũng là như vậy, đó là một việc làm ít thấy ở thời Khổng Tử.

Lão Tử nói với Khổng Tử :

- Một nhân vật ưu tú, tất nhiên phải có đức hạnh cao hơn người khác. Nhưng vì ông ta là một người ưu tú chân chính, cho nên thường thường là ẩn giấu mà không lộ ra, không nong nổi mà thể hiện ra ngoài, nên thường bị mọi người cho là ngu xuẩn. Tôi hôm nay gặp ông rất muốn nói một số lời, tôi xem ông là người có thái độ kiêu ngạo, trên nét mặt tràn đầy cá tính kiên trì, hơn nữa tầm mắt ông chỉ nhìn người trên, không nhìn người dưới. Thực tế ông vẫn là một người nhiều ham muốn...

Những lời phê bình này thật là sắc bén. Cũng chỉ có Lão Tử, con người có lối tư duy cực cao, coi thường danh lợi, mới dám giáo huấn Khổng Tử, mới có sự quan sát độc đáo như vậy.

Lão Tử còn có một đoạn nghị luận tuyệt vời, ghi lại như sau để bạn đọc tự mình suy ngẫm :

"Dưới sự lãnh đạo của một ông Vua sáng suốt, bần dân hãy quên đi sự tồn tại của vị Vua đó. Dưới sự lãnh đạo của một vị Vua kém hơn một bậc, bần dân vì hâm mộ nhà Vua mà ca tụng Vua. Dưới sự lãnh đạo của một vị Vua kém hơn hai bậc, bần dân đều sợ hãi nhà Vua. Dưới sự lãnh đạo của một vị Vua cực xấu, tình cảm của người dân chỉ còn lại sự khinh miệt" !

49.

Đạo lý quan sát người của Khổng Tử

Nghe lời nói, xem xét sắc mặt, quan sát hành động, đó là những điểm cốt lõi trong phương pháp quan sát người của Khổng Tử.

"Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng", nguyên là một câu danh ngôn của binh pháp luận về chiến tranh của Tôn Tử.

Trong thời đại hiện nay, câu nói này được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực sinh hoạt xã hội, đặc biệt trong những công việc cần kỹ xảo, như nghiên cứu giao thiệp, thuyết phục, v.v... Câu nói này quả thực có sức xuyên thấu qua không gian và thời gian trong hai ngàn năm lịch sử. Ở đây vẫn là việc quay đầu lại để nói chuyện người xưa.

Khổng Tử, Mạnh Tử, từ trong văn học cổ đại lưu truyền lại, có thể tìm thấy được một số kiến giải và phương pháp độc đáo của họ trong quan hệ qua lại giữa người với người.

Về phương pháp quan sát đối với mọi người, hai vị hiền triết thời xưa tựa như có điểm khác nhau. Khổng Tử chủ trương xem hành vi của người khác làm cơ sở phán đoán. Mạnh Tử lại chú trọng xem cặp mắt của họ để phán đoán, gọi là quan sát sắc mặt.

Đại ý của Mạnh Tử là, quan sát thái độ làm người của một con người không chính xác bằng xem con người của

người đó, con người của mỗi con người đều không có cách nào che giấu được sự tà ác bên trong. Một con người "có lòng chính trực" thì con người nhất định rất sáng, lòng tà ác thì mất không sáng, mà đục. Bất kể đối phương nghĩ hết mọi cách để che giấu, chỉ cần khi mặt đối mặt nói chuyện, nhìn thẳng vào mắt, anh ta sẽ không có cách nào che giấu được sự tà ác ở trong tim.

"Quan sát thái độ làm người của một con người, cần phải chú ý cặp mắt của anh ta", có thể nói là một phương pháp quan sát độc đáo theo kiểu Mạnh Tử, hình thành sau nhiều năm du thuyết vất vả. Loại phương pháp này tự có lý lẽ của nó, nhưng cặp mắt của người quan sát khi đã có thể xuyên thấu tâm lý của người khác thì không phải là một công việc trong một sớm một chiều, điều này phải được rèn luyện trong một thời gian dài, có sự lịch duyệt nhân sinh phong phú mới có thể làm được.

Nghe nói, người luật sư sắc sảo đều rất giỏi việc quan sát này, trong cảm giác lần đầu tiên khi tiếp xúc với một người khác, thường thường có từ thần sắc cặp mắt đối phương có thể nhìn thấu suốt việc thật hay giả. Loại phán đoán trực quan này, cần phải có công lực thâm hậu. Sự tình xem ra tựa như đơn giản, thì càng phức tạp, đạo lý là ở đó.

Phương pháp quan sát do Khổng Tử chủ trương là xem xét hành vi của người đó.

Quan điểm của ông ta và Mạnh Tử về mặt chính yếu có khác nhau, nhưng không phản đối hoặc bỏ qua cách làm

"Quan sát lời nói, xem xét sắc mặt". Trong sách "Luận ngữ" cũng nói qua, nếu như không biết đối phương đang nói cái gì, thì sẽ không biết đối phương là nhân vật loại nào. Cũng có thể nói Khổng Tử coi trọng "Nghe người khác nói chuyện".

Khổng Tử khi so sánh "lời nói" và "hành động" thì trọng điểm của ông ta là đặt vào "hành động". "Luận ngữ" có ghi lại những lời dưới đây :

"Mồm miệng vui vẻ lanh lẹ của người quân tử không bằng sự chắc chắn của hành động".

"Quân tử cần phải lấy việc hành động chậm chạp hơn lời nói, là sự si nhục".

"Luận ngữ" còn ghi chép, trong số đệ tử của Khổng Tử có một người tên là Tề Ngã, anh ta là một người rất giỏi biện luận, Khổng Tử có ác cảm với loại người này. Có một lần Khổng Tử nói với Tề Ngã :

- Ta từ trước cho rằng người nói được thì có thể tín nhiệm được. Nhưng hiện nay trái lại, cho rằng chỉ có thể nói được, nhưng không biểu hiện được bằng hành động, ta sẽ rất không yên tâm. Người khiến ta thay đổi cách nhìn của mình, chính là ngươi !

Khổng, Mạnh đều là những học giả cao thâm, đều có qua sự lịch duyệt nhân sinh khôn khổ và kéo dài, tin tưởng rằng cách nhìn nhận của họ đều tự có lý lẽ của nó. Khổng Tử, Mạnh Tử để thực hiện tư tưởng chính trị của mình, đã cố gắng quá nửa đời người trong việc đi du thuyết, mà xét đến cùng những chuyến đi của họ đều là

những kinh nghiệm nhân sinh gian khổ. Tổng hợp một chút phương pháp của họ, điều được nhấn mạnh là ba điểm dưới đây :

1. Quan sát cặp mắt của đối phương;
2. Phân tích lời nói của đối phương;
3. Điều tra hành vi của đối phương.

50.

Phương pháp giám định nhân tài

Giám định nhân tài, dù rằng trong thời kỳ Chiến quốc các kẻ sĩ tùy ý hoạt động tung hoành, nhưng tiêu chuẩn tuyển chọn đầu tiên vẫn là đức.

Thời loạn Chiến quốc, còn có một nhà tư tưởng lớn Mặc Tử chủ trương "Kiêm Ái", về mặt phương pháp đánh giá người có điều tương tự với Khổng Tử : quan sát hành vi của anh, kiểm tra xem động cơ và mục đích của hành vi đó.

Lỗ Vương từng xin Mặc Tử chỉ dạy :

– Ta có hai con trai, một đứa thích đọc sách, một đứa thích bố thí, trong hai đứa đó, ai có thể lập làm Thái tử ?

Mặc Tử trả lời :

– Chỉ có nói như vậy, tôi không thể trả lời được. Thích đọc sách, hoặc thích bố thí, đều là những hành vi tốt. Nhưng có rất nhiều khả năng họ đóng kịch vì một lợi ích được che giấu bí mật nào đó hoặc sự cần thiết phải làm như vậy. Cho nên Đại vương muốn lập Thái tử, cần phải khảo sát xem họ làm như vậy vì cái gì, mục đích ở đâu ? Điều này rõ rồi, tiếp theo ngài nên lập ai làm Thái tử thì không cần phải trưng cầu ý kiến của người khác nữa.

Ý kiến của Mạnh Tử về vấn đề này cũng giống như vậy. Tề Tuyên Vương xin ông chỉ giáo về phương pháp giám định nhân tài, Mạnh Tử nói :

- Những người thân cận bên mình Đại vương mà tiến cử nhân tài thì không thể dựa vào họ được. Những người do các vị đại thần tiến cử cũng phải suy nghĩ kỹ. Nếu như người dân ở tầng lớp thấp phản ánh những người tài giỏi, lại trải qua sự quan sát của ngài thì thu dùng sẽ không bị sai lầm.

Còn có một vị Tể tướng Thái Công Vọng (Lã Vọng) của Chu Văn Vương. Có một hôm Văn Vương hỏi Thái Công :

- Nhân tài như thế nào có thể thu dùng ?

Thái Công trả lời :

- Nếu như lấy sự đánh giá của người khác làm cơ sở, tất nhiên người có nhiều đồng đảng là có lợi nhất, người có ít đồng đảng sẽ bất lợi. Người xấu thường sẽ kết bè kết đảng để cản trở những nhân tài ưu tú được chọn dùng, mong ngài suy nghĩ kỹ.

Trả lời vấn đề này, quan điểm chính xác nhất, có lý nhất phải kể tới Lý Khắc. Lý Khắc là người đi tiên phong của pháp gia, từng làm quan Tể tướng của Ngụy Văn Vương, là một con người rất chịu khó trong việc dùng pháp trị đổi mới chính trị, là một nhà chính trị cực kỳ thực tế.

Lý Khắc khi còn làm cố vấn chính trị cho Ngụy Văn Vương, có lần Văn Vương hỏi ý kiến ông về việc chọn người làm Tể tướng. Lúc đó trong số các đại thần có tiếng nhất phải kể đến Ngụy Thành Tử và Trạch Hoàng, hai người này đều là trọng thần của Văn Vương, tài năng và học vấn đều giỏi, rất khó phân cao thấp. Ngụy Văn Vương với việc lựa chọn này cũng không có chủ ý rõ rệt, ai có thể đảm

nhệm chức vụ Tế tướng đây ? Ông ta trong lòng lo lắng, cho nên mới hỏi ý kiến của cố vấn. Lý Khắc đối với vấn đề này không trả lời thẳng. A hơn B, hoặc B hơn A, nói như vậy sợ rằng hơi phiến diện, hoặc có thể bị hiểu nhầm rằng ông thiên vị người này hay người kia.

Sau khi thận trọng suy nghĩ, ông đề xuất năm điều kiện để giám định nhân tài :

1. Khi không có cơ hội, thân với ai nhất ?
2. Khi giàu có, cho ai nhiều nhất ?
3. Khi ở địa vị cao, thu dụng người nào ?
4. Khi bị rơi vào cảnh khốn quẫn, có giữ được kỷ cương hay không ?
5. Khi ở trong cảnh thiếu thốn, có tham lam thủ đoạn gì không ?

Năm điều kiện nói trên của Lý Khắc, đều không nhằm vào tài năng và học vấn mà những điều bàn đến đều là tư chất của con người.

Kết quả Ngụy Văn Vương quyết định chọn Ngụy Thành Tử làm Tế tướng.

Năm điều kiện của Lý Khắc được Văn Vương áp dụng để so đo về bản thân hai người tranh cử. Ở điều kiện thứ 3 phát hiện sự khác nhau, tức là "khi ở địa vị cao, thu dụng người nào".

Nhân tài do Trạch Hoàng tiến cử, đều là thuộc hạ của Vũ Vương, địa vị thấp hơn so với Trạch Hoàng, ví dụ như Ngô Khởi, Tây Môn Báo, Nhạc Dương. Còn những người

mà Ngụy Thành Tử đều là những bậc thầy mà Văn Vương ngưỡng mộ, như Tử Hạ, Điền Tử Phương, Đoạn Can Mộc, v.v... thanh danh đều ở trên Ngụy Thành Tử.

Những nhân tài mà Trạch Hoàng tiến cử mặc dù cũng đều rất khá, đều làm được những việc tài giỏi, nhưng nếu so với Ngụy Thành Tử, sự sai khác khéo léo về mặt tâm lý vẫn còn kém một bậc, cuối cùng bị Ngụy Văn Vương thông minh phát giác được.

51.

Mạnh Thường Quân và Thân Bất Hại - Làm thế nào để quan sát sắc mặt và lời nói ?

*Trong thời cổ đại Trung Quốc, quan sát
sắc mặt và lời nói là một loại thủ đoạn
sáng suốt để giữ mình.*

Mạnh Thường Quân ở phần trên chúng ta đã nói đến, ông ta quả là một nhân vật khá phức tạp. Bản thân là trọng thần trong triều đình, đặc biệt ông ta lại là thành viên trong gia tộc nhà vua, ví dụ như ông ta phò tá Tề Mẫn Vương, chính là anh em cùng cha khác mẹ của ông ta.

Người ngoài nhìn vào, Mạnh Thường Quân là Hoàng thân quốc thích, thực ra bản thân ông ta hiểu rất rõ, loại thân phận này và quan hệ thân tộc thường thường là một vấn đề rất nguy hiểm.

Xưa nay đều như vậy, vua chính là vua, thần chính là thần (bể tôi). Mặc dù Mẫn Vương là một vị vua bình thường, nhưng trong lòng Mạnh Thường Quân lúc nào cũng nhắc nhở mình, tuyệt đối không vượt qua lễ nghĩa vua, tôi.

Mạnh Thường Quân giấu ngấm một lực lượng ở đất Tiệt, trong phủ nuôi dưỡng ba ngàn thực khách, là người được chiêu chuộng trong mối quan hệ giữa người với người ở trong nước. Nhưng ông ta cũng hiểu rất rõ rằng dưới chế độ quân chủ chuyên chế, một sự việc nào đó xử lý không

được thích đáng, địa vị Tể tướng lúc nào cũng như ngọn đèn dầu trước gió. Hoàn cảnh đặc biệt này khiến cho Mạnh Thường Quân cần phải có một sự hiểu biết sâu sắc để sáng suốt giữ mình.

Sau khi người vợ chính của Tề Mẫn Vương tạ thế, vị trí này vẫn luôn bị bỏ trống. Ai là người được thay vị trí này, Mạnh Thường Quân là Tể tướng tất nhiên rất quan tâm, vợ chính bị để trống lâu ngày thường không phải là một cách hay, hơn nữa việc lập người vợ chính không phải là một loại phối trí đơn giản, có khi cũng ảnh hưởng rất lớn đến chính trị.

Nhất là vào lúc đó, bắt đầu từ thời kỳ của Tề Mẫn Vương, thế lực của nước Tề đang luôn đi xuống, lúc này phát sinh vấn đề vợ chính, rõ ràng rất nhạy cảm. Mạnh Thường Quân với Mẫn Vương tuy là anh em cùng cha khác mẹ, nhưng chí tu dưỡng của hai người khác nhau rất xa, quan hệ cá nhân cũng không thân mật. Việc này Mẫn Vương không nhắc tới, làm Tể tướng đột nhiên hỏi tới tất nhiên không được lịch sự lắm. Không quan tâm cũng không hay, còn quan tâm, lại sợ không nắm được chuẩn xác ý chỉ của nhà vua, trong vấn đề lập vợ chính sẽ lưu lại tai họa ngầm về mặt chính trị. Mạnh Thường Quân vì việc này khổ tâm suy nghĩ khá lâu, cuối cùng cũng nghĩ ra được một kế hay.

Tề Mẫn Vương lúc này bên mình có bảy người vợ lẽ xinh đẹp trẻ trung, nhìn bề ngoài Mẫn Vương đều thương yêu bảy người đẹp này như nhau, nhưng Mạnh Thường Quân suy đoán, trong đó nhất định có một người được ông

ta sủng ái nhất, phải tìm được người này, việc sau này thì không khó lắm.

Gặp một lần khi trong lòng Mẫn Vương vui thích nhất, bảy người đẹp cùng ngồi bồi tiếp, cùng uống rượu vui vẻ, Mạnh Thường Quân lấy từ trong ngực ra bảy đôi vòng tai bằng ngọc đã chuẩn bị từ trước dâng cho Mẫn Vương. Bảy đôi vòng ngọc này đại thể giống nhau, nhưng trong đó có một đôi bằng ngọc quý đã được chọn lựa kỹ. Đối với Tể Mẫn Vương thường ngày vốn là một người sành ăn chơi, ông ta chính là người trong nghề, tự có cặp mắt biết phân biệt ngọc, vậy thì nhất định ông ta sẽ tặng đôi vòng ngọc này cho người đàn bà mà ông ta sủng ái nhất, người đàn bà này chính là người mà Mạnh Thường Quân muốn dâng lời để chọn làm người vợ chính.

Tất cả đều nằm trong sự suy tính trước của Mạnh Thường Quân. Đứng trước một mối nguy cơ chính trị, Mạnh Thường Quân lại một lần nữa bằng trí tuệ của mình vượt qua cửa ải khó khăn.

Một người nữa là Thân Bất Hại cũng đã một thời làm Tể tướng nước Hàn, cũng gặp phải một tình huống tương tự, ông ta bằng sự nhanh trí của mình cũng vượt qua được quan ải này. Nhưng so sánh, nhìn từ góc độ đạo đức để bình luận và phân xét thì không được quang minh chính đại bằng Mạnh Thường Quân, dẫn đến người đời sau đối với sự việc này có khá nhiều lời chỉ trích kín đáo. Sự tình là như thế này.

Nước Ngụy, bên cạnh nước Hàn, với nước Triệu xảy ra chiến tranh. Chiến sự càng ngày càng khốc liệt. Hàn vốn

có quan hệ tốt với hai nước này, chiến sự xảy ra, hai bên đều muốn giành được sự ủng hộ của Hàn, khiến vua nước Hàn là Hàn Chiêu Hầu nhất thời tâm thần bất định, rất không có chủ ý chính xác. Trong bảy nước thời Chiến quốc, Hàn là nước yếu nhất, lãnh thổ nhỏ hẹp, quân lực cũng yếu, nguồn tài nguyên cũng tương đối thiếu thốn. Càng như vậy, trong việc phân tranh giữa hai nước láng giềng, tình cảnh rất nhạy cảm, Hàn Chiêu Hầu rất là phiền não, thế là tìm đến Thân Bất Hại bàn bạc đối sách.

Thân Bất Hại thật ra không phải là một người chỉ có hư danh, trong sách sử đã coi ông ta là người kế tục Hàn Phi Tử trong việc sáng lập ra hệ thống tư tưởng pháp gia, nhưng trong mười lăm năm nắm chức vị Tể tướng chưa làm được việc gì nổi bật. Còn kém xa Lý Khắc của nước Ngụy, Thương Ưởng của nước Tần, rầm rầm rộ rộ vận dụng tư tưởng pháp gia thúc đẩy cải cách chính trị trong nước mình.

Học vấn pháp gia mà Thân Bất Hại chuyên nghiên cứu, chia làm hai loại "Pháp" và "Thuật". "Pháp" chủ yếu là những điều chế định pháp luật có lợi cho nền chính trị trong nước, và thi hành rộng rãi để cầu có hiệu quả, đây có thể được coi là một hệ thống. Một hệ thống khác là "Thuật", "Thuật" chủ yếu là việc làm của những kẻ bầy tôi nhà vua, thuần túy thuộc về thuật tung hoành.

Việc làm của Thân Bất Hại là việc làm của một người theo chủ nghĩa lợi kỷ rất thành thạo hệ thống "Thuật".

Lại nói Hàn Chiêu Hầu hỏi ông ta đối với việc hai nước Ngụy, Triệu đánh nhau nên áp dụng thái độ như thế nào.

Thân Bất Hại không dám trả lời thẳng, chủ yếu vì không nắm được rõ thực tình trong lòng của Chiêu Hổu, không tiện dâng lời, áp ứng một hồi rồi giả giọng thận trọng :

- Vấn đề này liên quan đến sự an nguy của quốc gia, cho phép thần suy nghĩ thêm hai ngày nữa.

Sau khi ông ta thi hành kế hoãn binh, liền tìm đến hai vị đại thần có tài thao lược lại lòng ngay miệng thẳng, Triệu Trác và Hàn Long.

Thân Bất Hại đầu tiên tiến hành một lần tăng bốc đối với hai người này :

- Hai vị là biện sĩ hạng nhất trong nước, thường ngày vẫn hay có những lời đàm luận cao xa, học rộng nhớ nhiều, khiến mọi người khâm phục. Nay thiên hạ Triệu, Ngụy phân tranh, nước Hàn ta phải xử lý như thế nào, nguyện nghe cao luận của hai vị.

Triệu Trác và Hàn Long nghe những lời khen ngợi này, trong lòng tất nhiên là hết sức vui thích, giờ hết tài năng của mình bàn luận cao kiến về đối sách, khi có quan điểm khác nhau còn tích cực thay nhau biện luận.

Thân Bất Hại thấy mục đích bước thứ nhất đã đạt được, liền lại xúi giục hai người này đến trình bày trước mặt Hàn Vương. Còn Thân Bất Hại trái lại lặng lẽ nấp ở một bên quan sát sắc mặt và lời nói, từ tình cảm biểu lộ trên sắc mặt của Quốc vương, phân tích tổng hợp các mặt từ nhiều góc độ của câu hỏi, hoàn toàn nắm được tâm lý của Quốc vương.

Hai hôm sau, Thân Bất Hại tập hợp thành quả của hai người Triệu, Hàn, cộng với sự suy nghĩ và phát triển thêm,

thuận theo ý của Hàn Vương, nói ra cặn kẽ tất cả. Hàn Vương quá đỗi ngạc nhiên, thì ra Thân Bất Hại người lại tài giỏi như vậy ! Về sau phải thật trọng dụng ông ta.

Hành động này của Thân Bất Hại quả thực không đạo đức. Chỉ là một sự sáng suốt để giữ mình, như Mạnh Thường Quân thì người ta có thể tha thứ được. Nhưng vị Thân quân này, vượt qua khỏi giới hạn đó, thực sự là một sự cướp đoạt, trộm cắp thành quả tư tưởng của người khác.

Thầy giáo dạy văn học cổ điển của tôi khi giảng tới đoạn chuyện này, thường thường bị kích động, và mượn chuyện đời xưa để nói chuyện đời nay, giễu cợt, người nào đó cũng từng giống như Thân Bất Hại lấy trộm thành quả nghiên cứu học thuật của ông.

Ông có thể mắng những người như Thân Bất Hại là thẳng khốn, nhưng từ trước đến nay ông chưa bao giờ mắng những người như Thân Bất Hại là thẳng ngu !

52.

Thuật đọc suy nghĩ ở trong lòng – thế là đủ rồi

Lòng người khó lường. Quan sát kỹ lòng người, mới có thể tung hoành ngang dọc, tất cả mọi việc đều trôi chảy, đánh đâu thắng đó.

"Cái gọi là khó khăn trong việc du thuyết là gì ? Không phải khó khăn vì người đi du thuyết cần phải có tri thức phong phú, không phải khó khăn vì cần phải có tài hùng biện, cũng không phải khó khăn vì bản thân ở trong cảnh nguy hiểm mà thiếu dũng khí; điểm khó khăn nhất là ở chỗ, phải tìm hiểu được tư tưởng chính xác của đối thủ, tìm hiểu được suy nghĩ trong lòng của ông ta".

Hàn Phi Tử đã có một lần cảm thán như vậy.

Hàn Phi Tử là nhà tung hoành nổi tiếng thời Chiến quốc, là một nhân vật tiên phong của tư tưởng pháp gia. Ông ta chủ trương, kẻ sĩ du thuyết trước hết phải tìm hiểu được trái tim của đối phương, là một điều kiện không thể thiếu được của một kẻ sĩ làm nghề du thuyết. Điểm này ở trên đã nhắc đến, và có không ít những ví dụ điển hình về thành công và thất bại. Trong xã hội hiện nay cách thời đó khoảng 2200 năm, quan hệ giữa cấp dưới và cấp trên thường thường tỏ rõ, khá nhiều đạo lý thời xưa vẫn còn thông dụng cho đến tận bây giờ.

Hàn Phi, con người này mà tiếng tăm lớn như vậy, cũng phát ra lời cảm thán như trên. Kết cục cuối cùng, khi ông ta làm sứ giả sang nước Tần đã bị các đại thần của Tần liên kết lại công kích, cuối cùng bức quá mà chết. Vì lý luận và thực tiễn thiếu tính thống nhất, hay là vì sức chịu đựng đối với thời đời nóng lạnh, cuối cùng đã không kiên cường được như những điều biểu đạt trong những tác phẩm của ông ta ? Chúng ta có thể suy đoán từ trong nội tâm, ông ta không phải là một chính khách, mà chỉ là một nhân vật điển hình cho những phần tử trí thức có cá tính yếu đuối mà thôi.

Khác với Hàn Phi Tử, có một người tên gọi Thuần Vu Khôn. Ông ta về mặt tu dưỡng lý luận còn kém xa Hàn Phi Tử, nhưng về mặt thực tiễn, là một người có đầy đủ tính kiên cường và sự nhẫn nại, đặc biệt là về mặt tìm hiểu và nắm vững tâm lý đối thủ. Có một bộ sách ghi lại những điều tâm đắc có quan hệ chặt chẽ với thực tế, ông ta tự gọi đó là "Thuật đọc lòng người". Dựa vào những thuật ngữ do mình tự sáng tác, có thể tung hoành linh hoạt trong giao thiệp.

Thuần Vu Khôn khi còn trẻ, được bạn bè giúp đỡ có cơ hội tấn kiến Ngụy Vương. Tài học rộng và giỏi biện luận của anh ta cũng đã có một danh vọng nhất định. Ngụy Vương cũng tràn đầy sự trông đợi trong lần hội kiến này.

Lần thứ nhất hội kiến, Thuần Vu Khôn không nói một câu nào, mãi vẫn im lặng. Ngụy Vương không hiểu, đành phải đổi ngày hẹn gặp.

Lần thứ hai hội kiến, Ngụy Vương đặc biệt đuổi tả hữu ra, chỉ còn lại hai người. Có thể thấy Ngụy Vương là một người khá tế nhị, trong lòng nghĩ lần này chắc anh ta sẽ tích cực nói hơn.

Thế nhưng Thuần Vu Khôn vẫn không mở miệng, cũng như lần đầu gặp mặt, trông giống như một người bằng gỗ. Ngụy Vương không vui, một người nổi tiếng là giỏi biện luận, làm sao trước mặt nhà vua lại không nói được một lời ? Hay là ông ta thờ ơ với bản vương !

Ngụy Vương gọi người giới thiệu Thuần Vu KHôn tới trách cho một trận :

- Người khen người này có thể sánh với Quán Trọng và Án Anh, nhưng ta hai lần liên tiếp triệu kiến, anh ta vẫn không nói một lời, đó là lý gì ? Chẳng lẽ coi ta không ra gì ư ?

Người bạn trở về trách Thuần Vu Khôn vì sao lại thờ ơ với Ngụy Vương như vậy.

Thuần Vu Khôn thông thả nói :

- Không phải tôi không biết nói, cũng không phải tôi không muốn nói, hai lần đó bất kể tôi có nói gì, Ngụy Vương cũng không nghe được bao nhiêu. Bởi vì, lần thứ nhất khi tôi tấn kiến Đại vương, trong đầu ông ta chính đang nghĩ tới dáng vẻ của con ngựa. Lần thứ hai khi tôi tấn kiến Đại vương, trong đầu ông ta chỉ chứa đầy âm nhạc. Chỉ có thế mà thôi, xin anh thay tôi nói lại như vậy.

Người bạn này nói lại thực tình với Ngụy Vương, khiến cho Ngụy Vương phải nhảy lên kinh ngạc :

- Anh này quả thực là người thần ! Khi lần thứ nhất ta gặp anh ta, vừa đúng lúc có người dâng một con tuần mã, ta muốn kết thúc nhanh cuộc nói chuyện để đi xem ngựa. Khi hội kiến với anh ta lần thứ hai, vừa đúng lúc có người dâng ta con hát đẹp tuyệt vời, ta đang vội muốn đi nghe hát. Đó là những sự suy nghĩ trong lòng của ta, Thuần Vu Khôn tiên sinh vì cố gì mà hiểu được ? !

Thuần Vu Khôn giỏi việc quan sát lời nói và sắc mặt, trạng thái tâm lý của Ngụy Vương bộc lộ trên nét mặt, hoặc có thể còn có cử động với một ý thức nào đó. Tất cả những điểm này bị con người Thuần Vu Khôn thông minh, không những khám phá ra, hơn nữa còn đoán trúng. Chẳng trách Ngụy Vương hết sức kinh ngạc.

Lần hội kiến thứ ba được thực hiện. Lần này Ngụy Vương trong lòng thanh tĩnh, với tấm lòng thành khẩn tiếp đãi Thuần Vu Khôn, kết quả lần nói chuyện này kéo dài liên tục suốt ba ngày ba đêm.

Tìm hiểu tâm lý của đối phương là một điều kiện cần phải chuẩn bị đầy đủ của các nhà du thuyết thời đó. Loại bản lĩnh này không phải chỉ riêng Thuần Vu Khôn có, người thực hiện rộng rãi chính sách "Hợp tung" là Tô Tần, cũng đã từng vùi đầu nghiên cứu "Âm phù sách" và binh thư của Lã Vọng, sáng lập ra một loại tâm lý học gọi là "Thuật suy đoán".

"Thuật đọc lòng người" của Thuần Vu Khôn với "Thuật suy đoán" do Tô Tần sáng tạo đại khái có nhiều điểm giống nhau, chỉ sai biệt nhỏ, đều là những kiến thức để suy đoán tâm lý đối phương.

Con người Thuần Vu Khôn đã sử dụng mạo hiểm đến cực điểm loại tâm đắc này hoặc chính là kiến thức của anh ta. Hai lần hội kiến, anh ta đều im lặng, có rất nhiều khả năng sẽ mất đi cơ hội gặp mặt tuyệt vời này. Nhưng anh ta gan dạ cộng với kiến thức hơn người, với trạng thái tâm lý cầu hiền tài như khát nước của Ngụy Vương, điều kiện xử lý khách quan sự việc đều đã có sự phân tích và điều tra từ trước, cho nên mới dám giữ thủ đoạn này. Đặc biệt là anh ta bằng kinh nghiệm và bản năng khẳng định sự suy đoán của mình là không sai lầm đã được Ngụy Vương cực kỳ khâm phục và kính trọng, ngưỡng mộ.

Lần nói chuyện dài ba ngày ba đêm, khiến cho Thuần Vu Khôn một bước nhảy lên địa vị của một Tể tướng trẻ tuổi.

Muốn mạo hiểm, cũng rất cần có tài năng phải không bạn ?

Mục lục

1. Từ cảm tình lay chuyển đối phương	5
2. Từ từ bước vào then chốt của vấn đề	12
3. Tóm được chỗ nguy hiểm thì tấn công tới cùng	17
4. Lợi dụng điểm yếu của bản tính con người	21
5. Thu thập tin tức tình báo	24
6. Lòng dạ đàn bà	30
7. Khéo tăng bốc đối phương	35
8. Can gián cấp trên cần phải đúng mức	37
9. Thỉnh tướng không bằng kích tướng	41
10. Thủ đoạn của Lý Hồng Chương	45
11. Nói rõ lợi hại, được mất	49
12. Thất bại của chủ nghĩa lý tưởng	58
13. Cố ý làm một hành động khác thường	61
14. Chính thoại phản thuyết	67
15. Thắng bằng lối đánh bất ngờ	74
16. Sự hiểu ngầm uyển chuyển	79
17. Khéo léo sử dụng thuật phúng dụ	83
18. Đóng vai nhân vật phản diện	88
19. Phương pháp thuyết phục nhiều lần không ngừng nghỉ	93
20. Làm thế nào để đối phó với phương pháp thuyết phục nhiều lần	97

21. <i>Bi kịch của câu chuyện</i>	
<i>"Ba người nói có hổ trong chợ"</i>	102
22. Nhẫn nhịn mà không phát ra	105
23. Nhẫn nhịn nhưng đợi phát ra	108
24. Sự nhẫn nhịn của quan trường	111
25. Dũng khí của việc tự tiến cử	116
26. Tài ăn nói của việc tự tiến cử	120
27. Phong cách của việc tự tiến cử	122
28. Đảm lược của việc tự tiến cử	126
29. Im lặng là vàng	130
30. Niềm tin trong bước đường cùng	132
31. Việc binh không cấm sự dối trá	136
32. Lời nói dối của kẻ yếu	140
33. Điều lợi khiến kẻ khôn cũng thành ngu	146
34. Lời nói dối là con dao hai lưỡi	152
35. Đối xử với binh lính như con	155
36. Giết một, cảnh cáo trăm	157
37. Thất bại bắt đầu từ việc "lòng binh sĩ lìa tan"	161
38. Hiếu khách mưu cầu danh lợi, cuối cùng bị ruồng bỏ	164
39. Giết vợ lẽ, kính trọng kẻ sĩ	168
40. Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ	171
41. Lấy đức báo oán	174
42. Đem công lao nhường cho thuộc hạ	178
43. Vì sao Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ	180

44. Đánh vào lòng người là thượng sách	184
45. Sức mạnh của nhân cách	187
46. Nạn lớn sắp giáng xuống đầu vẫn bình tĩnh như không	192
47. Lời nói của việc không nói	197
48. Rất khôn, giả vờ ngu	200
49. Đạo lý quan sát người của Khổng Tử	203
50. Phương pháp giám định nhân tài	207
51. Mạnh Thường Quân và Thân Bất Hại - Làm thế nào để quan sát sắc mặt và lời nói ?	211
52. Thuật đọc suy nghĩ ở trong lòng - thế là đủ rồi	217

MŨU LƯỢC CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

Biên soạn : VƯƠNG ĐỊ CH

*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

43 - Lò Đúc - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản : **QUANG HUY**

Biên tập : **NGUYỄN THẾ VINH**

Trình bày và sửa bản in : **THU LINH**

In 1500 bản khổ 14,5 × 20,5 cm tại Xí nghiệp in số 9, TP. Hồ Chí Minh. Số giấy
phép xuất bản 546/CXB-15B/VHTT. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6-1999.



- Lấy đức báo oán ● Từ cảm tình lay chuyển đối phương ● Lợi dụng điểm yếu của bản tính con người ● Lòng dạ đàn bà ● Lời nói của việc không nói ●

Đó là một số trong **52 mưu lược** của người Trung Quốc. Lợi và hại, được và mất, một đề tài vĩnh cửu trong mưu kế của người xưa!

TKH 03
1941

Giá : 19.000 đ